

Số: 996 /CSVN-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Công ty: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã chứng khoán: GVR

Địa chỉ trụ sở: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 39 325 234

Email: vrg@vrg.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hoàng Đôn Huân – Người Phụ trách
Quản trị Tập đoàn, Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ Bất thường ☒ Định kỳ ☐ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2025.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn tại đường
dẫn: <https://vrg.vn/quan-he-co-dong/bao-cau-thuong-nien>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Ban kiểm soát;
- Ban Quản trị và TMTH;
- Lưu: VT, CBTT.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Hoàng Đôn Huân

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2025.

No.: 996 /CSVN-CBTT

Ho Chi Minh City, April 19 2026

**INFORMATION DISCLOSURE
ON THE ELECTRONIC PORTAL OF THE STATE SECURITIES
COMMISSION AND THE STOCK EXCHANGE**

To:

- The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh City Stock Exchange.

Company name: **VIETNAM RUBBER GROUP – JOINT STOCK COMPANY**

Stock code: GVR

Head office address: 236 Nam Ky Khoi Nghia Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Tel.: (84-28) 39 325 234

Email: vrg@vrg.vn

Person disclosing information: Mr. Hoang Don Huan – Head of Corporate Governance, Authorized Information Disclosure Officer

Type of disclosure: ☐ Within 24 hours ☐ Ad hoc ☒ Periodic ☐ Upon request

CONTENT OF DISCLOSURE:

Annual report 2025.

This information is disclosed on the Group's website at the following link:
<https://vrg.vn/quan-he-co-dong/bao-cau-thuong-nien>.

We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we assume full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Recipients::

- As above;
- Chairman of the Board of Directors (for reporting);
- General Director (for reporting);
- Supervisory Board;
- Board of Corporate Governance and General Affairs;
- Archives: Office, Information Disclosure.

**FOR AND ON BEHALF OF THE GENERAL
DIRECTOR
AUTHORIZED INFORMATION DISCLOSURE
OFFICER**



Hoang Don Huan

Attached documents:

- Annual report 2025.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



**TIÊN PHONG TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tập đoàn/VRC/GVR	: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
BCTC	: Báo cáo tài chính
CTCP	: Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
TGD	: Tổng Giám đốc
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
CPI	: Chỉ số giá tiêu dùng
DTT	: Doanh thu thuần
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
ĐVT	: Đơn vị tính
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TP.HCM	: TP. Hồ Chí Minh

01

GIỚI THIỆU CHUNG

Cam kết - Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
Thông điệp từ Chủ tịch HĐQT
Những con số nổi bật năm 2025
Những sự kiện nổi bật năm 2025

02

TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề kinh doanh
Địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức
Danh sách đơn vị, chi nhánh trực thuộc
Định hướng phát triển
Thông tin nhân sự

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tóm tắt thông tin tài chính
Nhân sự và chính sách lao động

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động kinh doanh trong năm 2025
Tình hình tài chính
Những tiến bộ đạt được trong năm 2025
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị và các mặt hoạt động của Tập đoàn
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT Độc lập
Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2025

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Báo cáo Quản trị rủi ro

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp Phát triển bền vững
Mục tiêu Phát triển bền vững
Tiêu chí Phát triển bền vững
Chiến lược hành động

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

Cam kết - Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Thông điệp từ chủ tịch HĐQT

Những con số nổi bật năm 2025

Những sự kiện nổi bật năm 2025



Tầm nhìn

Thỏa mãn cao nhất yêu cầu của khách hàng; luôn chú trọng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm cao su theo nhu cầu khách hàng; liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế; thực hiện chính sách bán hàng chuyên nghiệp, hậu mãi chu đáo; đề cao uy tín thương hiệu VRG. Liên tục cải tiến Hệ thống quản lý và các Quy trình, Quy chuẩn sản xuất để đảm bảo cung cấp các sản phẩm luôn bảo đảm chất lượng, ổn định và bền vững. Đầu tư phát triển, tổ chức sản xuất trên quan điểm phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội.

Cam kết

Là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp về hiệu quả, quy mô, chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện môi trường ở Việt Nam, trong khu vực và khẳng định thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường thế giới.

Sứ mệnh

Cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước những sản phẩm nông, công nghiệp và dịch vụ có giá cả cạnh tranh, an toàn với người dùng, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội. Xây dựng và phát triển văn hóa Doanh nghiệp: kế thừa, đoàn kết, hài hòa lợi ích và tôn trọng pháp luật. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động có tính cạnh tranh, luôn đổi mới và gắn bó với Doanh nghiệp.

Giá trị cốt lõi

Phát triển Tập đoàn trên nền tảng 3 trụ cột: Kinh tế – Môi trường – Xã hội; thực hiện tốt chương trình tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, phát triển có trách nhiệm với xã hội.





THÔNG điệp TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP, là năm tăng tốc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tập đoàn nhiệm kỳ 2025 – 2030, đồng thời là năm tạo nền tảng để chuẩn bị bước vào giai đoạn phát triển mới 2026 – 2030. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn tiếp tục đối mặt với không ít khó khăn, thách thức trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, cạnh tranh thương mại, biến động giá cả hàng hóa, chi phí đầu vào, tỷ giá, thị trường tiêu thụ và các rủi ro địa chính trị còn hiện hữu. Tuy nhiên, với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng, Nhà nước, các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương; sự đồng hành, tin tưởng của quý cổ đông; cùng với tinh thần đoàn kết, chủ động, quyết liệt và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, người đại diện vốn và toàn thể cán bộ, người lao động, Tập đoàn đã nỗ lực vượt qua khó khăn, phát huy nội lực, tận dụng cơ hội, qua đó đạt được những kết quả tích cực và toàn diện.

Tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất năm 2025 đạt 32.431 tỷ đồng, doanh thu thuần đạt 29.078 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 7.107 tỷ đồng, tăng so với mức 5.606 tỷ đồng của năm 2024, vượt đáng kể kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ở mức 5.840 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy nỗ lực điều hành linh hoạt, hiệu quả của toàn Tập đoàn trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Tập đoàn tiếp tục khẳng định vai trò là doanh nghiệp nòng cốt của ngành cao su Việt Nam, với hệ thống đơn vị thành viên hoạt động trên phạm vi rộng, lĩnh vực kinh doanh đa dạng, gắn liền với các trụ cột: trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh cao su; chế biến gỗ; phát triển khu công nghiệp; năng lượng; dịch vụ và các ngành nghề hỗ trợ khác. Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Tập đoàn tiếp tục thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, trách nhiệm với địa phương, với người lao động và cộng đồng; chú trọng công tác an sinh xã hội, bảo đảm việc làm, thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới và tại các dự án ở nước ngoài. Những kết quả đó tiếp tục củng cố nền tảng để Tập đoàn bước vào năm 2026 với tâm thế mới, khí thế mới và quyết tâm mới.

Tập đoàn tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ với Nhà nước; nộp ngân sách theo quy định, góp phần tích cực vào nguồn thu của các địa phương; đồng thời bảo đảm hài hòa quyền lợi của người lao động và trách nhiệm với cộng đồng; chú trọng công tác an sinh xã hội, bảo đảm việc làm, thu nhập và các chế độ phúc lợi, góp phần ổn định đời sống người lao động, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới và tại các dự án ở nước ngoài.



THÔNG DIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“Năm 2026 là năm bản lề khởi đầu cho kế hoạch 5 năm 2026 – 2030, là năm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược phát triển của Tập đoàn theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, vốn, tài nguyên và năng lực quản trị; đồng thời tiếp tục khẳng định vị thế của Tập đoàn trong chuỗi giá trị ngành cao su và trong lĩnh vực khu công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Để hoàn thành và phấn đấu vượt các mục tiêu kế hoạch năm 2026, Tập đoàn cần tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây.”

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, kết luận, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng Quản trị và các chương trình, kế hoạch hành động của Tập đoàn; bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển được triển khai đúng định hướng, đúng quy định, đúng tiến độ và ngày càng nâng cao chất lượng, hiệu quả.

Thứ hai, tập trung điều hành chủ động, linh hoạt, xây dựng các kịch bản ứng phó diễn biến thị trường trong nước và quốc tế để tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng lĩnh vực, nhất là lĩnh vực cốt lõi là cao su; đồng thời tăng cường năng lực dự báo, quản trị rủi ro, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sử dụng vốn trong toàn Tập đoàn.

Thứ ba, triển khai hiệu quả các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và năng lượng tái tạo; phát huy tối đa lợi thế về quỹ đất và hệ sinh thái doanh nghiệp của Tập đoàn để tạo động lực tăng trưởng mới trong giai đoạn tới.

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất và kinh doanh; khai thác hiệu quả dữ liệu, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và các công cụ quản trị mới nhằm nâng cao năng lực điều hành, nâng cao minh bạch và hiệu suất hoạt động toàn Tập đoàn.

Thứ năm, tiếp tục cơ cấu lại doanh nghiệp theo hướng tinh gọn, mạnh, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, công tác kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của người đứng đầu tại từng đơn vị thành viên. Tiếp tục chăm lo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia, kỹ sư, công nhân lành nghề có bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn và tinh thần trách nhiệm; thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động, tạo môi trường làm việc ổn định, chuyên nghiệp, đoàn kết và nhân văn.

Thứ sáu, chú trọng phát triển thị trường, khách hàng và thương hiệu; chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa đối tác và kênh tiêu thụ; đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm cao su, gỗ, khu công nghiệp và các ngành nghề liên quan.

Thứ bảy, kiên định mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững gắn với trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, rừng và các nguồn lực tự nhiên; tiếp tục phát huy vai trò của Tập đoàn trong phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới và tại các dự án ở Lào, Campuchia.

Thứ tám, phát huy cao nhất tinh thần đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo và khát vọng phát triển; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong Tập đoàn để quyết tâm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026, tạo nền tảng vững chắc cho cả giai đoạn 2026 – 2030.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tập đoàn, tôi trân trọng cảm ơn sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan Trung ương và địa phương; sự đồng hành, tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông, quý đối tác, khách hàng; cùng sự nỗ lực, tận tâm, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, người lao động trong toàn Tập đoàn. Tôi tin tưởng rằng, với truyền thống vẻ vang của ngành cao su Việt Nam, với nền tảng đã được củng cố trong những năm qua và với quyết tâm đổi mới mạnh mẽ, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP sẽ tiếp tục phát triển ổn định, bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động và mang lại giá trị ngày càng thiết thực cho cổ đông, người lao động, đối tác, cộng đồng và Đất nước.

Trân trọng cảm ơn./

Chủ tịch hội đồng quản trị

TRẦN CÔNG KHA



NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2025



Sản lượng tiêu thụ cao su

535.286 Tấn



Sản lượng khai thác

462.609 Tấn



Sản phẩm gỗ

1.150.173 m³



Sản lượng điện thương phẩm

608 Triệu KWh



Doanh thu cao su

23.925 Tỷ đồng



Khu công nghiệp
đang khai thác

14 Khu



Nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao

14 Dự án



TOP 1

Diện tích và sản lượng cao su Việt Nam

TOP 50

Công ty niêm yết tốt nhất năm 2025
của Tạp chí Forbes Việt Nam

TOP 25

Thương hiệu công ty niêm yết dẫn đầu 2025

Tổng doanh thu hợp nhất

32.431 Tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất

7.107 Tỷ đồng

Nộp ngân sách

4.977 Tỷ đồng

Tổng số lao động

+ 79.000 Lao động



01

TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM LẦN THỨ X, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Mốc son chính trị quan trọng trong năm 2025 của Tập đoàn là việc tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ Tập đoàn lần thứ X, nhiệm kỳ 2025 - 2030 trong 2 ngày 21-22/7/2025. Với phương châm Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Hợp tác - Phát triển, đại hội có sự tham dự của 199/200 đại biểu. Đồng chí Hồ Đức Phớc - Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã bầu 25 đại biểu vào Ban chấp hành khóa X, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đồng chí Trần Công Kha - UV BCH Đảng bộ Chính phủ, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn tiếp tục giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy khóa X.

Đại hội lần thứ X Đảng bộ Tập đoàn đã đề ra 9 nhiệm vụ trọng tâm, 5 đột phá phát triển với nhiệm vụ khẳng định quyết tâm đổi mới phương thức lãnh đạo, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện, đột phá về khoa học - công nghệ, chuyển đổi số gắn với tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Đảng bộ Tập đoàn đã đề ra

9

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

5

ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

02

TẬP ĐOÀN ĐÃ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH, VƯỢT CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG 8% CỦA CHÍNH PHỦ

Trong năm 2025, bối cảnh kinh tế nhiều biến động, Tập đoàn đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tiếp tục khẳng định vị thế vững vàng. Các chỉ tiêu tài chính cốt lõi đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn đã đạt kết quả vượt mức kế hoạch.

Cụ thể, doanh thu hợp nhất đạt 32.431 tỷ đồng, bằng 104,47% kế hoạch và tăng 12,85% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 7.107 tỷ đồng, cao hơn 26,7% so với năm trước. Nộp ngân sách 4.977 tỷ đồng. Tiếp tục chăm lo tốt đời sống, việc làm, thu nhập cho hơn 79.000 người lao động với thu nhập bình quân 11 triệu đồng/người/tháng.

Tập đoàn đảm bảo tối đa lợi ích của chủ sở hữu nhà nước và cổ đông, chuẩn bị đủ nguồn lực thanh toán cổ tức với tỷ lệ 4% vốn điều lệ, tương đương 1.548 tỷ đồng.



03

KHỞI CÔNG KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP THẠNH; KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY CHẾ BIẾN MỦ CAO SU ĐIỆN BIÊN - CÔNG TRÌNH CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV

Khu công nghiệp Hiệp Thạnh

495,17 Ha

2.350 Tỷ đồng vốn đầu tư

Nhà máy chế biến mủ cao su

25.000 m²

60 Tỷ đồng vốn đầu tư

Ngày 19/12/2025, tại xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Tập đoàn phối hợp với UBND tỉnh Tây Ninh long trọng tổ chức Lễ khởi công Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Thạnh – giai đoạn 1. Đây là công trình tiêu biểu chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, thể hiện quyết tâm chính trị và hành động cụ thể trong thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh, bền vững. Khu công nghiệp Hiệp Thạnh – giai đoạn 1 có quy mô 495,17 ha, tổng vốn đầu tư 2.350 tỷ đồng, do Tập đoàn làm chủ đầu tư.

Sau 7 tháng triển khai thi công, ngày 19/12/2025, Nhà máy chế biến mủ cao su của Công ty CPCS Điện Biên – nhà máy cao su đầu tiên tại tỉnh Điện Biên đã hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng, tại bản Pá Sắng, xã Thanh Nưa. Đây là một trong 3 công trình trọng điểm, được tỉnh Điện Biên lựa chọn khánh thành chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Nhà máy chế biến mủ cao su khởi công ngày 22/5/2025, với tổng đầu tư 60 tỷ đồng trên diện tích 25.000m². Với công suất thiết kế 5.000 tấn/năm (lò sấy 2 tấn/giờ), Nhà máy có đầy đủ hạng mục từ nhà xưởng, kho thành phẩm đến hệ thống xử lý nước thải, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo sản xuất các chủng loại SVR10 và SVR20, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cao su thương hiệu VRG của Tập đoàn, tiêu chuẩn quốc gia; sản phẩm có giá trị, thân thiện môi trường.



04

RA MẮT NHÃN HIỆU, SẢN PHẨM VRG GREEN, 13 ĐƠN VỊ ĐƯỢC VINH DANH DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG VIỆT NAM NĂM 2025

Tại lễ kỷ niệm 96 năm truyền thống ngành cao su vào ngày 28/10/2025, Tập đoàn chính thức công bố Nhãn hiệu chứng nhận và sản phẩm cao su nhãn hiệu “VRG GREEN” – biểu tượng cho sản phẩm xanh, phát thải thấp và bền vững, đồng thời là lời cam kết của Tập đoàn về “Chất lượng – Bền vững – Minh bạch”.

Tập đoàn đã vinh danh 2 đơn vị tiên phong và có thành tích xuất sắc trong phát triển sản phẩm cao su phát thải thấp – cao su Low Carbon – mang Nhãn hiệu “VRG GREEN”: Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riêng – là đơn vị đầu tiên của Tập đoàn sản xuất cao su đáp ứng yêu cầu “VRG GREEN” cho hai sản phẩm VRG SVR 3L, VRG SVR10; Công ty Cổ phần Cao su Chư Sê Kampong Thom – là đơn vị đầu tiên của Tập đoàn tại khu vực Campuchia sản xuất cao su đáp ứng yêu cầu “VRG GREEN” cho sản phẩm VRG CSR10.

Năm 2025, VRG tiếp tục ghi dấu ấn khi có 13 đơn vị thành viên được vinh danh Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam. Trong đó, Tổng Công ty Cao su Đồng Nai được vinh danh Top 10 Doanh nghiệp Bền vững, là đại diện duy nhất của VRG đạt thứ hạng cao nhất trong chương trình năm nay.



05

MÃ CHỨNG KHOÁN GVR CỦA TẬP ĐOÀN TIẾP TỤC VÀO DANH SÁCH “50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT” CỦA VIỆT NAM, VRG THUỘC “25 THƯƠNG HIỆU NIÊM YẾT DẪN ĐẦU” NĂM 2025

Năm 2025, mã chứng khoán GVR của Tập đoàn tiếp tục vinh danh trong danh sách “50 công ty niêm yết tốt nhất” của Việt Nam do Tạp chí Forbes bình chọn, và đây là lần thứ hai liên tiếp Tập đoàn có mặt trong bảng xếp hạng uy tín này. Tập đoàn cũng được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn trong danh sách “25 thương hiệu niêm yết dẫn đầu” năm 2025 công bố vào ngày 25/9/2025 vừa qua nhờ kết quả tài chính vượt kế hoạch, vốn hóa thị trường tăng cao, cùng với việc tích cực đẩy mạnh 3 lĩnh vực trụ cột chiến lược là cao su, khu công nghiệp và năng lượng tái tạo.



Top 50

Công ty niêm yết tốt nhất của Việt Nam do Tạp chí Forbes bình chọn

Top 25

Thương hiệu niêm yết dẫn đầu năm 2025



06

TẬP ĐOÀN ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, THỰC HIỆN CHIẾN DỊCH “KHÔNG GIẤY TỜ”

Trong năm qua Tập đoàn đã nâng cấp Hệ thống Văn phòng điện tử (eOffice) về giao diện, triển khai diện rộng trong toàn Tập đoàn; gửi/nhận văn bản đồng nhất trên 01 trực liên thông văn bản. Triển khai đồng bộ chữ ký số (SmartCA) cho CBCNV Công ty mẹ – Tập đoàn và các đơn vị thành viên từ tháng 4/2025

Nâng cấp website của Tập đoàn về giao diện, bố cục, tính năng, bảo mật nhằm tăng cường hiệu quả trong công tác thu hút đầu tư, nhận diện thương hiệu và phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Đồng thời, hợp nhất trang tin tức Cao su Việt Nam với website của Tập đoàn để quản lý tập trung. Chuyển đổi tên miền từ “rubbergroup.vn” sang “vrg.vn” nhằm tăng cường nhận diện thương hiệu VRG của Tập đoàn từ tháng 8/2025.

Tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho CBCNV Công ty mẹ – Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Triển khai và thực hiện Chiến dịch “Không giấy tờ” trong Tập đoàn với mục tiêu tắt cả văn bản (trừ văn bản mật) được xử lý trên môi trường điện tử; tài liệu hợp không in giấy và đăng tải trên phần mềm eCabinet từ ngày 01/6/2025.



07

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC SẮP XẾP TINH GỌN BỘ MÁY TỔ CHỨC, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Trong năm qua, Tập đoàn đã đẩy mạnh sắp xếp bộ máy tổ chức, mô hình hoạt động tại các công ty cao su thành viên từ mô hình 3 cấp quản lý Công ty – Nông trường – Tổ sản xuất còn 2 cấp quản lý Công ty – Đội sản xuất gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ phù hợp chất lượng, năng lực ngang tầm nhiệm vụ mới, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tỷ lệ lao động gián tiếp/trực tiếp theo kế hoạch thấp nhất là 4,58% và cao nhất là 8,47%.



4,58%

Tỷ lệ lao động gián tiếp/trực tiếp thấp nhất theo kế hoạch

8,47%

Tỷ lệ lao động gián tiếp/trực tiếp cao nhất theo kế hoạch



08

KÝ KẾT BIÊN BẢN GHI NHỚ PHÁT TRIỂN CAO SU TẠI CHDCND LÀO

Ngày 3/12/2025, tại Hội nghị Xúc tiến Đầu tư Việt Nam – Lào diễn ra tại thủ đô Viêng Chăn thuộc khuôn khổ Kỳ họp lần thứ 48 Ủy ban Liên chính phủ Lào – Việt Nam, lãnh đạo VRC đã tham dự, phát biểu và tiến hành trao đổi Biên bản ghi nhớ giữa VRC và Bộ Nông nghiệp và Môi trường Lào về việc hợp tác khảo sát và phát triển dự án cao su tại Lào dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Phạm Minh Chính và Thủ tướng CHDCND Lào Sonexay Siphandone.

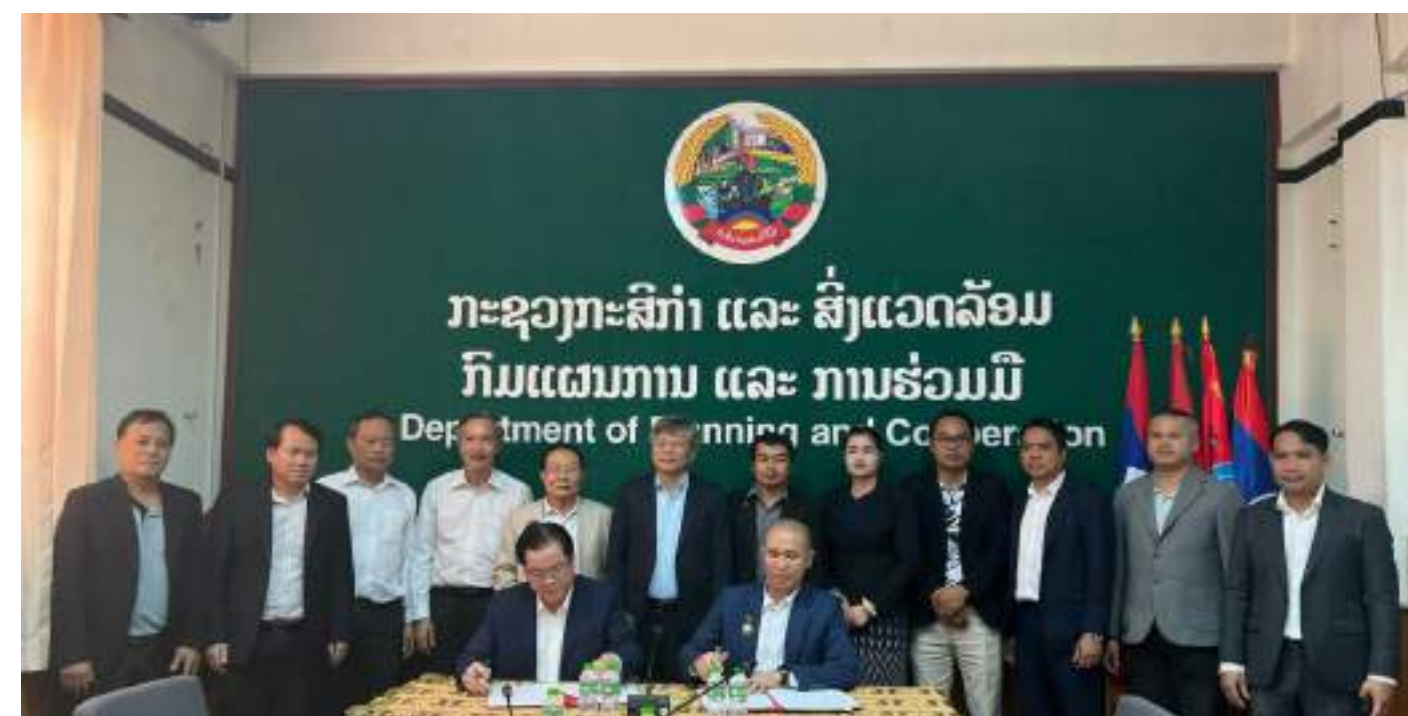
Theo Biên bản ghi nhớ giữa VRC và Bộ Nông nghiệp và Môi trường Lào do Cục Kế hoạch và Hợp tác là đại diện, hai bên sẽ phối hợp khảo sát quỹ đất và nghiên cứu tính khả thi của các dự án trồng cây cao su, xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su và chế biến gỗ cao su tại 5 tỉnh.

Theo định hướng, VRC đặt mục tiêu phát triển thêm khoảng 50.000-100.000 ha cao su mới, ứng dụng giống cây tiên tiến, năng suất cao, phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng của Lào, gắn với đầu tư chế biến để nâng cao giá trị gia tăng.

VRC đặt mục tiêu phát triển

50.000 - 100.000

Ha cao su mới



09

CHUYỂN GIAO QUYỀN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN NHÀ NƯỚC TẠI TẬP ĐOÀN TỪ ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP SANG BỘ TÀI CHÍNH, CHUYỂN GIAO ĐẢNG BỘ TẬP ĐOÀN TỪ ĐẢNG ỦY KHỐI DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG SANG TRỰC THUỘC ĐẢNG ỦY CHÍNH PHỦ, TỪ ĐẢNG ỦY CHÍNH PHỦ SANG TRỰC THUỘC ĐẢNG ỦY BỘ TÀI CHÍNH.

Ngày 28/2/2025, tại lễ ký kết tại trụ sở Bộ Tài chính, Chính phủ quyết định chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại 18 Tập đoàn và Tổng công ty, bao gồm Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, từ Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp về Bộ Tài chính quản lý.

Theo Quyết định số 243-QĐ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị ban hành về việc thành lập Đảng bộ Chính phủ trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ Chính phủ bao gồm cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, trong đó có Đảng bộ Tập đoàn.

Theo Kết luận số 208-KL/TW của Bộ Chính trị, về việc tổ chức lại, chuyển giao các tổ chức đảng thuộc các tập đoàn, tổng công ty và ngân hàng thương mại nhà nước, ngày 15/12/2025, Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ đã có Quyết định số 73 điều chuyển nguyên trạng 22 Đảng bộ tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước thuộc Đảng bộ Chính phủ về Đảng bộ Bộ Tài chính, trong đó có Đảng bộ Tập đoàn.



10

TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN CAO SU VIỆT NAM LẦN THỨ X, NHIỆM KỲ 2025 - 2030; ĐẠI HỘI ĐOÀN THANH NIÊN TẬP ĐOÀN LẦN THỨ IX, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Đại hội Công đoàn Cao su Việt Nam lần thứ X, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tổ chức trong 2 ngày 30-31/12/2025. Đại hội đã bầu Ban chấp hành gồm 24 đồng chí. Đồng chí Huỳnh Thị Cẩm Hồng được tín nhiệm giữ chức Chủ tịch Công đoàn Cao su Việt Nam lần thứ X, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Ngày 21/10/2025, Đoàn Thanh niên Tập đoàn đã tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên VRG khóa IX gồm 15 đồng chí, trong đó, đồng chí Nguyễn Minh Thông tái đắc cử Bí thư, đồng chí Trần Huỳnh Ngọc Cẩm đắc cử Phó Bí thư Đoàn Thanh niên VRG nhiệm kỳ 2025 - 2030.



02

TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức

Danh sách đơn vị, chi nhánh trực thuộc

Định hướng phát triển

Thông tin nhân sự



Đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn

Đến thời điểm hiện nay gồm có 6 người; trong đó có Chủ tịch HĐQT Tập đoàn là Người đại diện phụ trách chung nhóm người đại diện, 5 thành viên HĐQT.

STT	Họ tên	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Chức danh
1	TRẦN CÔNG KHA	1.032.224.751	25,8056%	Chủ tịch HĐQT
2	LÊ THANH HƯNG	774.168.564	19,3542%	TV HĐQT kiêm TGD
3	HÀ VĂN KHƯƠNG	516.112.376	12,9028%	TV HĐQT
4	ĐỖ HỮU PHƯỚC	516.112.376	12,9028%	TV HĐQT kiêm P.TGD thường trực
5	TRƯƠNG MINH TRUNG	516.112.376	12,9028%	TV HĐQT kiêm P.TGD
6	HUỲNH THỊ CẨM HỒNG	516.112.376	12,9028%	TV HĐQT

Bộ máy quản lý, điều hành

- Hội đồng Quản trị có 08 người; trong đó có 06 thành viên đại diện vốn Nhà nước, 02 thành viên không đại diện vốn là thành viên độc lập HĐQT.
- Ban Tổng Giám đốc gồm có 01 Tổng Giám đốc và 06 Phó Tổng Giám đốc.
- Ban Kiểm soát: có 03 thành viên (gồm 01 Kiểm soát viên chuyên trách và 02 kiểm soát viên là kiêm nhiệm).
- Bộ máy giúp việc: Ban Quản trị và tham mưu tổng hợp trực thuộc HĐQT, 13 Ban nghiệp vụ và cơ quan gồm: Văn phòng Tập đoàn, Ban Tổ chức Cán bộ; Ban Pháp chế Thanh tra; Ban Tài chính Kế toán; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng; Ban Công nghiệp; Ban Thị trường Kinh doanh; Ban Quản lý Kỹ thuật; Ban Phát triển và Quản lý Khu công nghiệp; Ban Tổ chức Đảng ủy, Văn Phòng Đảng ủy, Ban Tuyên giáo Đảng ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.
- Các Văn phòng Đại diện tại: Hà Nội, Campuchia, Lào

Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Hòa Bình và đoàn công tác chụp ảnh lưu niệm với lãnh đạo VRG trong chuyến thăm và làm việc với VRG vào ngày 27/02/2026.



TÊN GIAO DỊCH

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM

TÊN VIẾT TẮT

VRG

MÃ CỔ PHIẾU

GVR

TÊN TIẾNG ANH

VIETNAM RUBBER GROUP

VỐN ĐIỀU LỆ

40.000.000.000.000 VNĐ

VỐN CHỦ SỞ HỮU

62.201.582.701.022 VNĐ

ĐỊA CHỈ

236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường
Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

WEBSITE

vrg.vn

SỐ ĐIỆN THOẠI

(028) 39 325 234

LOGO



Thông tin cổ phiếu

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần (GVR) được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM ("HOSE"), Việt Nam vào ngày 31/07/2020.

Mã cổ phiếu: GVR

Năm tài chính kết thúc ngày: 31/12

Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC

Vốn điều lệ của công ty

40.000 Tỷ đồng

Khối lượng cổ phiếu niêm yết

4.000.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

Loại cổ phiếu

CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

Cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu

Gía trị vốn hóa thị trường
(tại 31/12/2025)

104.800 tỷ đồng

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 14/11/2025)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước	22.230	3.982.759.541	39.827.595.410.000	99,57%
1	Cổ đông nhà nước	1	3.870.842.819	38.708.428.190.000	96,77%
2	Cổ đông tổ chức	63	21.009.377	210.093.770.000	0,53%
3	Cổ đông cá nhân	22.166	90.907.345	909.073.450.000	2,27%
II	Cổ đông nước ngoài	216	17.240.459	172.404.590.000	0,43%
1	Cá nhân	184	1.156.392	11.563.920.000	0,03%
2	Tổ chức	32	16.084.067	160.840.670.000	0,40%
TỔNG CỘNG		22.446	4.000.000.000	40.000.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Bộ tài chính	3.870.842.819	96,77%





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

HÀNH TRÌNH **45** năm KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

➤ 1980

Tháng 3 năm 1980 chuyển thành Tổng Cục Cao su trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng với hai chức năng: Quản lý Nhà nước về cao su và tổ chức sản xuất cao su.

➤ 2010

Chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

➤ 1989

Năm 1989 chuyển thành Tổng Công ty Cao su trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm.

➤ 2017

Ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

➤ 1975

Tiền thân là Ban Cao su Nam Bộ, tháng 4 năm 1975 chuyển thành Tổng Cục Cao su thuộc Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.

➤ 1995

Là Tổng Công ty Nhà nước hạng đặc biệt theo Quyết định 91/TTg.

➤ 2018

Ngày 22/05/2018 tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ 01/06/2018. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam trực thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

➤ 1977

Tháng 7 năm 1977 chuyển thành Tổng Công ty Cao su Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp.

➤ 2006

Chính phủ quyết định thành lập Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

➤ 2021

Ngày 17/12/2021, Tập đoàn tổ chức Hội nghị bàn giao doanh nghiệp cổ phần hóa sang Công ty cổ phần đối với Công ty mẹ - Tập đoàn cùng 20 công ty TNHH MTV, 4 đơn vị sự nghiệp.



2025

**Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
trực thuộc Bộ Tài chính**



TRỒNG, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ CAO SU

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hiện quản lý trên 377.797 ha cao su tại Việt Nam, Lào và Campuchia, với hàng chục đơn vị thành viên và hơn 96 năm hình thành, phát triển. Nhờ quy mô lớn cùng đội ngũ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, Tập đoàn giữ vai trò doanh nghiệp nòng cốt, dẫn đầu ngành cao su tại Việt Nam và trong khu vực. Hoạt động sản xuất được tổ chức theo chuỗi khép kín từ trồng, chăm sóc, khai thác đến chế biến, đảm bảo chất lượng cao su thiên nhiên ổn định, đáp ứng

các tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống nhà máy được đầu tư đồng bộ, hiện đại cùng năng lực quản lý hiệu quả giúp Tập đoàn phục vụ tốt các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Tập đoàn hiện có 44 đơn vị thành viên sở hữu nhà máy chế biến, với tổng cộng 60 nhà máy và xưởng chế biến mủ cao su được trang bị máy móc, thiết bị tiên tiến, đạt tổng công suất thiết kế 661.900 tấn/năm. Trong đó, 20 công ty thành viên đã được cấp chứng chỉ rừng bền vững theo hệ thống VFCS/PEFC-FM cho trên 148.000 ha rừng cao su và 56 nhà máy được cấp chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC. Nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững toàn cầu, Tập đoàn đang triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc để tuân thủ Quy định về Sản phẩm không gây mất rừng của EU (EUDR), đảm bảo tính minh bạch trong chuỗi cung ứng; hiện có 39 công ty thành viên với diện tích 305.215 ha rừng cao su đã thích ứng với quy định EUDR.

Song song với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, Tập đoàn định hướng phát triển theo chiến lược tăng trưởng xanh, thân thiện với môi trường và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ canh tác tiên tiến. Với tiềm lực vững mạnh và uy tín thương hiệu, Tập đoàn sẵn sàng mở rộng hợp tác với các đối tác trong chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành cao su quốc tế.



NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam định hướng phát triển lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như một hướng đi chiến lược, tập trung vào các loại cây trồng chủ lực gồm chuối, dứa, dược liệu và một số nông sản có giá trị kinh tế cao khác. Các dự án được quy hoạch và triển khai theo mô hình trang trại hiện đại, gắn với thị trường tiêu thụ ổn định và bền vững. Trong hoạt động canh tác, Tập đoàn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, hệ thống GIS, IoT cùng các quy trình quản lý

theo tiêu chuẩn quốc tế, xuyên suốt từ khâu sản xuất, sơ chế, đóng gói đến xuất khẩu. Các sản phẩm nông nghiệp của Tập đoàn hướng tới đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc, phù hợp với xu hướng tiêu dùng toàn cầu.

Với định hướng phát triển xanh, bền vững và hội nhập quốc tế, Tập đoàn tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, đồng thời chủ động kêu gọi hợp tác đầu tư, liên kết chuỗi giá trị nhằm cùng phát triển các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, thân thiện với môi trường và tạo nền tảng tăng trưởng bền vững trong dài hạn.



TỔNG DIỆN TÍCH VƯỜN CÂY CAO SU (31/12/2025)

➤ Tổng diện tích toàn Tập đoàn: 377.797 ha



NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Với quỹ đất quản lý lớn, Tập đoàn có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió và thủy điện tích năng. Hiện nay, Tập đoàn đang sở hữu và quản lý 05 công ty thủy điện, gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn, VRG Phú Yên, VRG Bảo Lộc, VRG Đắc Nông và VRG Ngọc Linh, với tổng công suất lắp máy đạt 134 MW và sản lượng điện hàng năm khoảng 514 triệu kWh. Hoạt động của các đơn vị thủy điện đã và đang đóng góp tích cực vào hiệu quả kinh doanh cũng như thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.



CÔNG NGHIỆP CAO SU

Tận dụng lợi thế nguồn nguyên liệu sẵn có, Tập đoàn tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và sản xuất các sản phẩm công nghiệp cao su nhằm gia tăng giá trị và nâng cao hiệu quả chuỗi sản xuất. Danh mục sản phẩm công nghiệp cao su của Tập đoàn hiện khá đa dạng, bao gồm lốp xe mang thương hiệu VRG, nệm – gối cao su, găng tay y tế, bóng thể thao, chỉ sợi cao su, băng tải cao su. Các sản phẩm này đã và đang từng bước khẳng định uy tín trên thị trường, được khách hàng trong nước và quốc tế tin cậy.

Song song đó, Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh hợp tác sản xuất các sản phẩm chế biến chuyên sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh. Hiện nay, Tập đoàn có 5 công ty thành viên sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su, gồm: CTCP Cao su Bến Thành, CTCP VRG Khải Hoàn, CTCP Thể thao Ngôi Sao Geru, CTCP Chỉ sợi Cao su SADO và CTCP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú. Các sản phẩm tiêu biểu bao gồm lốp xe thương hiệu VRG, nệm gối cao su DORUFOAM, găng tay y tế Khải Hoàn (Vglove), bóng thể thao Geru Star, chỉ sợi cao su SADO và dây chuyển băng tải cao su Bến Thành.

Riêng đối với sản phẩm lốp xe, Tập đoàn định hướng phát triển thương hiệu trước khi đầu tư nhà máy sản xuất. Hiện nay, Tập đoàn đã phát triển sản phẩm lốp xe tải mang thương hiệu VRG, đáp ứng tiêu chuẩn JIS D4230 của Nhật Bản và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7533:2005. Giai đoạn 2018-2025, Tập đoàn đã sản xuất và tiêu thụ 5.800 bộ lốp xe tải (chủng loại 8.25-16 và 9.00-20). Qua quá trình sử dụng, sản phẩm được khách hàng đánh giá cao về chất lượng, khả năng bám đường, chống mài mòn, chịu lực tốt và có mức giá hợp lý.

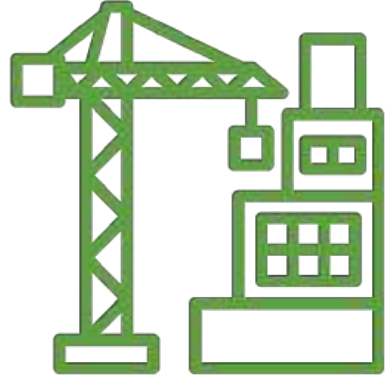
Tuy nhiên, hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do giá nguyên, nhiên liệu tăng cao và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường. Năm 2025, doanh thu từ mảng sản phẩm công nghiệp cao su ước đạt hơn 920 tỷ đồng.



LĨNH VỰC CHẾ BIẾN GỖ

Lĩnh vực chế biến gỗ là một trong những thế mạnh của Tập đoàn, được hỗ trợ bởi nguồn rừng nguyên liệu lớn và bền vững. Hiện nay, Tập đoàn với 16 công ty thành viên và 18 nhà máy sản xuất với tổng sản lượng khoảng 1,2 triệu m³/năm. Trong đó, sản lượng ván sợi MDF đạt 1.077.000 m³, chiếm khoảng 35% tổng sản lượng MDF sản xuất hàng năm của cả nước.

Trong thời gian tới, VRG định hướng tiếp tục mở rộng công suất các nhà máy chế biến gỗ hiện hữu, đồng thời đầu tư các dự án mới và phát triển các dòng sản phẩm phù hợp với lợi thế vùng nguyên liệu cũng như nhu cầu thị trường.



LĨNH VỰC ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP

Bên cạnh vai trò là Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực cao su, VRG còn là nhà đầu tư, phát triển và vận hành khu công nghiệp uy tín tại Việt Nam. Với tầm nhìn chiến lược và kinh nghiệm nhiều năm, Tập đoàn đã và đang góp phần hình thành các khu công nghiệp hiện đại, đồng bộ, thu hút hiệu quả nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội theo hướng bền vững. Hiện nay, VRG đang quản lý và khai thác 14 khu công nghiệp với tổng diện tích trên 4.200 ha, thu hút hơn 820 nhà đầu tư và tạo việc làm cho khoảng 260.000 lao động. Đồng thời, Tập đoàn đang triển khai đầu tư thêm 5 khu công nghiệp đã được Chính phủ chấp thuận chủ trương, nâng tổng số khu công nghiệp lên 19 khu với diện tích gần 6.300 ha; hiện có quỹ đất sẵn sàng thu hút đầu tư khoảng 1.600 ha đất công nghiệp và 125 ha đất dịch vụ tại các địa phương có nền kinh tế công nghiệp phát triển năng động như TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, Gia Lai và TP. Hải Phòng.

Các khu công nghiệp của VRG chủ yếu nằm tại các vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, được đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông huyết mạch, cảng biển và sân bay. Bên cạnh đó, Tập đoàn cung cấp hệ thống dịch vụ hỗ trợ toàn diện, bao gồm nhà xưởng xây sẵn, kho bãi và các tiện ích liên quan cùng đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư. Nhờ những lợi thế này, các khu công nghiệp của VRG đã thu hút hàng trăm doanh nghiệp trong và ngoài nước, hoạt động trong nhiều lĩnh vực như chế biến gỗ, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, viễn thông, điện tử, công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ.

Phát huy nền tảng sẵn có và định hướng phát triển dài hạn, VRG tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những nhà phát triển khu công nghiệp hàng đầu, đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp xanh – tuần hoàn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến và gắn với phát triển năng lượng tái tạo, góp phần kiến tạo không gian phát triển bền vững.

01 Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 56 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 39 427 091

Email: vphn@vrg.vn

02 Văn phòng đại diện tại Vương quốc Campuchia

Địa chỉ: Số 7B, phố 466, phường Tonle Basac, quận Charkamon, Phnom Penh, Campuchia

Điện thoại: +855 977527776

Email: vpcampuchia@vrg.vn

03 Văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Địa chỉ: Bản Hongke, huyện Saysetha, Thủ đô Viêng Chăn, Lào

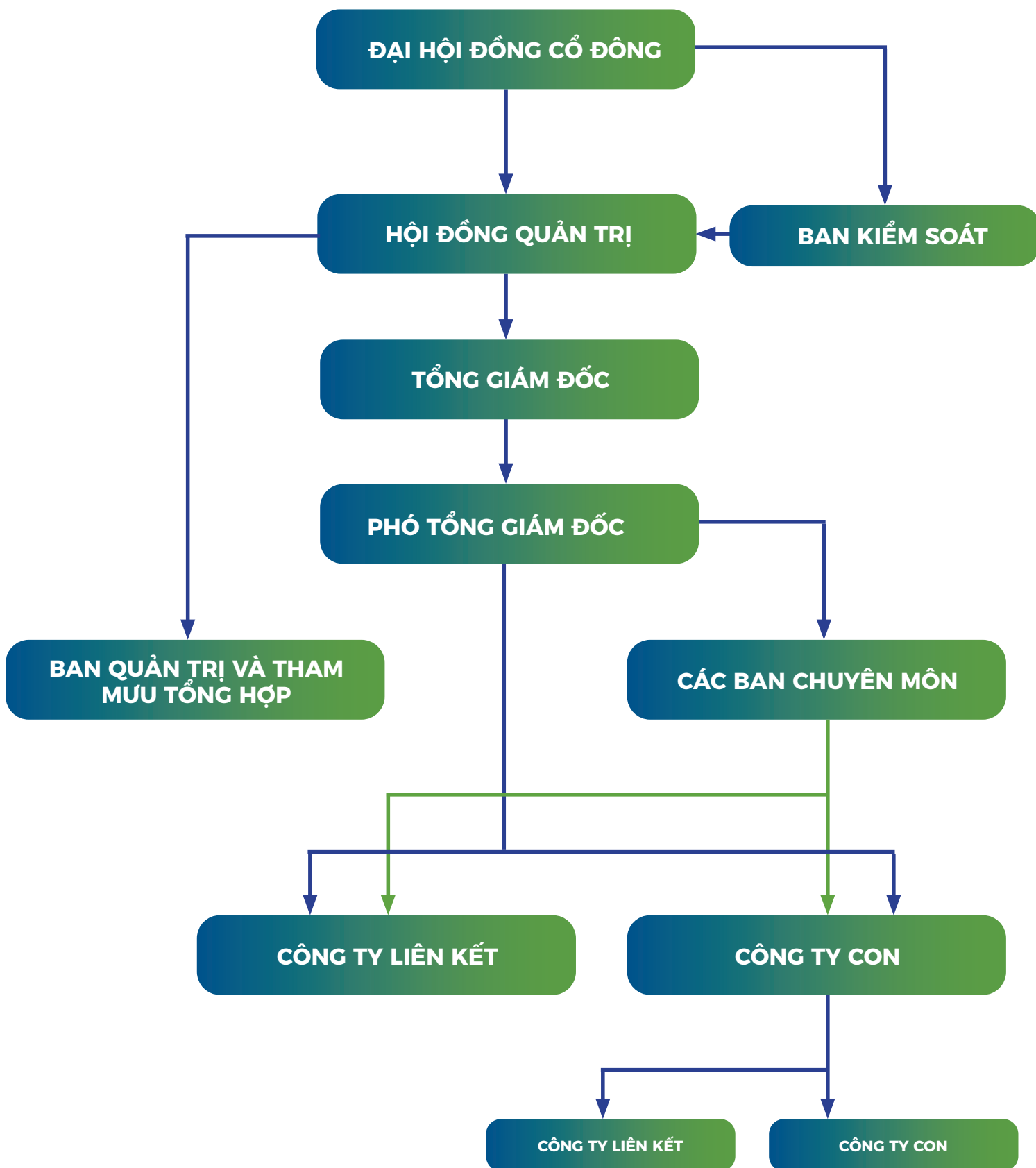
Điện thoại: +8562099666668

Email: vp Lao@vrg.vn



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị



Chỉ đạo trực tiếp

Chỉ đạo gián tiếp

CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

Tập đoàn hiện đang quản lý 136 công ty (gồm 120 công ty con và 16 công ty liên kết).

Vị trí địa lý các đơn vị thành viên



 DANH SÁCH ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
CÔNG TY CON				
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	47 đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, tỉnh Đồng Nai	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	100%
2	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Quốc lộ 13, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Trồng, khai thác, chế biến, thương mại buôn bán mủ và các dịch vụ cho việc phát triển cao su	100%
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	Xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh	Trồng, chăm sóc và khai thác cao su thiên nhiên. Trồng rừng, khai thác, chế biến các loại cây lâm nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp	100%
4	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao su. Trồng, chăm sóc rừng, khai thác lâm sản	100%
5	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu cao su	100%
6	Công ty TNHH MTV Cao su Krong Buk	Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Trồng cây cao su, cà phê, cây nông nghiệp ngắn ngày. Mua bán, xuất nhập khẩu: cao su, vật tư, thiết bị ngành cao su; cà phê, nông sản, thực phẩm	100%
7	Công ty TNHH MTV Cao su Ea H'Leo	499 Giải Phóng, xã Ea Đrăng, tỉnh Đắk Lắk	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	100%
8	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	Xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su, cà phê. Sản xuất và chế biến gỗ. Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su. Khai thác và chế biến khoáng sản. Thương mại buôn bán	100%
9	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	420 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Trồng trọt. Công nghiệp hoá chất phân bón và cao su. Thương mại buôn bán. Khai hoang xây dựng vườn cây	100%
10	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	639 Phan Đình Phùng, phường Đắk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi	Trồng mới, khai thác, chăm sóc và chế biến mủ cao su	100%
11	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	536 Nguyễn Huệ, xã Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai	Bán buôn cao su. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, trồng cây cao su. Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	100%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	01 Nguyễn Thị Minh Khai, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su, cà phê, hồ tiêu, sản xuất gỗ thành phẩm. Sản xuất phân bón. Thương mại buôn bán và trực tiếp xuất khẩu	100%
13	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Quốc lộ 1 A, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng	Đầu tư trồng, chăm sóc cây cao su; Xây dựng công trình dân dụng, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, miền núi	100%
14	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	Tổ dân phố Thạnh Mỹ II, xã Thạnh Mỹ, thành phố Đà Nẵng	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm; Trồng rừng kinh tế, rừng nguyên liệu; Dịch vụ Khách sạn	100%
15	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	Km22, Quốc lộ 15A, xã Hà Linh, tỉnh Hà Tĩnh	Trồng, bảo vệ và khoanh nuôi rừng; Khai thác, chế biến, tiêu thụ các loại lâm sản; Xuất khẩu sản phẩm cao su thành phẩm; sản xuất gạch ngói	100%
16	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê	Xóm 12 xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Trồng và chăm sóc, khai thác, chế biến, xuất khẩu sản phẩm Cao su	100%
17	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	135 Đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su	100%
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	264 Hùng Vương, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	100%
19	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	Thị trấn Đức Tài, xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su	100%
20	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su	100%
21	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật KH-CN các lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp cao su thiên nhiên	100%
22	Trung tâm Y tế Cao su	410 Trường Chinh, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong ngành cao su và ngành khác	100%
23	Tạp chí Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Báo chí và in ấn	100%



DANH SÁCH ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
24	Công ty TNHH MTV Trường Cao đẳng Miền Đông	1428 Phú Riềng Đỏ, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	Đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong ngành cao su	100%
25	Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn	Thôn Ngặt, xã Sông Kôn, thành phố Đà Nẵng	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất kinh doanh điện năng; Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp	77,25%
26	Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc	263 Hoàng Văn Thụ, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất kinh doanh thủy điện; Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện	80,93%
27	Công ty Cổ phần VRG - ĐắkNông	TDP 10, đường Mạc Thị Bưởi, phường Bắc Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thủy điện; Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, các loại cây công nghiệp khác và trồng rừng	91,34%
28	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su	64 Trương Định, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su. Gia công, sản xuất, mua bán giày thể thao xuất khẩu. Mua bán cao su và sản phẩm cao su	83,50%
29	Công ty TNHH MTV Thương mại Địa ốc Hồng Phúc	50 - 52 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su; Sản phẩm cao su kỹ thuật	83,50%
30	Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa	502A Lý Thường Kiệt, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác	83,50%
31	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tây Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dụng cụ thể thao; Mua bán cao su; Nhập khẩu các loại vật tư nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dụng cụ thể thao.	83,08%
32	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	KCN Nam Đông Hà, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo MDF, Okal; Trồng, mua bán và khai thác nguyên liệu để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác	97,31%
33	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	Ấp 2A, xã Phước Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Trồng cây cao su; Khai thác và chế biến mủ cao su; Thu mua mủ nguyên liệu; Bán lẻ xăng dầu; Mua bán và chế biến gỗ cao su	66,62%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
34	Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	207 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán nguyên liệu cao su (không hoạt động tại trụ sở)	89,29%
35	Công ty TNHH Cao su Việt Lào	Km6, Bản Huội Nhăng Khăm, thành phố Pakse, tỉnh Champasak, Lào	Khai hoang, trồng rừng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	89,29%
36	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	Ấp 7, xã Hòa Hội, thành phố Hồ Chí Minh	Trồng, chăm sóc, khai thác, sơ chế cao su thiên nhiên	55,06%
37	Công ty Cổ phần Cao su Hàng Gòn	Phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai	Thu mua, sản xuất sơ chế mủ cao su; Bán buôn các sản phẩm sơ chế mủ cao su thiên nhiên; Kinh doanh vật tư hoá chất sản xuất cao su	50,00%
38	Công ty Cổ phần Quasa Geruco	D21, Trung tâm Thương mại Đông Nam Á, xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su và rừng nguyên liệu	98,99%
39	Công ty TNHH Cổ phần Quasa Geruco	Bản Vâm Hồng Khâm, huyện Phine, tỉnh Savannakhet, Lào	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su và rừng nguyên liệu	98,99%
40	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Đại lộ Hoà Bình, phường Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh xuất nhập khẩu cao su và các loại nông, lâm, thủy hải sản; thực hiện các dự án xây dựng khách sạn và khu du lịch; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa	96,49%
41	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	Phường Tân Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	42,30%
42	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Mua bán mủ cao su	63,15%
43	Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	Khu phố 3, xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh	Khai thác, chế biến gỗ, sản xuất các mặt hàng: tủ, bàn ghế, giường ngủ, mặt hàng gia dụng, các sản phẩm trang trí nội thất	61,00%
44	Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Khách sạn Hưng Yên	611 Phan Đình Phùng, phường Đắk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi	Du lịch, dịch vụ, đào tạo, sát hạch lái xe	98,41%
45	Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	12 Đường HT25, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên sản xuất, chế tạo máy sơ chế mủ cao su	92,05%
46	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	Xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai	Trồng trọt, chế biến nông sản, lâm sản; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Công nghiệp hóa chất phân bón và cao su	55,24%



DANH SÁCH ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
47	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	Quốc lộ 22B, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên	60,00%
48	Công ty Cổ phần Cao su Sơn La	Tổ 11, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	99,36%
49	Công ty Cổ phần Cao su Điện Biên	Đội 19, xã Thanh Nua, tỉnh Điện Biên	Trồng cây cao su và sơ chế mủ Cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới cây Cao su; Trồng rừng, chế biến gỗ, chăn nuôi gia súc; Đại lý mua bán, phân phối cây giống, phân bón, các sản phẩm Cao su	100,00%
50	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	Tổ 5, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới tiêu diễn; Trồng rừng; Đại lý bón phân; Kinh doanh xuất nhập khẩu	98,32%
51	Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	308E Phan Đình Phùng, phường Đắk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi	Trồng và chăm sóc cây cao su	95,36%
52	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cao su Nghệ An	17 Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Trồng cây cao su: trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su nguyên chất; Trồng rừng và chăm sóc rừng	93,03%
53	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampong Thom	Tổ 8, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	99,07%
54	Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên Kampong Thom	Huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên	99,07%
55	Công ty TNHH MTV Cao su Mê Kông	Tổ 8, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	99,07%
56	Công ty TNHH Cao su Mê Kông	Xã Kroyer, huyện Prasat Balang, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên	99,07%
57	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa	Ấp Đức Trung, xã Ngãi Giao, thành phố Hồ Chí Minh	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên; Dịch vụ khách sạn và du lịch	97,47%
58	Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su	70,00%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
59	Công ty Cổ phần VRG Phú Yên	Lô 01-11, khu phố mới Hùng Vương, đường Hùng Vương, phường Tuy Hoà, tỉnh Đắk Lắk	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thủy điện. Đầu tư trồng, khai thác, chế biến cao su	94,70%
60	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh	Trồng trọt, công nghiệp hóa chất phân bón và cao su; Sản xuất, kinh doanh vật tư, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp	98,46%
61	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Dầu Giây	Km2, tỉnh lộ 769, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	71,04%
62	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Long Khánh	Khu công nghiệp Long Khánh, phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	75,68%
63	Công ty Cổ phần Cao su Hà Giang	Nhóm 4, Tổ 9, xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cây cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới; Chăn nuôi gia súc; Trồng và chăm sóc rừng; Chế biến gỗ; Đại lý mua bán tận thu mủ cao su	55,09%
64	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Ấp 1, phường Chánh Phú Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến gỗ; Mua bán mủ cao su	62,20%
65	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie	Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	62,20%
66	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Phú Kratie	Huyện Kratie, tỉnh Kratie, Vương Quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su	88,73%
67	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai Kratie	Ấp Trung Tâm, phường Xuân Lập, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh mủ cao su thiên nhiên và cây nông nghiệp. Sản xuất, mua bán vật tư nông nghiệp	88,73%
68	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Nai Kratie	Huyện Kratie, tỉnh Kratie, Vương Quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su	92,05%
69	Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh	Xã Đắk Pék, tỉnh Quảng Ngãi	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	77,46%
70	Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai	Chế biến cao su kỹ thuật và các sản phẩm dân dụng từ cao su; Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu cao su, vật tư, phân bón, hóa chất	41,13%



DANH SÁCH ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
71	Công ty Cổ phần Cao su Bảo Lâm	Xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng	Trồng, khai thác và chế biến cao su thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản	93,83%
72	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Rạch Bắp, đường D1, phường Long Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh	Khu Công nghiệp Rạch Bắp, đường D1, phường Long Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	92,67%
73	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Lô M, đường số 1, Khu Công nghiệp Thanh Lộc, xã Thạnh Hưng, tỉnh An Giang	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mòng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng	99,82%
74	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; chế biến gỗ	87,65%
75	Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức, tỉnh Tây Ninh	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mòng khác	50,67%
76	Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Khu phố 4A xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất; Sửa chữa máy móc, thiết bị phương tiện vận tải (trừ thiết kế phương tiện giao thông đường bộ)	65,39%
77	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II	Xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	99,80%
78	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa Kampong Thom	Quốc lộ 56, xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	92,75%
79	Công ty TNHH Phát triển Cao su Bà Rịa Kampong Thom	Huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	92,75%
80	Công ty Cổ phần Cao su Chư Sê Kampong Thom	420 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh mủ cao su thiên nhiên; Trồng cây điều; Trồng cây cà phê	99,95%
81	Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K.2	Huyện Stoung, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	99,95%
82	Công ty TNHH MTV Cao su Bean Heack	420 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	99,95%
83	Công ty TNHH Đầu tư Bean Heack	Huyện Stoung, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	99,95%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
84	Công ty Cổ phần Cao su Mang Yang Ratanakiri	536 Nguyễn Huệ, xã Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai	Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất phân bón NPK; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	100,00%
85	Công ty TNHH MTV Cao su ChưMomRay	Thôn 7, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
86	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cao su Hoàng Anh Mang Yang K	Tỉnh Rattanakiri, Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
87	Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đắk Đoa	Thôn II, xã Tân Bình, huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, chế biến, kinh doanh gỗ	100,00%
88	Công ty TNHH Phát triển Cao su Phước Hòa Kampong Thom	Xã Boeung Lavea, huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	66,62%
89	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú	Khu phố Bàu Ké, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng cây cao su; Xây dựng nhà các loại	45,10%
90	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long	Ấp 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	57,09%
91	Công ty Cổ phần Cao su Yên Bái	Thôn 2, phường Văn Phú, Tỉnh Lào Cai	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su	99,79%
92	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	186 Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	89,54%
93	Công ty Cổ phần Cao su Krông Buk Ratanakiri	Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Đầu tư, chăm sóc, chế biến, tiêu thụ cao su; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng; Mua bán xuất nhập khẩu cao su	100,00%
94	Công ty TNHH Phát triển Cao su Krông Buk Ratanakiri	Xã Talav, huyện Andoung Meas, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
95	Công ty Cổ phần Cao su Chư Prông Stung Treng	Xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	99,86%



DANH SÁCH ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
96	Công ty TNHH Cao su Chư Prông K	Số 92 Norodom, quận Daun Penh, Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	99,86%
97	Công ty TNHH Cao su Bình Phước Kratie 1	Huyện Kaev Seima, tỉnh Modul Kiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	99,86%
98	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie	Số 33, Tổ 26, xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	95,00%
99	Công ty TNHH Phát triển Cao su Dầu Tiếng Kratie	Huyện Chlong, tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia.	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	95,00%
100	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Khu phố 2, xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	97,99%
101	Công ty TNHH Phát triển Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Huyện Snoul, tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia.	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	97,99%
102	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Đồng Nai	Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Khánh, phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Khai thác gỗ; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	69,00%
103	Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K	Xã Don Cam Pech, huyện San Dan, Tỉnh Kampong Thơm, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
104	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Tân Bình	Phường Vĩnh Tân, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi	59,64%
105	Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn	Ấp Cầu Sắt, phường Bến Cát, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất gang tay y tế các loại	51,04%
106	Công ty TNHH Cao su Bolikhamxay Hà Tĩnh	Tỉnh Bolikhamxay, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
107	Công ty TNHH Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp	Xã Trapeang Prasat, huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Mean Cheay, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	60,00%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
108	Công ty TNHH MTV Best Royal (K)	Xã Trapeang Prasat, huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Mean Cheay, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	60,00%
109	Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay	Tỉnh Oudomxay, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
110	Công ty TNHH VKETI	Tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
111	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lai Châu	Khu 2, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu	Trồng cây cao su; Xây dựng nhà các loại; Khai thác quặng kim loại quý hiếm	99,98%
112	Công ty TNHH Cao su Ea H'Leo BM	Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
113	Công ty TNHH MTV Cao su Phước Hòa Đắk Lắk	138 Hùng Vương, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	66,62%
114	Công ty Cổ phần Cao su Mường Nhé Điện Biên	Thôn Mường Nhé, xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
115	Công ty TNHH MTV Cao su Qua Van - Quảng Trị (Lào)	Tỉnh Salavan, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	100,00%
116	Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn cao su	50,00%
117	Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh	Đường Điện Biên Phủ, thôn Ninh Thuận, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ	68,17%
118	Công ty TNHH Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa - Đắk Lắk	Thôn 2, xã Ea Rốk, tỉnh Đắk Lắk	Trồng cây ăn quả; Chế biến và bảo quản rau quả; Trồng cây cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	60,34%
119	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ Cao su Kon Tum	Thôn 01, xã Đắk Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Khai thác gỗ và lâm sản khác; thu nhặt sản phẩm từ rừng; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	51,00%
120	Công ty Cổ phần Thành phố Nội thất Việt Nam	Tòa nhà U&I, 158 đường Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, kim loại	33,97%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
CÔNG TY LIÊN KẾT				
1	Công ty Cổ phần Thống Nhất	Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh điện, nước sạch; Dịch vụ xử lý nước thải	36,07%
2	Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học và Sản xuất Thực nghiệm Cao su (Visorutex)	8 Trần Quý Khoách, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh	Trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su	27,57%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	Ấp Hòa Vinh, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn tổng hợp	29,17%
4	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Dongwha	Lô G, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai	Trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ, đằm nguyên liệu; Sản xuất, kinh doanh gỗ nhân tạo MDF, hóa chất phục vụ ngành gỗ	49,00%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VRG Long Thành	Lô E, Khu Công nghiệp Lộc An, Bình Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh cơ sở hạ tầng	31,00%
6	Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	636 Võ Văn Kiệt, phường Chợ Quán, thành phố Hồ Chí Minh	Khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ cây cao su; Sản xuất, mua bán, chế biến nông lâm sản xuất khẩu	27,14%
7	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Lô B3,1 Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su; Băng tải, dây curroic, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật	48,27%
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	Đường số 1, ấp Trung Tâm, phường Xuân Lập, tỉnh Đồng Nai	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất vật liệu xây dựng; Bê tông tươi, bê tông nhựa nóng, ống cống, cấu kiện bê tông đúc sẵn; Trồng, khai thác, chế biến và mua bán sản phẩm cây nông nghiệp và công nghiệp	41,50%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
9	Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Lộc Khang, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	32,59%
10	Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SA DO	Lô K5, K6, K7 Đường N9A, Khu Công nghiệp Dầu Giây, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất sợi nhân tạo, sản xuất sản phẩm khác từ cao su	49,06%
11	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh	Khu Công nghiệp Ia Khươl, thôn Tân Lập, xã Ia Khươl, tỉnh Gia Lai	Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	34,32%
12	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ Hà Tĩnh	16 Võ Liêm Sơn, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Thoát nước và xử lý nước thải; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	35,94%
13	Công ty TNHH Đô thị và Công nghiệp Nam Tân Uyên	Văn phòng Nông trường Long Thành, Khu 13, xã Bình An, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	20,00%
14	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Khu phố 3, xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su tại Lào	49,00%
15	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	165 Bạch Đằng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh Khu Công nghiệp; Xây dựng nhà ở, căn hộ, văn phòng; Khai thác và chế biến các loại khoáng sản; cho thuê đất, kho bãi, văn phòng, nhà ở, bãi đỗ xe	39,35%
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	Thôn 7, xã Phú Cát, thành phố Hà Nội	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thủy điện; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.	21,54%

Mục tiêu phát triển

Giữ vững vị thế của Tập đoàn là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực trồng, chế biến và kinh doanh cao su thiên nhiên; chế biến gỗ nhân tạo; sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su; đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên quỹ đất cao su; phát triển năng lượng xanh, năng lượng tái tạo và nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng khoa học – công nghệ. Trong đó, Tập đoàn tiếp tục giữ vị trí số một trong lĩnh vực trồng, chế biến và kinh doanh cao su thiên nhiên.

Khẳng định vai trò tiên phong trong phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị điều hành.

Phát triển Tập đoàn theo hướng hài hòa, cân bằng trên ba trụ cột Kinh tế – Xã hội – Môi trường, lấy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững làm mục tiêu xuyên suốt trong mọi hoạt động.

Nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh trên nền tảng công nghệ hiện đại; tiếp tục đổi mới phương thức quản lý, quản trị theo các chuẩn mực quốc tế tiệm cận các nước phát triển; củng cố và phát triển thương hiệu VRG trên thị trường trong nước và quốc tế; cơ cấu ngành nghề hợp lý, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính làm nòng cốt, phát triển bền vững; đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai và quản lý, khai thác bền vững tài nguyên rừng.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tập đoàn triển khai đồng bộ và có chiều sâu các giải pháp chiến lược nhằm củng cố và duy trì vị thế là Tập đoàn kinh tế Nhà nước hàng đầu thế giới trong lĩnh vực trồng, chăm sóc, chế biến và kinh doanh cao su, đồng thời tiếp tục khẳng định vai trò đơn vị tiên phong của ngành nông nghiệp trong đổi mới sáng tạo, nghiên cứu – phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Trọng tâm trong giai đoạn tới là hoàn thành việc cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn VFCS/PEFC, bảo đảm toàn bộ sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về tăng trưởng xanh, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn, cũng như các yêu cầu ngày càng khắt khe về minh bạch, truy xuất nguồn gốc, phù hợp với quy định của Liên minh châu Âu, đặc biệt là EUDR.

Song song với đó, Tập đoàn định hướng xây dựng và phát triển tín chỉ carbon trên toàn bộ diện tích vườn cây cao su, coi đây là giải pháp gia tăng giá trị tài sản sinh học và nâng cao hiệu quả kinh tế dài hạn. Tập đoàn sẽ chủ động tìm kiếm, lựa chọn các đối tác uy tín để hợp tác đánh giá trữ lượng carbon, từng bước hoàn thiện cơ sở khoa học và pháp lý, hướng tới thương mại hóa tín chỉ carbon trong tương lai, qua đó khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế – môi trường của vườn cây cao su.

Về chiến lược không gian phát triển, Tập đoàn tiếp tục đầu tư mở rộng diện tích cao su tại Lào và Campuchia nhằm tăng cường tích lũy quỹ đất, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và bù đắp phần diện tích cao su trong nước đang thu hẹp dần theo quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội. Đây được xem là bước đi chiến lược nhằm bảo đảm tính ổn định và bền vững của vùng nguyên liệu trong dài hạn.

Đồng thời, Tập đoàn tập trung huy động và phân bổ nguồn lực để phát triển các khu công nghiệp (KCN) theo mô hình hiện đại, ưu tiên KCN xanh, KCN sinh thái và KCN tuần hoàn, gắn với chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao, tối ưu hóa sử dụng năng lượng và tài nguyên, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp bền vững và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, Tập đoàn đẩy mạnh đầu tư vào các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, xác định đây là trụ cột chiến lược quan trọng tạo động lực tăng trưởng mới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xanh, kinh tế carbon thấp. Các dự án này không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực hiện có của Tập đoàn mà còn tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Nhân sự	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông Trần Công Kha	Chủ tịch HĐQT	12/01/2022
2	Ông Lê Thanh Hưng	Thành viên HĐQT	13/01/2022
3	Ông Hà Văn Khương	Thành viên HĐQT không điều hành	22/05/2018
4	Ông Đỗ Hữu Phước	Thành viên HĐQT	17/06/2024
5	Ông Trương Minh Trung	Thành viên HĐQT	05/11/2025
6	Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng	Thành viên HĐQT không điều hành	05/11/2025
7	Ông Nguyễn Đông Phong	Thành viên HĐQT độc lập	17/06/2024
8	Ông Nguyễn Hay	Thành viên HĐQT độc lập	22/05/2018

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Nhân sự	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
II BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Ông Lê Thanh Hưng	Tổng Giám đốc	13/01/2022
2	Ông Đỗ Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc thường trực	01/06/2022
3	Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2018
4	Ông Phạm Hải Dương	Phó Tổng Giám đốc	08/09/2023
5	Ông Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	18/02/2020
6	Ông Trần Như Hùng	Phó Tổng Giám đốc	05/11/2025
7	Ông Phạm Văn Hôi Em	Phó Tổng Giám đốc	05/11/2025
III BAN KIỂM SOÁT			
1	Ông Nguyễn Văn Cường	Kiểm soát viên chuyên trách	05/11/2025
2	Ông Võ Văn Tuấn	Kiểm soát viên	12/01/2022
3	Ông Nguyễn Minh Đức	Kiểm soát viên	12/01/2022



TRẦN CÔNG KHA

CHỦ TỊCH HĐQT

Bổ nhiệm: 12/1/2022

Năm sinh: 1974

Học vấn: Tiến sĩ Kinh tế



ÔNG LÊ THANH HƯNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1966

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG ĐỖ HỮU PHƯỚC

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1968

Trình độ: Thạc sĩ Kỹ thuật



ÔNG HÀ VĂN KHƯƠNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1970

Trình độ: Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp



ÔNG NGUYỄN ĐÔNG PHONG

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1960

Trình độ: Giáo sư, Tiến sĩ ngành Kinh tế



ÔNG NGUYỄN HAY

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1959

Trình độ: Giáo sư, Tiến sĩ ngành Cơ khí – Động lực



ÔNG TRƯƠNG MINH TRUNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1968

Trình độ: Cử nhân cơ khí nông nghiệp, Thạc sĩ QTKD



BÀ HUỲNH THỊ CẨM HỒNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Trình độ: Kỹ sư nông nghiệp



LÊ THANH HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bổ nhiệm: 12/1/2022

Năm sinh: 1966

Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG ĐỖ HỮU PHƯỚC

Phó Tổng Giám đốc thường trực

Năm sinh: 1968

Trình độ: Thạc sĩ Kỹ thuật



ÔNG TRƯƠNG MINH TRUNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1968

Trình độ: Cử nhân cơ khí nông nghiệp, Thạc sĩ QTKD



ÔNG TRẦN THANH PHỤNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1968

Trình độ: Thạc sĩ QTKD



ÔNG PHẠM HẢI DƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1966

Trình độ: Thạc sĩ Kỹ thuật



ÔNG PHẠM VĂN HỚI EM

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ: Cử nhân kinh tế,
Chứng chỉ kiểm toán viên



ÔNG TRẦN NHƯ HÙNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1980

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



ÔNG NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Kiểm soát viên chuyên trách

Năm sinh: 1975

Trình độ: Cử nhân kinh tế



ÔNG VÕ VĂN TUẤN

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1971

Trình độ: Thạc sĩ Nông nghiệp



ÔNG NGUYỄN MINH ĐỨC

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1984

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tóm tắt thông tin tài chính

Nhân sự và chính sách lao động



66

Năm 2025, kinh tế toàn cầu bước vào giai đoạn phục hồi trong bối cảnh nhiều bất định, với tốc độ tăng trưởng ở mức trung bình và xu hướng phục hồi diễn ra không đồng đều giữa các khu vực và nền kinh tế. Môi trường kinh tế thế giới tiếp tục chịu tác động đan xen của chính sách tiền tệ được điều hành theo hướng thận trọng, các rủi ro địa chính trị và xung đột khu vực kéo dài, cùng với tình trạng đứt gãy cục bộ và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Mặc dù lạm phát đã có xu hướng hạ nhiệt so với giai đoạn 2022-2024, song các yếu tố rủi ro tiềm ẩn vẫn hiện hữu, khiến chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn duy trì trạng thái linh hoạt, thận trọng và chưa nói lỏng hoàn toàn.

Trong bối cảnh đó, với sự chỉ đạo kịp thời, nhất quán và sát thực tiễn của Hội đồng quản trị, sự điều hành chủ động, quyết liệt và linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và nỗ lực cao của toàn thể cán bộ, người lao động, Tập đoàn đã vững vàng vượt qua các thách thức, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được những kết quả tích cực trong năm qua. Những kết quả này không chỉ phản ánh năng lực quản trị, khả năng thích ứng và sức chống chịu của Tập đoàn, mà còn tạo nền tảng quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

99

Kết quả kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng						
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	26.189	25.425	22.138	26.242	29.078	10,81%
Lợi nhuận gộp	7.575	6.342	4.962	6.965	8.653	24,23%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.783	4.381	2.795	4.740	6.050	27,65%
Lợi nhuận sau thuế	5.34	4.753	3.372	4.827	5.998	24,28%

Theo số liệu BCTC kiểm toán hợp nhất



LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HĐKD 2025

6.050 Tỷ đồng



Các chỉ số tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,39	3,01
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,01	2,40
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	29,97	27,91
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	42,79	38,74
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,00	3,71
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,33	0,34
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số LNST/DTT (ROS)	%	18,39	20,63
Hệ số LNST/ VCSH bình quân (ROE)	%	8,51	9,95
Hệ số LNST/TTS bình quân (ROA)	%	5,98	7,07
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	18,06	20,81

Theo số liệu BCTC kiểm toán hợp nhất

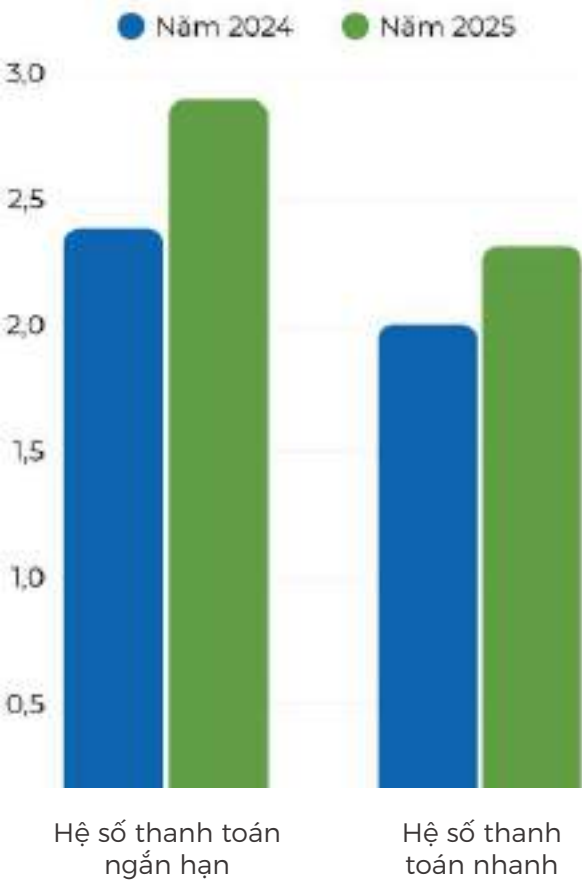


01 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn/nhanh 2025

3,01 & 2,40
lần

Các chỉ tiêu thanh khoản của GVR trong giai đoạn 2024 – 2025 duy trì ở mức rất cao, với hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,39 lên 3,01 và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,01 lên 2,40, đều vượt đáng kể so với ngưỡng thông thường của doanh nghiệp sản xuất (khoảng 1,2–1,5) và cả nhóm doanh nghiệp hạ tầng/khu công nghiệp (thường dưới 2). Mức thanh khoản này không chỉ phản ánh khả năng đáp ứng nghĩa vụ ngắn hạn ở trạng thái dư thừa, mà còn cho thấy cấu trúc tài sản ngắn hạn của Tập đoàn chủ yếu tập trung vào tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính, thay vì hàng tồn kho. Xét trong bối cảnh đặc thù của GVR – sở hữu quỹ đất lớn và đang trong quá trình chuyển dịch sang phát triển khu công nghiệp – việc duy trì thanh khoản cao phản ánh trạng thái tích lũy nguồn lực tài chính để chuẩn bị cho các chu kỳ đầu tư quy mô lớn. Tuy nhiên, việc hệ số thanh khoản tiếp tục gia tăng cũng đồng thời cho thấy độ trễ trong việc triển khai và chuyển hóa nguồn vốn này thành các tài sản sinh lợi, qua đó làm giảm hiệu quả sử dụng vốn trong ngắn hạn. Do đó, các chỉ tiêu thanh khoản hiện tại có thể được xem là chỉ dấu của giai đoạn chuyển tiếp, khi GVR đang tích lũy nguồn lực trước khi đẩy mạnh đầu tư và hiện thực hóa giá trị từ quỹ đất thông qua phát triển khu công nghiệp trong các năm tới.



Các chỉ số tài chính

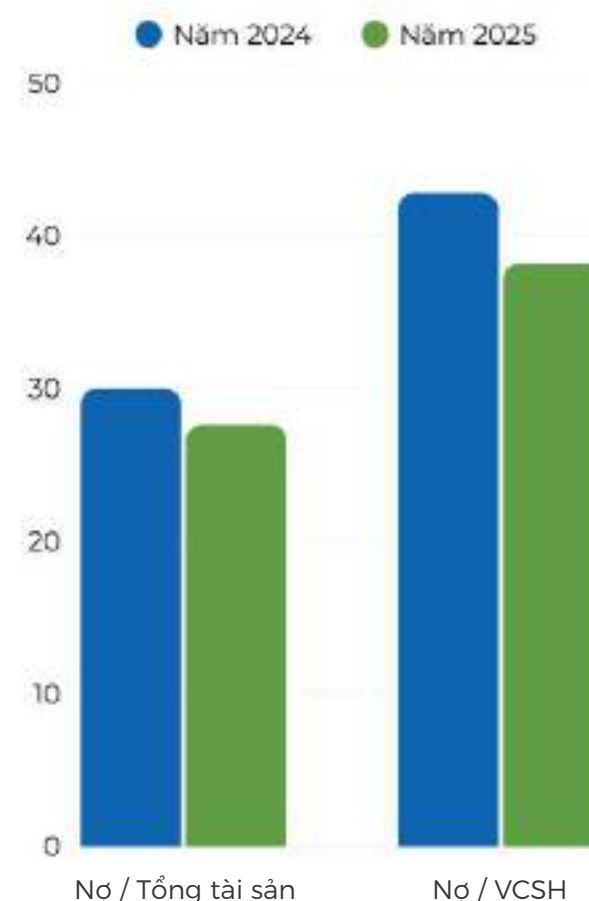
02 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Nhìn vào cơ cấu vốn, GVR đang duy trì một trạng thái tài chính rất thận trọng, thậm chí có phần “dư an toàn”, khi tỷ lệ nợ trên tổng tài sản giảm từ 27,97% xuống 27,91% và tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 42,79% xuống 38,74% trong giai đoạn 2024 – 2025. Mức đòn bẩy này thấp hơn đáng kể so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp hạ tầng và khu công nghiệp, vốn thường sử dụng nợ ở mức cao hơn để tài trợ cho các dự án dài hạn. Điều này cho thấy GVR chủ yếu vận hành dựa trên nguồn vốn tự có và lợi nhuận tích lũy, thay vì tận dụng đòn bẩy tài chính để mở rộng quy mô.

Tuy nhiên, khi đặt trong bối cảnh doanh nghiệp đang duy trì lượng tiền mặt lớn và thanh khoản ở mức cao, xu hướng tiếp tục giảm tỷ trọng nợ lại phản ánh một vấn đề khác: nguồn lực tài chính chưa được khai thác tối ưu. Việc không sử dụng đòn bẩy trong khi vẫn tích lũy vốn lớn cho thấy GVR đang ở trạng thái “chờ triển khai”, đặc biệt liên quan đến các dự án khu công nghiệp – lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư lớn nhưng có khả năng tạo ra biên lợi nhuận cao hơn đáng kể so với hoạt động truyền thống.

Do đó, cơ cấu vốn hiện tại của GVR vừa là điểm mạnh về mức độ an toàn tài chính, vừa là tín hiệu cho thấy dư địa cải thiện hiệu quả sử dụng vốn vẫn còn lớn. Khi các dự án chuyển đổi đất được đẩy nhanh và nhu cầu vốn tăng lên, việc chủ động điều chỉnh cấu trúc vốn – bao gồm cả việc sử dụng đòn bẩy hợp lý – sẽ là yếu tố then chốt để Tập đoàn nâng cao hiệu quả sinh lời và hiện thực hóa giá trị tài sản trong giai đoạn tới.



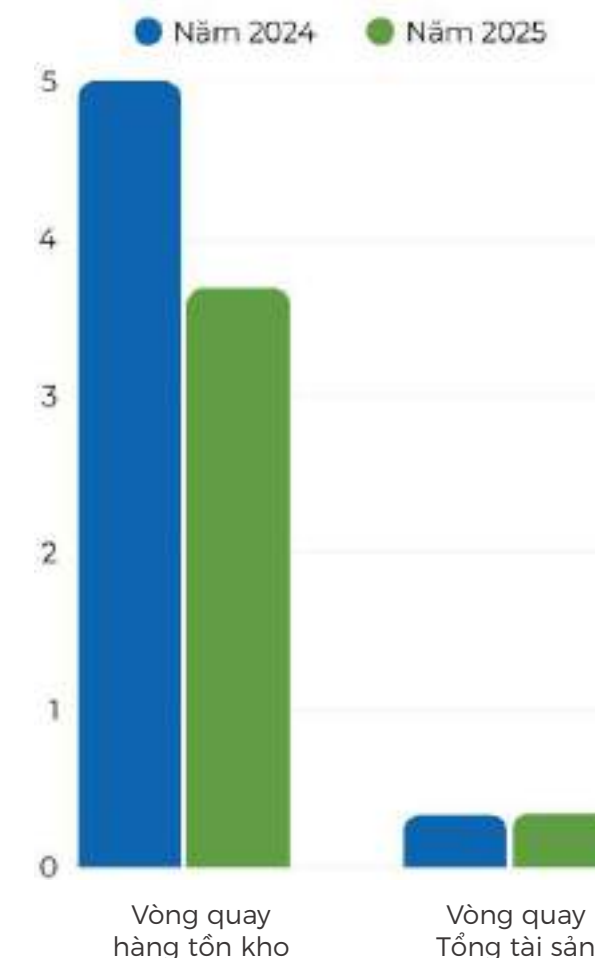
03 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Hiệu quả hoạt động của GVR trong giai đoạn 2024–2025 thể hiện một xu hướng phân hóa giữa các chỉ tiêu. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,00 xuống 3,71 vòng, cho thấy tốc độ luân chuyển tồn kho chậm lại, trong khi vòng quay tổng tài sản gần như đi ngang, chỉ tăng nhẹ từ 0,33 lên 0,34 vòng.

Sự sụt giảm của vòng quay hàng tồn kho trước hết phản ánh đặc thù ngành cao su, khi hoạt động sản xuất và tiêu thụ chịu ảnh hưởng bởi chu kỳ giá hàng hóa và nhu cầu thị trường toàn cầu. Việc tồn kho tăng hoặc tiêu thụ chậm lại trong ngắn hạn không hoàn toàn là tín hiệu tiêu cực, mà có thể gắn với chiến lược điều tiết sản lượng hoặc thời điểm ghi nhận doanh thu. Đồng thời, trong bối cảnh GVR đang từng bước chuyển dịch sang phát triển khu công nghiệp, cơ cấu tài sản và hoạt động kinh doanh cũng có sự thay đổi, khiến các chỉ tiêu vòng quay truyền thống không còn phản ánh đầy đủ hiệu quả vận hành như đối với doanh nghiệp sản xuất thuần túy.

Ở chiều ngược lại, vòng quay tổng tài sản duy trì ổn định ở mức thấp (~0,33–0,34 vòng) cho thấy hiệu quả khai thác tài sản chưa có sự cải thiện đáng kể. Đây là đặc điểm thường thấy ở các doanh nghiệp sở hữu quỹ tài sản lớn, đặc biệt là đất đai, trong giai đoạn chưa được chuyển hóa thành các dự án tạo dòng tiền. Với GVR, điều này phản ánh rõ trạng thái “tài sản lớn – khai thác chưa tương xứng”, khi phần đáng kể giá trị nằm ở quỹ đất cao su đang trong quá trình chờ chuyển đổi sang khu công nghiệp.



Các chỉ số tài chính

04 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

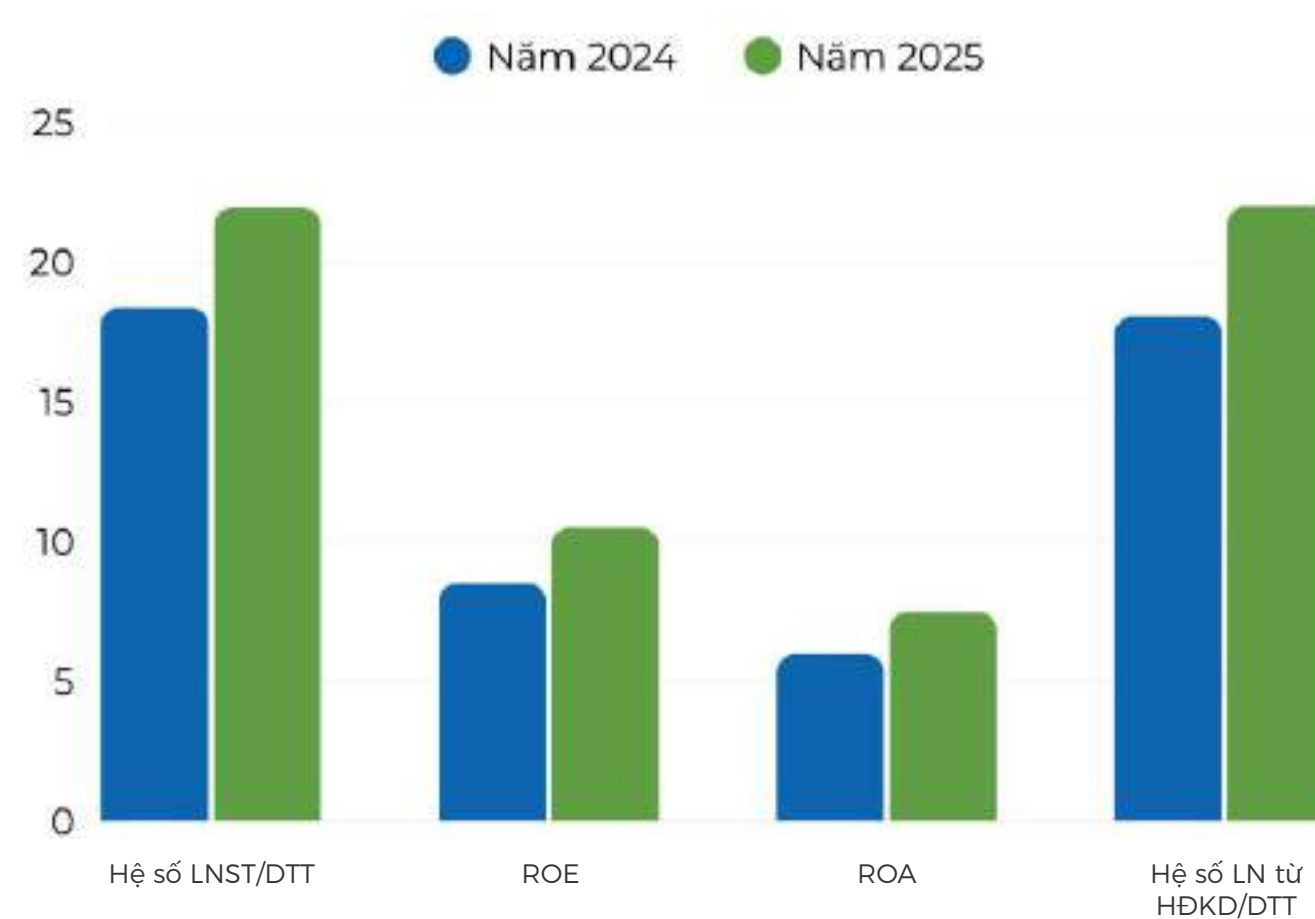


GVR không chỉ tăng lợi nhuận tuyệt đối, mà chất lượng lợi nhuận cũng đang được cải thiện. Việc ROS tăng từ 18,39% lên 20,63% và tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu tăng từ 18,06% lên 20,81% cho thấy mỗi đồng doanh thu trong năm 2025 tạo ra nhiều lợi nhuận hơn năm trước, hàm ý biên lợi nhuận được mở rộng khá rõ. Đây thường là kết quả của sự cộng hưởng giữa giá bán thuận lợi hơn, cơ cấu doanh thu cải thiện và khả năng kiểm soát chi phí tốt hơn. Với GVR, điều này đặc biệt đáng chú ý vì doanh nghiệp xuất phát từ nền tảng ngành cao su vốn mang tính chu kỳ, nên việc biên lợi nhuận tăng đồng thời ở cả cấp độ hoạt động kinh doanh và cấp độ lợi nhuận sau thuế cho thấy kết quả cải thiện không chỉ đến từ yếu tố kế toán hay thu nhập bất thường, mà có cơ sở từ hoạt động vận hành.

Ở góc độ hiệu quả sử dụng vốn, ROE tăng từ 8,51% lên 9,95% và ROA tăng từ 5,98% lên 7,07% phản ánh doanh nghiệp đã khai thác tốt hơn cả vốn chủ sở hữu lẫn tổng tài sản. Tuy nhiên, khi đặt cạnh đặc điểm của GVR là sở hữu quy mô tài sản rất lớn, đòn bẩy tài chính thấp và lượng tiền tích lũy cao, thì mức ROE 9,95% dù cải thiện vẫn chưa phải là mức nổi bật. Nói cách khác, GVR đang sinh lời tốt hơn trước, nhưng vẫn chưa khai thác hết “độ dày” của bảng cân đối kế toán. Đây là điểm rất quan trọng: doanh nghiệp có lợi nhuận tăng, nhưng hiệu quả sinh lời vẫn đang bị giới hạn bởi việc một phần lớn tài sản, đặc biệt là quỹ đất và nguồn lực tài chính, chưa được chuyển hóa đầy đủ thành các dự án có suất sinh lợi cao hơn.

Nếu liên hệ với các nhóm chỉ tiêu trước đó, bức tranh trở nên khá rõ: thanh khoản cao, đòn bẩy thấp, hiệu quả tài sản chưa thật sự bứt phá, nhưng biên lợi nhuận lại cải thiện mạnh. Điều đó cho thấy GVR hiện đang ở trạng thái “lợi nhuận tăng nhanh hơn tốc độ chuyển hóa tài sản”. Nói cách khác, doanh nghiệp đang cải thiện hiệu quả kinh doanh trên phần hoạt động hiện hữu, nhưng giá trị lớn hơn vẫn nằm ở giai đoạn phía trước, khi tài sản quy mô lớn, nhất là quỹ đất, được đưa vào khai thác hiệu quả hơn thông qua khu công nghiệp và các dự án có biên lợi nhuận cao hơn.

Một điểm đáng lưu ý nữa là ROA tăng khá sát với ROE, trong khi khoảng cách giữa hai chỉ tiêu không quá lớn. Điều này phù hợp với bức tranh bạn đã thấy ở phần cơ cấu vốn: GVR không dùng nhiều nợ để khuếch đại lợi nhuận cho cổ đông. Vì vậy, mức cải thiện ROE ở đây chủ yếu đến từ hiệu quả hoạt động tốt hơn, chứ không phải từ việc gia tăng đòn bẩy tài chính. Về chất lượng phân tích, đây là tín hiệu tích cực hơn so với trường hợp ROE tăng chỉ vì vay nợ nhiều hơn.



Số lượng cán bộ, nhân viên tại Công ty mẹ - Tập đoàn

Tổng:

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Chỉ tiêu	2024		2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG	212	100%	161	100%
1	Trình độ trên Đại học	57	27%	44	27%
2	Trình độ Đại học, cao đẳng	116	55%	88	55%
3	Trình độ trung cấp	3	1%	1	1%
4	Công nhân kỹ thuật	0	0%	0	0
5	Lao động phổ thông	36	17%	28	17%
II	THEO GIỚI TÍNH	212	100%	161	100%
1	Nam	134	63%	102	63%
2	Nữ	78	37%	59	37%
III	THEO THỜI HẠN HĐLĐ	212	100%	161	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	189	87%	140	87%
2	Hợp đồng xác định 1-3 năm	13	6%	11	7%
3	Khác	10	5%	10	6%

Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng/ người/ tháng

Năm	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân của người lao động	24,052	30,427	48,058	52,649



CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Trong chiến lược phát triển dài hạn, Tập đoàn đặt con người vào vị trí trung tâm, coi đây là nền tảng cốt lõi quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững. Xuất phát từ quan điểm đó, Tập đoàn đã chủ động và liên tục đầu tư cho nguồn nhân lực thông qua việc hoàn thiện và triển khai đồng bộ các chính sách tuyển dụng, đào tạo – phát triển, chế độ tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi theo hướng công bằng, cạnh tranh và phù hợp với đặc thù hoạt động. Thông qua các chính sách này, Tập đoàn không chỉ nâng cao chất lượng đội ngũ, mà còn tạo dựng môi trường làm việc ổn định, khuyến khích sự cống hiến và gắn bó lâu dài của người lao động, qua đó bảo đảm sự phát triển bền vững và hiệu quả của Tập đoàn trong dài hạn.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Nhận thức rõ vai trò then chốt của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển bền vững, Tập đoàn xác định thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những trụ cột chiến lược. Theo đó, Tập đoàn tập trung xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và ổn định, tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên không ngừng học tập, nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Tập đoàn.

Công tác tuyển dụng được triển khai gắn chặt với mục tiêu phát triển trung và dài hạn, bảo đảm đội ngũ nhân sự vừa đáp ứng yêu cầu vận hành hiện tại, vừa hình thành lực lượng kế thừa cho tương lai. Đồng thời, trước xu thế phát triển nhanh của khoa học – công nghệ và chuyển đổi số, Tập đoàn chủ động tiếp nhận, đào tạo thực tập sinh trong các lĩnh vực công nghệ thông tin và khoa học kỹ thuật, từng bước xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Chính sách lương, thưởng, đãi ngộ

Tập đoàn xây dựng chính sách tiền lương trên nguyên tắc công bằng, cạnh tranh và tạo động lực, gắn với vị trí công việc, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả sản xuất kinh doanh, đồng thời tham chiếu mặt bằng thị trường. Các cá nhân, tập thể có thành tích tốt được xem xét điều chỉnh, nâng lương kịp thời nhằm khuyến khích nâng cao hiệu quả làm việc.

Bên cạnh đó, Tập đoàn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định, đồng thời duy trì các chính sách thưởng lễ, Tết và các hoạt động phúc lợi như du lịch, khám sức khỏe định kỳ, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Qua đó, Tập đoàn từng bước xây dựng môi trường làm việc tích cực, tạo điều kiện phát triển và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao.

Điều kiện làm việc

Tập đoàn chú trọng đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, triển khai đầy đủ các quy định và tổ chức huấn luyện định kỳ nhằm phòng ngừa rủi ro trong quá trình làm việc. Công tác bảo hộ lao động được thực hiện đồng bộ, bao gồm trang bị, hướng dẫn sử dụng và kiểm tra giám sát thường xuyên, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và nội bộ.

Song song, Tập đoàn xây dựng môi trường làm việc hiện đại, gắn kết thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao và chăm lo đời sống tinh thần, góp phần nâng cao sự gắn bó và động lực làm việc của người lao động, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN VIÊN

Những hoạt động chăm lo người lao động trong năm

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) luôn kiên định với quan điểm “phát triển bền vững là phát triển gắn với con người”, xem việc chăm lo cho người lao động là yếu tố then chốt đảm bảo sự ổn định và thịnh vượng lâu dài.

Trong năm 2025, Tập đoàn đã đảm bảo việc làm cho hơn 79.000 lao động với mức thu nhập bình quân ấn tượng đạt 11 triệu đồng/người/tháng, đồng thời tạo thu nhập ổn định cho hơn 23.000 lao động địa phương tại Lào và Campuchia.

Bên cạnh việc dành hơn 347 tỷ đồng cho công tác an toàn, vệ sinh lao động, VRG còn triển khai sâu rộng các chương trình mang tính nhân văn như “Mái ấm Công đoàn”, “Tết sum vầy”, “Tháng Công nhân” và các hoạt động an sinh xã hội vùng sâu vùng xa với giá trị hàng trăm tỷ đồng.

Bước sang giai đoạn 2026-2030, Tập đoàn tiếp tục ưu tiên công tác tuyển dụng, đào tạo tay nghề và ứng dụng khoa học công nghệ để giảm bớt cường độ lao động thủ công, đồng thời quyết liệt tinh gọn bộ máy để nâng cao năng suất, phấn đấu giảm tỷ lệ lao động gián tiếp xuống còn 5% nhằm tập trung nguồn lực chăm lo tốt nhất cho đội ngũ trực tiếp sản xuất

Những chính sách này không chỉ bảo vệ quyền lợi hợp pháp mà còn khơi dậy tinh thần đổi mới, đoàn kết, biến mỗi người lao động thành một “đại sứ xanh” cùng Tập đoàn tiến vào kỷ nguyên phát triển mới.



04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động kinh doanh trong năm 2025
Tình hình tài chính
Những tiến bộ đạt được trong năm 2025
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



 **ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
TRONG NĂM 2025**

Kết quả kinh doanh theo BCTC riêng năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH 2025/ KH 2025	% TH 2025/ TH2024
Tổng doanh thu và thu nhập khác	5.271	5.699	6.304	110,63%	119,62%
Lợi nhuận trước thuế	2.353	2.455	2.503	101,96%	106,37%
Lợi nhuận sau thuế	2.353	2.455	2.503	101,96%	106,37%

Kết quả hoạt động kinh doanh theo BCTC hợp nhất năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH 2025/ KH 2025	% TH 2025/ TH2024
Tổng doanh thu và thu nhập khác	28.739	31.044	32.431	104,47%	112,85%
Lợi nhuận trước thuế	5.606	5.840	7.107	121,70%	126,77%
Lợi nhuận sau thuế	4.826	4.974	5.998	120,59%	124,29%

Kết quả kinh doanh năm 2025 của GVR ghi nhận sự tăng trưởng tích cực trên cả doanh thu và lợi nhuận, với tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 32.431 tỷ đồng, tăng 12,85% so với năm 2024 và vượt 4,47% kế hoạch đề ra. Đáng chú ý, lợi nhuận tăng trưởng mạnh hơn đáng kể so với doanh thu, khi lợi nhuận trước thuế đạt 7.107 tỷ đồng, tăng 26,77% và vượt 21,70% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 5.998 tỷ đồng, tăng 24,29% và vượt tới 20,59% kế hoạch.

Diễn biến này cho thấy hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn được cải thiện rõ rệt, khi tốc độ tăng lợi nhuận cao hơn nhiều so với doanh thu, phản ánh sự mở rộng biên lợi nhuận. Kết quả này có thể đến từ sự cải thiện điều kiện thị trường, đặc biệt là giá cao su, đồng thời cho thấy doanh nghiệp đã kiểm soát chi phí tốt hơn và tối ưu hóa hoạt động vận hành.

Bên cạnh đó, việc vượt kế hoạch lợi nhuận với mức cao cũng cho thấy dư địa thận trọng trong công tác lập kế hoạch, đồng thời phản ánh khả năng thích ứng và tận dụng cơ hội thị trường của Tập đoàn. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng mức tăng trưởng này vẫn có yếu tố chu kỳ, gắn với biến động của ngành cao su,



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CÔNG TY MẸ 2025

2.503 Tỷ đồng



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT 2025

7.107 Tỷ đồng

do đó tính bền vững trong dài hạn sẽ phụ thuộc vào tiến độ chuyển dịch sang các lĩnh vực có biên lợi nhuận cao hơn như khu công nghiệp.

Tổng thể, kết quả năm 2025 cho thấy GVR đang ở giai đoạn cải thiện mạnh về hiệu quả kinh doanh, nhưng để duy trì đà tăng trưởng này, việc chuyển hóa các lợi thế tài sản, đặc biệt là quỹ đất, thành các dự án tạo dòng tiền ổn định sẽ là yếu tố quyết định trong các năm tới.

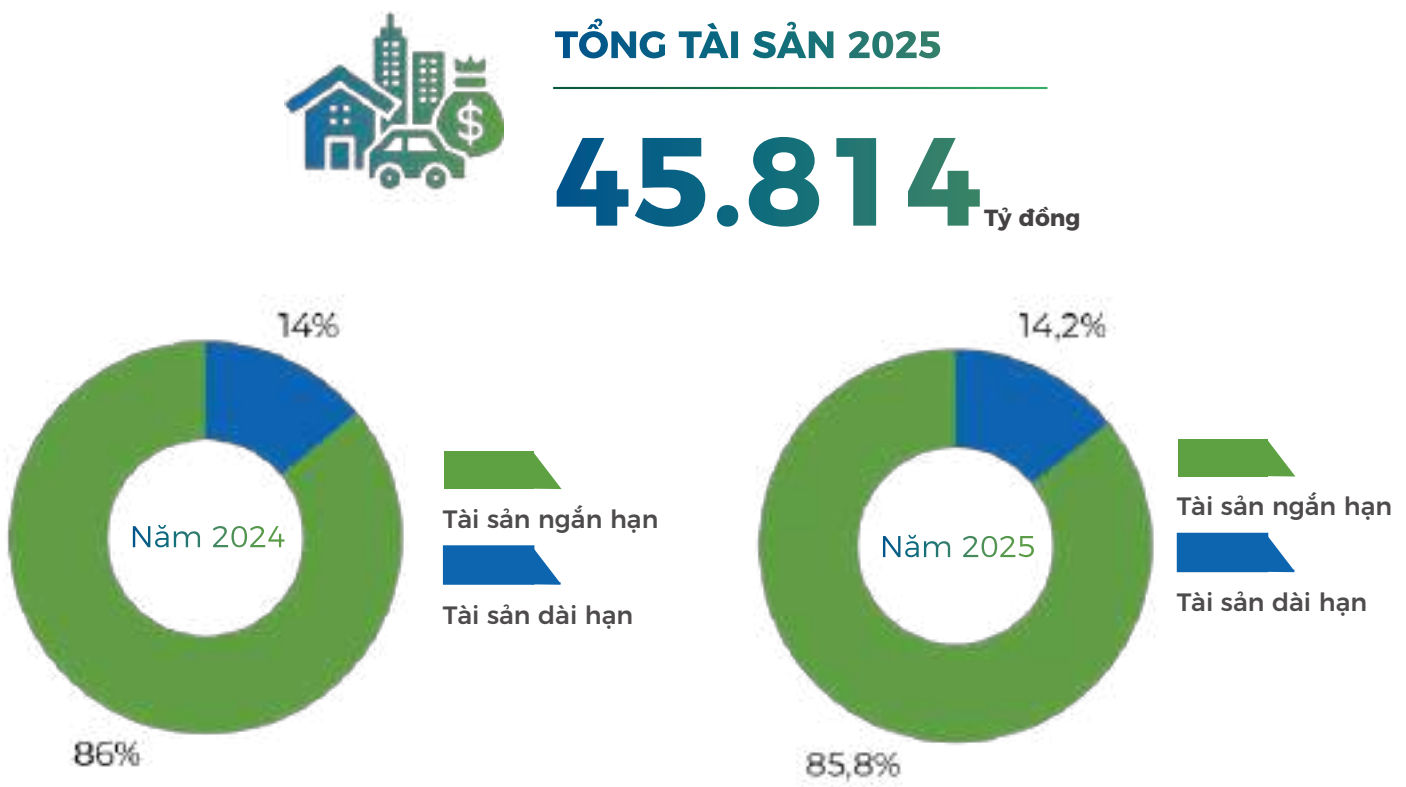


Tình hình tài chính công ty mẹ

Cơ cấu tài sản

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2025		% Tăng / giảm
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	
Tài sản ngắn hạn	6.347	13,97%	6.618	14,45%	4,27%
Tài sản dài hạn	39.074	86,03%	39.196	85,55%	0,31%
Tổng tài sản	45.421	100,00%	45.814	100,00%	0,87%



Cơ cấu tài sản của GVR năm 2025 tiếp tục duy trì ổn định với tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn khoảng 85,55%, trong khi tài sản ngắn hạn chiếm khoảng 14,4%. Tổng tài sản tăng nhẹ 0,87% so với năm trước, nhưng không có sự thay đổi đáng kể về cơ cấu.

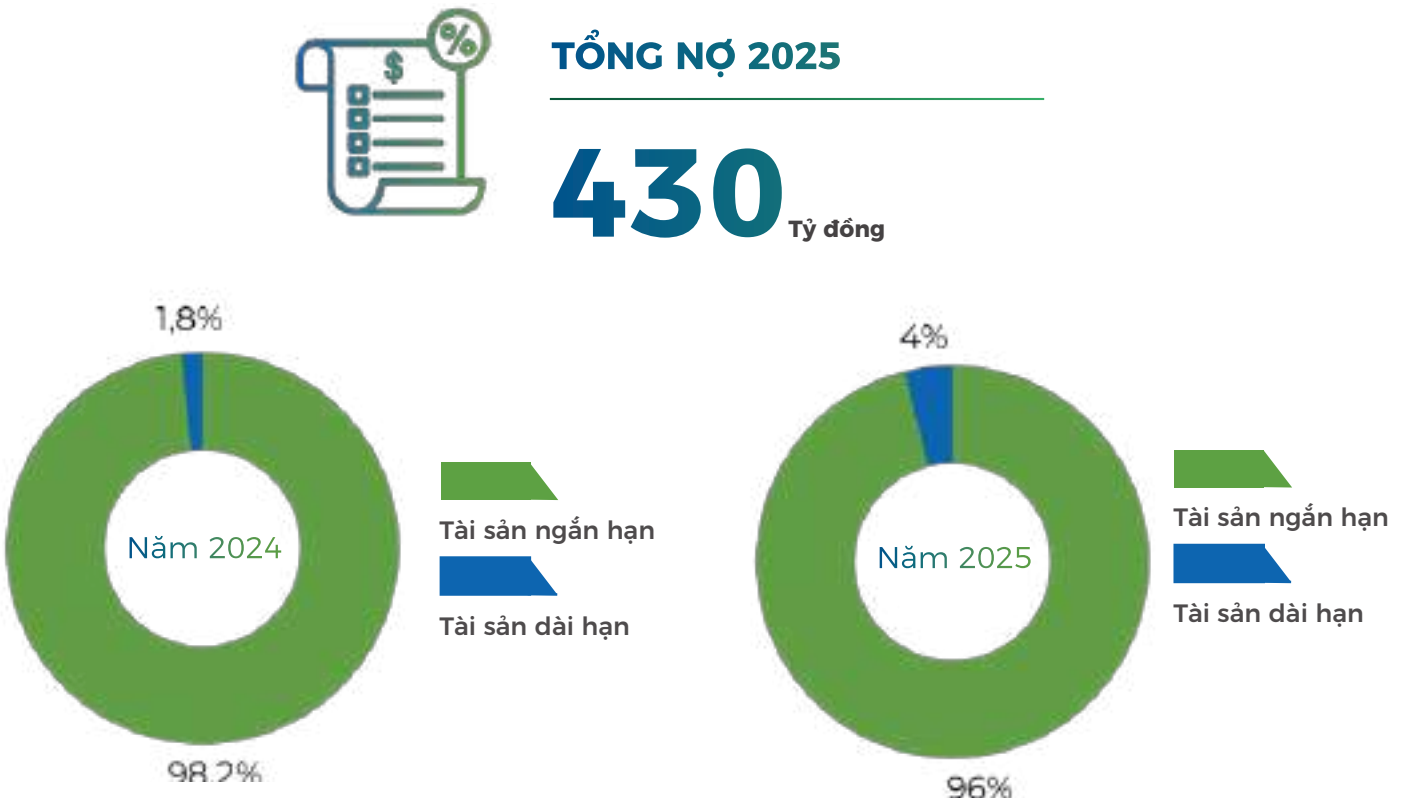
Điều này phản ánh đặc thù của GVR là doanh nghiệp sở hữu quy mô tài sản lớn, tập trung chủ yếu vào tài sản dài hạn, đặc biệt là quỹ đất và các khoản đầu tư có chu kỳ khai thác dài. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn tăng nhẹ phù hợp với trạng thái thanh khoản cao, cho thấy doanh nghiệp đang tích lũy nguồn lực cho các kế hoạch đầu tư.

Tổng thể, cơ cấu tài sản hiện tại cho thấy GVR vẫn đang ở giai đoạn tích lũy, khi phần lớn giá trị nằm ở tài sản dài hạn chưa được khai thác tối đa.

Cơ cấu nợ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2025		% Tăng / giảm
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	
Nợ ngắn hạn	876	98,21%	413	96,05%	-52,85%
Nợ dài hạn	16	1,79%	17	3,95%	6,25%
Tổng nợ	892	100,00%	430	100,00%	-51,79%



Cơ cấu nợ của GVR năm 2025 ghi nhận sự sụt giảm mạnh, với tổng nợ giảm 51,79% so với năm trước, xuống còn 430 tỷ đồng. Trong đó, nợ ngắn hạn giảm đáng kể 52,85%, trong khi nợ dài hạn tăng nhẹ nhưng vẫn chiếm tỷ trọng rất thấp.

Diễn biến này cho thấy Tập đoàn đã chủ động thu hẹp quy mô nợ, tiếp tục duy trì mức đòn bẩy tài chính rất thấp và xu hướng giảm phụ thuộc vào nguồn vốn vay. Cơ cấu nợ vẫn chủ yếu là nợ ngắn hạn, tuy nhiên tỷ trọng này cũng giảm nhẹ, phản ánh áp lực nghĩa vụ tài chính trong ngắn hạn đã được cải thiện đáng kể.

Tổng thể, quy mô nợ thấp và xu hướng giảm mạnh củng cố bức tranh tài chính an toàn của GVR, đồng thời cho thấy doanh nghiệp đang vận hành chủ yếu dựa trên nguồn vốn tự có. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhu cầu đầu tư lớn trong thời gian tới, đặc biệt ở lĩnh vực khu công nghiệp, việc duy trì mức nợ quá thấp cũng có thể đồng nghĩa với việc chưa tận dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.



NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2025

8%

TẬP ĐOÀN ĐÃ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH, VƯỢT CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG 8% CỦA CHÍNH PHỦ

TẬP ĐOÀN ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, THỰC HIỆN CHIẾN DỊCH ‘KHÔNG GIẤY TỜ

0

13

RA MẮT SẢN PHẨM VRG GREEN, 13 ĐƠN VỊ ĐƯỢC VINH DANH DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG VIỆT NAM NĂM 2025



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Xác định bảo vệ môi trường là yêu cầu xuyên suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn và biện pháp về bảo vệ môi trường, đồng thời chủ động kiểm soát, phòng ngừa và hạn chế các nguy cơ gây ô nhiễm. Công tác quan trắc môi trường định kỳ được duy trì thường xuyên, bảo đảm thực hiện đúng tần suất, theo dõi đầy đủ các thông số môi trường theo quy định. Bên cạnh đó, Tập đoàn tăng cường kiểm tra, giám sát hệ thống quan trắc tự động, kịp thời phát hiện và xử lý các tình huống phát sinh, bảo đảm nước thải đầu ra đáp ứng đầy đủ các quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

Song song với công tác kiểm soát môi trường, Tập đoàn chú trọng sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên, đặc biệt là điện năng và nước, thông qua việc triển khai đồng bộ các chính sách quản lý và sử dụng năng lượng, tài nguyên trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc áp dụng và duy trì mô hình 5S được thực hiện nhất quán nhằm xây dựng môi trường làm việc sạch sẽ, ngăn nắp, khoa học và chuyên nghiệp, qua đó cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động tổng thể, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Việc mở rộng đầu tư vào các lĩnh vực như khu công nghiệp, năng lượng tái tạo và nông nghiệp công nghệ cao không chỉ mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp mà còn đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước (đạt 4.977 tỷ đồng toàn hệ thống năm 2025). Các dự án này tạo động lực phát triển kinh tế vùng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động tại địa phương.

VRG kiên định quan điểm “phát triển bền vững là phát triển gắn với con người” qua việc thực hiện đồng bộ các chương trình như “Mái ấm Công đoàn”, “Tết sum vầy”, “Tháng công nhân”. Tập đoàn cũng dành hàng trăm tỷ đồng để hỗ trợ đồng bào vùng sâu vùng xa, giúp cải thiện cơ sở hạ tầng và chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư địa phương.

Trong hoạt động đầu tư quốc tế, VRG không chỉ chú trọng hiệu quả kinh tế mà còn thực hiện tốt trách nhiệm với nước sở tại bằng cách tạo việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 23.000 lao động địa phương. Điều này khẳng định uy tín và trách nhiệm của doanh nghiệp Việt Nam trong khu vực.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm, tình hình lao động và tiền lương tại Tập đoàn cơ bản ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tiếp tục được quan tâm, bảo đảm. Với sự phối hợp chặt chẽ giữa Tập đoàn và Công đoàn, cùng sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo và Ban Chấp hành Công đoàn, người lao động yên tâm công tác, gắn bó với doanh nghiệp, qua đó đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tập đoàn.

Song song với việc ổn định thu nhập, Tập đoàn đặc biệt chú trọng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người lao động. Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm 24/7, đồng thời tổ chức nhiều đợt khám sức khỏe tổng quát định kỳ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên. VRG phân phối, sử dụng các nguồn đóng góp hỗ trợ đồng bào và công nhân cao su bị ảnh hưởng, thiệt hại do mưa bão, lũ lụt.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường sự gắn kết nội bộ, Tập đoàn phối hợp với Công đoàn triển khai nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa, như: tặng hoa, quà cho nữ đoàn viên công đoàn nhân các dịp 8/3 và 20/10; tổ chức Hội thao công nhân viên chức lao động; thực hiện các chương trình “Tháng Công nhân”, “Bữa cơm Công đoàn”, “Mái ấm gia đình”, “Chợ Tết”; đồng thời tổ chức các khóa học, hội nghị để nâng cao hiệu suất công việc cho người lao động như “Hội nghị tập huấn công tác truyền thông”, “Hội nghị Nông nghiệp VRG năm 2025: Hiện đại hóa canh tác – Phát triển bền vững”, “Tập huấn kỹ năng ứng dụng AI dành cho lãnh đạo VRG”.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tập đoàn

Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban tổng giám đốc

Đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT Độc lập

Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2025

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Báo cáo Quản trị rủi ro





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

QUYẾT TÂM VƯỢT KHÓ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ VÀ CHĂM LO TỐT CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Đảm bảo thu nhập và việc làm ổn định

- Mức thu nhập khả quan, trong năm 2025, Tập đoàn đã duy trì mức thu nhập bình quân cho người lao động đạt khoảng 11 triệu đồng/người/tháng.
- Các khu công nghiệp của Tập đoàn còn tạo ra cơ hội việc làm cho hơn 260.000 lao động khác.
- Quan tâm đến các đối tượng đặc thù. Tập đoàn chú trọng sử dụng lao động nữ (chiếm 41,6%) và người đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 24,7%).
- Tại khu vực Lào và Campuchia, VRG cũng tạo việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 23.000 lao động địa phương.

2. Chú trọng an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

- Đầu tư kinh phí lớn: Tập đoàn đã chi hơn 347 tỷ đồng cho công tác an toàn và vệ sinh lao động trong năm 2025
- Hoạt động thiết thực: Tổ chức các chương trình huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho nhiều nhóm đối tượng và triển khai “Tháng An toàn vệ sinh lao động – Tháng Công nhân năm 2025” nhằm bảo vệ trực tiếp sức khỏe và tính mạng của người lao động.
- Bảo vệ sức khỏe vườn cây gắn liền với người lao động: Thực hiện tốt công tác phòng trị bệnh hại và bảo vệ thực vật để đảm bảo môi trường làm việc trên vườn cây ổn định

KHOẢNG CÁC CÔNG TY CAO SU

1. Sản xuất nông nghiệp và quản lý vườn cây

- Các đơn vị tập trung quản lý và tổ chức thu hoạch mủ cao su, phấn đấu nâng cao năng suất lao động vượt tối thiểu 10% và sản lượng mủ thu hoạch vượt ít nhất 5%.
- Công tác tái canh: Tổ chức chuẩn bị đất và trồng mới đúng thời vụ, đảm bảo tỷ lệ cây sống đạt 100% vào cuối năm và quản lý chặt chẽ giống cây trồng.

2. Chế biến và quản lý chất lượng sản phẩm

- Tập đoàn đẩy mạnh việc chế biến mủ cao su theo tiêu chuẩn quốc tế, với các sản phẩm mang thương hiệu VRG chiếm tới 93,7% tổng sản lượng.
- Các nhà máy, xí nghiệp chế biến thực hiện giảm mạnh các cấp trung gian để nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát giá thành sản phẩm.

3. Tổ chức bộ máy và quản trị doanh nghiệp

- Tinh gọn tổ chức: Khối các công ty cao su đã thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý từ 3 cấp xuống 2 cấp. Một bước tiến đáng kể là việc giải thể 214 nông trường để chuyển đổi thành 328 đội sản xuất nhằm giảm đầu mối quản lý.

KHU CÔNG NGHIỆP

1. Quy mô và kết quả đạt được

- Tập đoàn hiện đang đầu tư vào 14 khu công nghiệp với tổng diện tích đất chuyển đổi hơn 4.200 ha. Tỷ lệ lấp đầy của các KCN này đạt mức cao, khoảng 86,7%.
- Các KCN của Tập đoàn đã thu hút gần 800 nhà đầu tư với tổng vốn khoảng 10 tỷ USD.
- Hoạt động của các KCN tạo việc làm cho hơn 260.000 lao động.

2. Định hướng phát triển mô hình mới

- Tập trung phát triển các mô hình KCN xanh, thông minh và tuần hoàn trên diện tích đất cao su chuyển đổi
- Nghiên cứu áp dụng cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) để cung cấp năng lượng sạch (điện mặt trời, điện gió) cho các KCN

PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SẠCH, NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) xác định phát triển năng lượng sạch là hướng đi chiến lược trọng tâm nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và phù hợp với Quy hoạch điện VIII. Trong giai đoạn 2025–2026, Tập đoàn tập trung rà soát quỹ đất cao su để đăng ký làm chủ đầu tư các dự án điện mặt trời và điện gió thông qua việc hợp tác với Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các đối tác lớn. Song song với việc duy trì sản lượng phát điện thương phẩm từ các nhà máy thủy điện đạt mục tiêu trên 480,5 triệu kWh vào năm 2026, VRG đang tích cực nghiên cứu áp dụng cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) để cung cấp điện sạch cho các khu công nghiệp. Những nỗ lực này không chỉ góp phần chuyển đổi năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính theo tiêu chuẩn ESG mà còn giúp xây dựng mô hình khu công nghiệp sinh thái, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

THỦY ĐIỆN

Năm 2025, khối các đơn vị thủy điện đã nỗ lực vượt khó, hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu quan trọng. Trong đó, tổng sản lượng điện hơn 608 triệu kWh, vượt 27% kế hoạch năm, lợi nhuận vượt 19% kế hoạch. Khối 4 Công ty Thủy điện trong năm 2025 là việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành. Các hệ thống số như eOffice, phần mềm quản lý nội bộ, chữ ký số và hồ sơ điện tử được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc, giảm chi phí hành chính và tăng tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp.

CHẾ BIẾN GỠ

Trong năm 2025, lĩnh vực chế biến gỗ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) đã ghi nhận kết quả tích cực với doanh thu đạt 6.145 tỷ đồng và sản lượng sản xuất vượt mức kế hoạch, dù lợi nhuận chịu áp lực do chi phí đầu vào tăng cao. Bước sang năm 2026, mảng này được xác định là một trụ cột quan trọng với kế hoạch thanh lý 7.434 ha vườn cây (tăng 9,4%) để cung ứng nguyên liệu, hướng tới tổng sản lượng gỗ các loại đạt khoảng 1.089.000 m³, đạt mức tăng trưởng tốt tùy dòng sản phẩm.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÃ NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO TRONG ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ TẬP ĐOÀN HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ

Ban Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) đã thể hiện sự năng động và linh hoạt khi chèo lái hệ thống vượt qua những biến động địa chính trị phức tạp và tác động nặng nề của thiên tai để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu năm 2025, tiêu biểu là lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 7.107 tỷ đồng, vượt 21,71% kế hoạch.

Sự sáng tạo trong quản trị được minh chứng qua việc quyết liệt tinh gọn bộ máy từ 3 cấp xuống 2 cấp, giải thể các khâu trung gian và đặt mục tiêu giảm tỷ lệ lao động gián tiếp xuống còn 5% nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng vốn.

Bên cạnh đó, Ban điều hành đã tạo ra những đột phá chiến lược thông qua việc xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ cốt lõi, khẩn trương số hóa quy trình quản trị điều hành thông minh và ứng dụng công nghệ GIS phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Tầm nhìn năng động còn thể hiện ở việc mở rộng đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng như khu công nghiệp xanh – thông minh, năng lượng tái tạo và nông nghiệp công nghệ cao, đồng thời kiên định với chiến lược “VRG Green” để thích ứng với các tiêu chuẩn quốc tế và hướng tới Net Zero vào năm 2050.

Đặc biệt, sự điều hành sáng tạo này luôn gắn liền với trách nhiệm chăm lo đời sống, đảm bảo thu nhập bình quân 11 triệu đồng/tháng cho người lao động, tạo nền tảng vững chắc để Tập đoàn bứt phá trong giai đoạn 2026 – 2030.





ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Về cơ cấu tổ chức

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2021-2026 gồm có 8 thành viên. Trong đó có 2 thành viên độc lập. Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động quản trị công ty đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty.

Về kết quả công tác quản trị và giám sát

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHĐCĐ đề ra.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phân công, phân nhiệm cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tập đoàn theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ.
- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Tập đoàn và các cổ đông.
- Tập đoàn đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa người nội bộ Tập đoàn, người có liên quan của người nội bộ với Tập đoàn. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Kết luận

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng trong việc giám sát hoạt động điều hành của Tập đoàn, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao.
- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2025 tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật.
- Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của cổ đông Tập đoàn.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026



HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xác định năm 2026 là năm bản lề, mở đầu giai đoạn chiến lược mới hướng tới bứt phá và tăng trưởng bền vững. Tập đoàn tiếp tục phát triển hiệu quả ngành cao su cốt lõi, đồng thời đẩy mạnh các lĩnh vực tiềm năng như hạ tầng khu công nghiệp xanh – thông minh, năng lượng tái tạo và nông nghiệp công nghệ cao. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được coi là trụ cột để nâng cao quản trị và tối ưu nguồn lực. Song song, VRG thực hiện tinh gọn bộ máy, kiểm soát chi phí, thúc đẩy tăng trưởng xanh, hướng tới Net Zero và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, Tập đoàn chú trọng phát triển con người, đảm bảo an sinh và tạo động lực cho người lao động trong giai đoạn mới.

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG TÂM

1. Tuyên truyền – tạo đồng thuận

- 100% cán bộ, đảng viên được quán triệt Nghị quyết
- Đẩy mạnh thi đua, sáng kiến, mô hình hiệu quả

2. Cơ cấu lại – đổi mới tăng trưởng

- Tinh gọn tổ chức, tập trung lĩnh vực cốt lõi
- Chuyển từ tăng trưởng chiều rộng chiều sâu
- Tăng liên kết chuỗi giá trị

3. Nâng cao quản trị doanh nghiệp

- Áp dụng chuẩn OECD
- Minh bạch – hiệu quả – trách nhiệm giải trình
- Tăng phân cấp, kiểm soát quyền lực

4. Quản lý đất đai – vốn – tài sản

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai số
- Khai thác đất cho:
- Khu công nghiệp
- Năng lượng tái tạo
- Nông nghiệp công nghệ cao

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG TÂM

5. Khoa học công nghệ – chuyển đổi số

- Phát triển giống cao su năng suất cao
- Ứng dụng cơ giới hóa – tự động hóa
- Xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung toàn Tập đoàn

6. Phát triển lĩnh vực cốt lõi

- Đẩy mạnh chế biến sâu – giá trị gia tăng cao
- Mở rộng thị trường trong nước & quốc tế
- Tăng liên kết chuỗi sản xuất

7. Tăng trưởng xanh – hội nhập

- Triển khai ESG – kinh tế tuần hoàn
- Phát triển năng lượng tái tạo – tín chỉ carbon
- Thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế (EUDR)

8. Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo nhân lực:

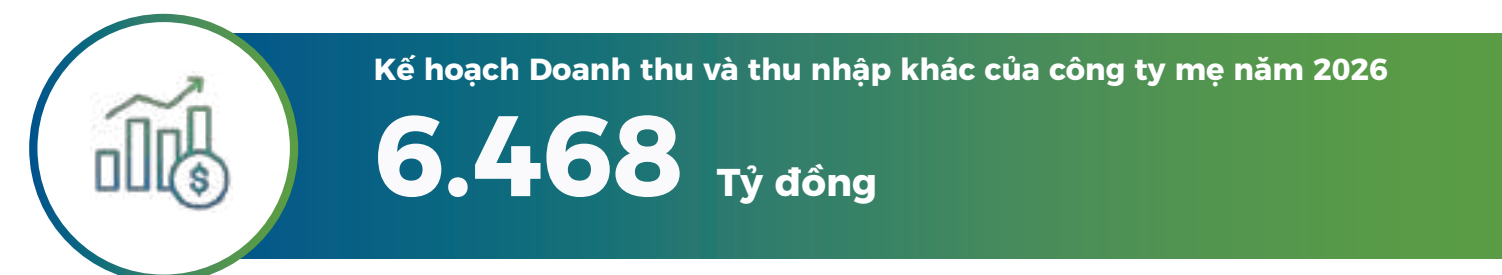
- Công nghệ
- Chuyển đổi số
- Quản trị hiện đại

Xây dựng văn hóa: Đoàn kết – Kỷ cương – Sáng tạo – Phát triển bền vững

Kế hoạch kinh doanh của công ty mẹ

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu hợp nhất	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	KH 2026/TH 2025
1	Doanh thu và thu nhập khác	6.304	6.468	102,60%
2	LN trước thuế	2.503	2.644	105,63%
3	LN sau thuế	2.503	2.644	105,63%
4	Tổng vốn đầu tư	11	1.317	11972,73%
4.1	Đầu tư XD CB	11	1.317	11972,73%
4.2	ĐT tài chính	-	-	-
5	Chia cổ tức (4%/VĐL)	1.548	1.548	100,00%



Kế hoạch kinh doanh hợp nhất 2026

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu hợp nhất	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	KH 2026/TH 2025
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	32.431	33.799	104,21%
2	LN trước thuế	7.107	6.902	97,12%
3	LN sau thuế	5.998	5.558	92,66%
4	Nộp ngân sách	4.977	5.089	102,25%
5	Tổng vốn đầu tư	1.921	7.266	378,24%





KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2026

01

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT



Năm 2026 được xác định là năm bản lề để Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) bứt phá với mục tiêu tăng trưởng trên hai con số và đạt doanh thu hợp nhất hơn 33.700 tỷ đồng.

Nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu là tinh gọn bộ máy quản trị theo phương châm “Giảm đầu mối, giảm trung gian – Tăng năng suất, tăng hiệu quả”, quyết tâm đưa tỷ lệ lao động gián tiếp xuống còn 5% thông qua đẩy mạnh chuyển đổi số và hệ thống điều hành thông minh.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, VRG tập trung nâng cao năng suất lao động thêm 10%, hạ giá thành 5% và đảm bảo 100% diện tích cao su vùng trọng điểm đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC/PEFC) gắn với hệ thống GIS để đáp ứng quy định truy xuất nguồn gốc EUDR.

Bên cạnh đó, Tập đoàn ưu tiên tạo đột phá tại các khu công nghiệp xanh – thông minh với mục tiêu cho thuê mới 275 ha đất, đồng thời triển khai các dự án năng lượng tái tạo và phát triển diện tích lớn nông nghiệp công nghệ.

02

VỀ CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) xác định tái cơ cấu mạnh mẽ và tinh gọn tổ chức là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm để mở ra giai đoạn tăng trưởng mới 2026 – 2030.

Trong năm 2025, Tập đoàn đã quyết liệt chuyển đổi mô hình quản lý từ 3 cấp xuống 2 cấp, thực hiện giải thể 214 nông trường để thành lập 328 đội sản xuất trực tiếp và giảm mạnh các khâu trung gian tại các nhà máy, xí nghiệp chế biến.

Bước sang năm 2026, VRG tiếp tục kiên trì phương châm “Giảm đầu mối, giảm trung gian – Tăng năng suất, tăng hiệu quả”, với mục tiêu cụ thể là đẩy mạnh chuyển đổi số để giảm tỷ lệ lao động gián tiếp xuống còn 5%.

Bên cạnh đó, công tác tái cơ cấu còn gắn liền với việc sắp xếp lại các đơn vị theo chuỗi sản phẩm khép kín từ mủ đến gỗ cao su và duy trì chủ trương bố trí lãnh đạo chủ chốt không phải là người địa phương nhằm nâng cao hiệu lực.

Những nỗ lực này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực và năng suất lao động mà còn tạo nền tảng vững chắc để Tập đoàn bứt phá, khẳng định vai trò trụ cột trong kỷ nguyên phát triển mới.

03

VỀ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ



Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ chiến lược cốt lõi và là động lực tăng trưởng đột phá nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao năng suất lao động cũng như sức cạnh tranh trong giai đoạn 2026–2030. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Tập đoàn yêu cầu các đơn vị thành viên khẩn trương số hóa toàn bộ quy trình quản trị và báo cáo nội bộ, đồng thời xây dựng hệ thống điều hành thông minh nhằm đảm bảo dữ liệu thực tế (real-time) luôn được cập nhật kịp thời và minh bạch phục vụ công tác điều hành. Bên cạnh đó, các công nghệ số hiện đại cũng được ứng dụng mạnh mẽ vào việc quản lý đất đai, vườn cây và giám sát sản xuất theo thời gian thực nhằm nâng cao hiệu quả và tính minh bạch. Đặc biệt, chuyển đổi số còn được xem là giải pháp then chốt để thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức, giúp Tập đoàn quyết tâm giảm tỷ lệ lao động gián tiếp xuống còn 5% và tăng cường khả năng thích ứng linh hoạt trước những biến động không ngừng của thị trường.

04

VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026 CỦA CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN

Trong năm 2025, Công ty mẹ – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) đã đạt được những kết quả đầu tư phát triển ấn tượng với doanh thu và thu nhập khác đạt 6.304 tỷ đồng (vượt 10,63% kế hoạch) và lợi nhuận trước thuế đạt 2.503 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng 6,37% so với cùng kỳ năm trước.

Kết quả này phản ánh sự hiệu quả vượt trội trong công tác quản trị chi phí, tối ưu hóa nguồn vốn và điều hành sản xuất kinh doanh trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động địa chính trị phức tạp.

Về hoạt động đầu tư trọng điểm, Công ty mẹ đã triển khai 15 dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên diện tích 1.697 ha, đồng thời tích cực chuẩn bị các dự án năng lượng tái tạo và tiếp tục khảo sát mở rộng vùng nguyên liệu tại Lào và Campuchia.

Những thành tựu này không chỉ giúp bảo toàn, phát triển vốn Nhà nước và đóng góp 1.664 tỷ đồng cho ngân sách mà còn tạo dựng nền tảng tài chính và quản trị vững chắc để Tập đoàn sẵn sàng bứt phá trong giai đoạn chiến lược 2026–2030.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2026

05 VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026 HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

Trong năm 2025, hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) đã đạt được những kết quả bứt phá với doanh thu ước đạt 32.431 tỷ đồng (vượt 4,47% kế hoạch) và lợi nhuận trước thuế đạt 7.107 tỷ đồng, tăng trưởng 26,77% so với năm trước.

Kết quả này giúp Tập đoàn hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 8% theo Nghị quyết của Chính phủ và đóng góp 5.089 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước.

Trọng tâm đầu tư được thể hiện rõ qua việc triển khai 15 dự án nông nghiệp công nghệ cao trên diện tích 1.697 ha cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khối khu công nghiệp khi cho thuê mới 128 ha đất, mang lại lợi nhuận 1.250 tỷ đồng. Ngoài ra, các hoạt động đầu tư tại Lào và Campuchia tiếp tục phát huy hiệu quả với mức lợi nhuận vượt xa kế hoạch, đóng góp hơn 2.000 tỷ đồng vào lợi nhuận chung của toàn hệ thống.

Những thành tựu này cùng với việc đẩy mạnh thực hiện các tiêu chuẩn ESG và lộ trình quản lý rừng bền vững đã khẳng định vị thế chủ lực của VRG, tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn phát triển xanh và hội nhập sâu rộng 2026-2030.



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thông tin về các cuộc họp của HĐQT trong năm 2025

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Công Kha	04/04	100%	
2	Ông Lê Thanh Hưng	04/04	100%	
3	Ông Hà Văn Khương	04/04	100%	
4	Ông Đỗ Hữu Phước	04/04	100%	
5	Ông Nguyễn Đông Phong	03/04	75%	Bận công tác
6	Ông Nguyễn Hay	04/04	100%	
7	Ông Trương Minh Trung	00/00	0%	05/11/2025 được bổ nhiệm là TV HĐQT
8	Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng	00/00	0%	05/11/2025 được bổ nhiệm là TV HĐQT

Hoạt động của Hội đồng quản trị: Tập đoàn chưa thành lập tiểu ban HĐQT



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, tình hình thực tế thị trường và đúng quy định pháp luật.

Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh chính năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	32.431
2	Lợi nhuận trước thuế	7.107
3	Nộp ngân sách	4.977

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2025

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có



Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQTCSVN	13/01/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
2	02/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
3	03/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
4	04/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
5	05/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
6	06/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
7	07/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
8	08/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
9	09/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
10	10/NQ-HĐQTCSVN	24/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
11	11/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
12	12/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
13	13/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
14	14/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
15	15/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
16	16/NQ-HĐQTCSVN	10/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
17	17/NQ-HĐQTCSVN	10/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
18	18/NQ-HĐQTCSVN	19/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
19	19/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
20	20/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
21	21/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
22	22/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
23	23/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
24	24/NQ-HĐQTCSVN	24/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
25	25/NQ-HĐQTCSVN	25/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
26	26/NQ-HĐQTCSVN	27/02/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
27	27/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
28	28/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
29	29/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
30	30/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
31	31/NQ-HĐQTCSVN	06/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
32	32/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
33	33/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
34	34/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
35	35/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
36	36/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
37	37/NQ-HĐQTCSVN	12/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
38	38/NQ-HĐQTCSVN	13/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
39	39/NQ-HĐQTCSVN	13/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
40	40/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
41	41/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
42	42/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
43	43/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
44	44/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
45	45/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
46	46/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
47	47/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
48	48/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
49	49/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
50	50/NQ-HĐQTCSVN	19/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
51	51/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
52	52/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
53	53/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
54	54/NQ-HĐQTCSVN	24/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
55	55/NQ-HĐQTCSVN	24/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	57,14%
56	56/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
57	57/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
58	58/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
59	59/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
60	60/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
61	61/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
62	62/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
63	63/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
64	64/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ kỳ họp Quý I năm 2025 của HĐQT	85,71%
65	65/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
66	66/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
67	67/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
68	68/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
69	69/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
70	70/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
71	71/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
72	72/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
73	73/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
74	74/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
75	75/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
76	76/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
77	77/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về gia hạn thời gian, nội dung, hình thức và thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	85,71%
78	78/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
79	79/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
80	80/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
81	81/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
82	82/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
83	83/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
84	84/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
85	85/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
86	86/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
87	87/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
88	88/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
89	89/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
90	90/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
91	91/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
92	92/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
93	93/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
94	94/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
95	95/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
96	96/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
97	97/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
98	98/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
99	99/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
100	100/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
101	101/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
102	102/NQ-HĐQTCSVN	25/04/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
103	103/NQ-HĐQTCSVN	28/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
104	104/NQ-HĐQTCSVN	28/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
105	105/NQ-HĐQTCSVN	06/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
106	106/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
107	107/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
108	108/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
109	109/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
110	110/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
111	111/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
112	112/NQ-HĐQTCSVN	09/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
113	113/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
114	114/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
115	115/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
116	116/NQ-HĐQTCSVN	15/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
117	117/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
118	118/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
119	119/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
120	120/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
121	121/NQ-HĐQTCSVN	20/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
125	125/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
126	126/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
127	127/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
128	128/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
129	129/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
130	130/NQ-HĐQTCSVN	28/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
131	131/NQ-HĐQTCSVN	03/06/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
132	132/NQ-HĐQTCSVN	03/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
133	133/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
134	134/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
135	135/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
136	136/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
137	137/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
138	138/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
139	139/NQ-HĐQTCSVN	09/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
140	140/NQ-HĐQTCSVN	09/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
141	141/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
142	142/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
143	143/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
144	144/NQ-HĐQTCSVN	13/06/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
145	145/NQ-HĐQTCSVN	16/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
146	146/NQ-HĐQTCSVN	17/06/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
147	149/NQ-HĐQTCSVN	19/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
148	150/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
149	151/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
150	152/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
151	153/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
152	154/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
153	155/NQ-HĐQTCSVN	23/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
154	156/NQ-HĐQTCSVN	23/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
155	157/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
156	158/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
157	159/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
158	160/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
159	161/NQ-HĐQTCSVN	26/06/2025	NQ kỳ họp Quý II năm 2025	100%
160	162/NQ-HĐQTCSVN	26/06/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
161	162A/NQ-HĐQTCSVN	27/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
162	163/NQ-HĐQTCSVN	30/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
163	164/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
164	165/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
165	166/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
166	167/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
167	168/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
168	169/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
169	170/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
170	171/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
171	172/NQ-HĐQTCSVN	04/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
172	173/NQ-HĐQTCSVN	08/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
173	174/NQ-HĐQTCSVN	08/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
174	175/NQ-HĐQTCSVN	14/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
175	176/NQ-HĐQTCSVN	16/07/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
176	177/NQ-HĐQTCSVN	16/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
177	178/NQ-HĐQTCSVN	16/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
178	179/NQ-HĐQTCSVN	16/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	83,33%
179	180/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
180	181/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
181	182/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
182	183A/NQ-HĐQTCSVN	18/07/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
183	183/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
184	184/NQ-HĐQTCSVN	21/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
185	185/NQ-HĐQTCSVN	24/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
186	186/NQ-HĐQTCSVN	24/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
187	187/NQ-HĐQTCSVN	24/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
188	188/NQ-HĐQTCSVN	25/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
189	189/NQ-HĐQTCSVN	25/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
190	190/NQ-HĐQTCSVN	25/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
191	191/NQ-HĐQTCSVN	28/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
192	192/NQ-HĐQTCSVN	29/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
193	193/NQ-HĐQTCSVN	29/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
194	194/NQ-HĐQTCSVN	29/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
195	195/NQ-HĐQTCSVN	29/07/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
196	196/NQ-HĐQTCSVN	30/07/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
197	197/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
198	198/NQ-HĐQTCSVN	04/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
199	199/NQ-HĐQTCSVN	04/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
200	200/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	83,33%
201	201/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
202	202/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
203	203/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
204	204/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
205	205/NQ-HĐQTCSVN	06/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
206	206/NQ-HĐQTCSVN	08/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
207	207/NQ-HĐQTCSVN	08/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
208	208/NQ-HĐQTCSVN	08/08/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
209	209/NQ-HĐQTCSVN	12/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
210	210/NQ-HĐQTCSVN	13/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
211	211/NQ-HĐQTCSVN	13/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
212	212/NQ-HĐQTCSVN	14/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	83,33%
213	213/NQ-HĐQTCSVN	18/08/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
214	214/NQ-HĐQTCSVN	20/08/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
215	215/NQ-HĐQTCSVN	21/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
216	216/NQ-HĐQTCSVN	22/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
217	217/NQ-HĐQTCSVN	22/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
218	218/NQ-HĐQTCSVN	26/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
219	219/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
220	220/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
221	221/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
222	222/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
223	223/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
224	224/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
225	225/NQ-HĐQTCSVN	05/09/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
226	226/NQ-HĐQTCSVN	08/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
227	227/NQ-HĐQTCSVN	09/09/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
228	228/NQ-HĐQTCSVN	09/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
229	229/NQ-HĐQTCSVN	09/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
230	230/NQ-HĐQTCSVN	10/09/2025	NQ kỳ họp HĐQT	100%
231	231/NQ-HĐQTCSVN	12/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
232	232/NQ-HĐQTCSVN	12/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
233	233/NQ-HĐQTCSVN	15/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
234	234/NQ-HĐQTCSVN	17/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
235	235/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
236	236/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
237	237/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
238	238/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
239	239/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	Nghị quyết v/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
240	240/NQ-HĐQTCSVN	22/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
241	241/NQ-HĐQTCSVN	22/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
242	242/NQ-HĐQTCSVN	22/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
243	243/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
244	244/NQ-HĐQTCSVN	26/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
245	245/NQ-HĐQTCSVN	26/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
246	246/NQ-HĐQTCSVN	29/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
247	247/NQ-HĐQTCSVN	29/09/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
248	248/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
249	249/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
250	250/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
251	251/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
252	252/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
253	253/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
254	254/NQ-HĐQTCSVN	02/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
255	255/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
256	256/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
257	257A/NQ-HĐQTCSVN	06/10/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
258	257/NQ-HĐQTCSVN	06/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
259	258/NQ-HĐQTCSVN	09/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
260	259/NQ-HĐQTCSVN	10/10/2025	Nghị quyết v/v thông qua ngày tổ chức và tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
261	260/NQ-HĐQTCSVN	10/10/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
262	261/NQ-HĐQTCSVN	10/10/2025	NQ kỳ họp Quý III năm 2025	100%
263	262/NQ-HĐQTCSVN	15/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
264	263/NQ-HĐQTCSVN	15/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
265	264/NQ-HĐQTCSVN	15/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
266	265/NQ-HĐQTCSVN	15/10/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
267	266/NQ-HĐQTCSVN	17/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
268	267/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
269	268/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
270	269/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
271	270/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
272	271/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
273	272/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
274	273/NQ-HĐQTCSVN	27/10/2025	Nghị quyết v/v Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024	100%
275	274/NQ-HĐQTCSVN	27/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
276	275/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
277	276/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
278	277/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
279	278/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
280	279/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
281	280/NQ-HĐQTCSVN	29/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
282	281/NQ-HĐQTCSVN	30/10/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
283	282/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
283	282/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
284	283/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	83,33%
285	284/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
286	285/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
287	286/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
288	289/NQ-HĐQTCSVN	07/11/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
289	290/NQ-HĐQTCSVN	07/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
290	291/NQ-HĐQTCSVN	11/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
291	292/NQ-HĐQTCSVN	14/11/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
292	293/NQ-HĐQTCSVN	17/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
293	294/NQ-HĐQTCSVN	19/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
294	295/NQ-HĐQTCSVN	19/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
295	296/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
296	297/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
297	298/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
298	299/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
299	300/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
300	301/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
301	302/NQ-HĐQTCSVN	21/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
302	303/NQ-HĐQTCSVN	21/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
303	304/NQ-HĐQTCSVN	21/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
304	305/NQ-HĐQTCSVN	25/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
305	306/NQ-HĐQTCSVN	25/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
306	307/NQ-HĐQTCSVN	25/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
307	308/NQ-HĐQTCSVN	27/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
308	309/NQ-HĐQTCSVN	27/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
309	310/NQ-HĐQTCSVN	27/11/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
310	311/NQ-HĐQTCSVN	01/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
311	312/NQ-HĐQTCSVN	01/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
312	313/NQ-HĐQTCSVN	01/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
313	314/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
314	315/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
315	316/NQ-HĐQTCSVN	03/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
316	317/NQ-HĐQTCSVN	03/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
317	318/NQ-HĐQTCSVN	03/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
318	319/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
319	320/NQ-HĐQTCSVN	05/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
320	321/NQ-HĐQTCSVN	08/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
321	322/NQ-HĐQTCSVN	10/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
322	323/NQ-HĐQTCSVN	10/12/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
323	324/NQ-HĐQTCSVN	11/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
324	325/NQ-HĐQTCSVN	15/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
325	326/NQ-HĐQTCSVN	15/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
326	327/NQ-HĐQTCSVN	15/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
327	328/NQ-HĐQTCSVN	16/12/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
328	329/NQ-HĐQTCSVN	16/12/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
329	330/NQ-HĐQTCSVN	19/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
330	331/NQ-HĐQTCSVN	22/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
331	332/NQ-HĐQTCSVN	23/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
332	333/NQ-HĐQTCSVN	24/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
333	334/NQ-HĐQTCSVN	25/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
334	335/NQ-HĐQTCSVN	25/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
335	336/NQ-HĐQTCSVN	25/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
336	337/NQ-HĐQTCSVN	25/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
337	338/NQ-HĐQTCSVN	26/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
338	339/NQ-HĐQTCSVN	29/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
339	340/NQ-HĐQTCSVN	29/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
340	341/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
341	342/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
342	343/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
343	344/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
344	345/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
345	346/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	87,50%
346	347/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
347	348/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
348	349/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
349	350/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
350	351/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
351	352/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
352	353/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
353	354/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
354	355/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
355	356/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
356	357/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

Hoạt động của ban kiểm soát năm 2025

Trong năm 2025 Ban kiểm soát thực hiện 06 kỳ họp theo qui định, cụ thể:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Cường	01/01	100%	100%	Bổ nhiệm ngày 05/11/2025
2	Ông Phạm Văn Hồi Em	05/05	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 05/11/2025
3	Ông Võ Văn Tuấn	06/06	100%	100%	
4	Ông Nguyễn Minh Đức	06/06	100%	100%	

Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2025

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và quy định của pháp luật hiện hành như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Tập đoàn để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư. Qua đó, tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Thẩm định báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.

Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

- Quá trình giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn năm 2025, Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị luôn tuân thủ đầy đủ các quy định trong chỉ đạo, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo quy định. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 vào ngày 17/06/2025 và Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 05/11/2025 theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và các quy định của pháp luật.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác kịp thời, đầy đủ, quyết liệt; Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật.
- Tập đoàn đã thực hiện việc công bố thông tin theo đúng các quy định hiện hành, kịp thời và chính xác.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực hiện hoạt động của mình. Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp của Ban lãnh đạo Tập đoàn, đồng thời đưa ra các ý kiến đối với các chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo các chủ trương, quyết định được ban hành phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích cao nhất của Tập đoàn.
- Ban Kiểm soát đã có ý kiến nhằm đảm bảo quá trình điều hành được thực hiện đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động khác của BKS: ngoài những nội dung trên, trong năm 2025 Ban kiểm soát Tập đoàn thực hiện các nội dung chính, như sau:

- Giám sát việc xây dựng và giao kế hoạch năm 2025 của Tập đoàn và các đơn vị; thẩm định báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty mẹ – Tập đoàn năm 2024; báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025; giám sát công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty mẹ – Tập đoàn; thẩm định báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2025.
- Kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại một số đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn, bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su; Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh; Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Cồn; Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa; việc thực hiện Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đến hết năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP.



Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với năm 2026

Kiến nghị

- Tiếp tục chỉ đạo xử lý các khoản nợ có nguồn gốc từ việc tiếp nhận Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam, nợ khác như đã thực hiện trong thời gian qua theo quy định của pháp luật nhằm thu hồi nợ cho doanh nghiệp.
- Tiếp tục chỉ đạo giám sát một số đơn vị thành viên hoạt động chưa hiệu quả, hỗ trợ các đơn vị này nâng cao năng lực quản lý tiến tới hoạt động có hiệu quả. Chỉ đạo các đơn vị thành viên giám sát, xử lý các dự án không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp theo đúng quy định.
- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thành viên thực hiện quản lý suất đầu tư theo quy định của Tập đoàn. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư, đấu thầu và mua sắm thường xuyên tại các đơn vị nhằm đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật về đầu tư, đấu thầu và các quy định khác có liên quan.
- Tiếp tục chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn và chỉ đạo các đơn vị rà soát, điều chỉnh Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của các đơn vị thành viên theo quy định pháp luật, đảm bảo áp dụng hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phương hướng hoạt động năm 2026

- Giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Giám sát việc xây dựng kế hoạch đầu tư và đăng ký các chỉ tiêu hoạt động SXKD của Tập đoàn năm 2026.
- Lập báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện.
- Thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2025; Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 theo quy định.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và năm 2026 của Tập đoàn và một số đơn vị thành viên.
- Các vấn đề khác khi cần thiết.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS

Đơn vị: đồng

STT	Họ Và Tên	Chức vụ	Thù lao
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông Trần Công Kha	Chủ tịch HĐQT	1.746.183.108
2	Ông Lê Thanh Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.546.730.815
3	Ông Hà Văn Khương	Thành viên HĐQT	1.421.891.959
4	Ông Nguyễn Hay	Thành viên HĐQT độc lập	142.189.196
5	Ông Đỗ Hữu Phước	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	1.421.891.959
6	Ông Nguyễn Đông Phong	Thành viên HĐQT độc lập	142.189.196
7	Ông Trương Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.303.400.963
8	Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng	Thành viên HĐQT	23.698.199
II BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Ông Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	1.279.702.763
2	Ông Phạm Hải Dương	Phó Tổng Giám đốc	1.279.702.763
3	Ông Trần Như Hùng	Phó Tổng Giám đốc	213.283.794
4	Ông Phạm Văn Hồi Em	Phó Tổng Giám đốc	1.418.981.654
5	Ông Lê Đình Bửu Trí	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 15/09/2025)	959.777.073
6	Ông Huỳnh Kim Nhựt	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 15/09/2025)	959.777.073
III BAN KIỂM SOÁT			
1	Ông Nguyễn Văn Cường	Kiểm soát viên chuyên trách	236.981.993
2	Ông Nguyễn Minh Đức	Kiểm soát viên	142.189.196
3	Ông Võ Văn Tuấn	Kiểm soát viên	142.189.196



QUẢN TRỊ RỦI RO

Là một trong những hoạt động thường xuyên và quan trọng nhất của doanh nghiệp, đặc biệt là trong môi trường đầy cạnh tranh và biến động như hiện nay. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trải rộng trên nhiều địa bàn kể cả ở nước ngoài, một số sản phẩm chiếm thị phần lớn ở thị trường trong nước. Vì vậy, có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Các nhóm rủi ro sau được phân loại và đánh giá có khả năng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững và chiến lược kinh doanh dài hạn của Tập đoàn, do đó được tập trung theo dõi, giám sát thường xuyên và thực hiện các biện pháp để phòng quản lý rủi ro một cách hợp lý.

XÁC LẬP

QUẢN LÝ

THỰC THI

ĐẢM BẢO

RỦI RO	NHẬN DIỆN RỦI RO	ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO
NHÓM RỦI RO KINH TẾ - THỊ TRƯỜNG		
 Tăng trưởng kinh tế và nhu cầu tiêu thụ	» Tình trạng lạm phát hạ nhiệt dần, đa dạng giữa các quốc gia trên thế giới, với các ngân hàng trung ương lớn chuyển sang nới lỏng chính sách tiền tệ qua hàng loạt cắt giảm lãi suất. » Sự phục hồi kinh tế thế giới diễn ra nhanh hơn dự kiến với tăng trưởng GDP 3,2%, dù vẫn chịu ảnh hưởng kéo dài từ rủi ro địa chính trị. » Nhu cầu cao su tự nhiên toàn cầu năm 2025 tăng trưởng khoảng 3-4% so với năm 2024, nhờ phục hồi sản xuất ô tô, lốp xe và nhu cầu từ Trung Quốc, dù ngành cao su vẫn đối mặt thách thức từ kinh tế không đồng đều và lạm phát trung bình toàn cầu 4,2% (IMF tháng 10/2025).	» Theo dõi và phân tích sát diễn biến kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, từ đó xây dựng các kịch bản điều hành phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, liên tục và hạn chế tối đa các tác động bất lợi từ thị trường. » Thực hiện các nghiên cứu, đánh giá xu hướng biến động giá nguyên vật liệu, thường xuyên cập nhật thông tin thị trường để nâng cao tính chủ động trong công tác lập kế hoạch, tính toán chi phí, đấu thầu dự án và tổ chức đặt hàng, cung ứng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
	» Giá cao su trên thị trường thế giới cũng như tại Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi trong năm 2025, sau mức tăng mạnh năm 2024, nhờ nguồn cung được kiểm soát chặt hơn và nhu cầu gia tăng từ các thị trường tiêu thụ lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và một phần từ Mỹ, khi sản xuất ô tô và lốp xe phục hồi. » Giá cao su thiên nhiên năm 2024 chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: (1) Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại; (2) Căng thẳng địa chính trị gia tăng; (3) Chính sách tiền tệ thắt chặt của các nước lớn; (4) Cân đối cung – cầu cao su tự nhiên trên thị trường thế giới có sự thay đổi; (5) Giá dầu thô biến động mạnh; (6) Thời tiết không thuận lợi và dịch bệnh trên cây cao su ở một số khu vực.	» Nâng cao năng lực và kỹ thuật thi công, đầu tư nguồn lực vào các dự án chuyển đổi số để quản lý giá thành, gia tăng thế mạnh cạnh tranh. » Đẩy mạnh phát triển mở rộng sang lĩnh vực phát triển các đại đô thị, hạ tầng thông qua tận dụng danh mục dự án và mạng lưới quan hệ của Tập đoàn.
 Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào		
	» Những thay đổi trong chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) với các đợt cắt giảm lãi suất liên tiếp, cùng tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam ổn định, đã hỗ trợ doanh thu xuất khẩu cao su tăng trưởng mạnh mẽ. » Chính sách tiền tệ linh hoạt chuyển sang nới lỏng, lãi suất cho vay giảm dần nhờ lạm phát hạ nhiệt, giúp giảm chi phí vốn vay của VRG, đặc biệt các khoản vay ngoại tệ. Dù tỷ trọng vốn vay thấp, biến động lãi suất toàn cầu vẫn cần theo dõi sát để đảm bảo hiệu quả tài chính của Tập đoàn.	» Cân nhắc sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý, duy trì tỷ lệ nợ/vốn khả kiểm soát trong bối cảnh lãi suất nới lỏng. » Xây dựng quan hệ chiến lược với đa dạng tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, tận dụng các kênh huy động linh hoạt. » Chủ động đánh giá định kỳ tình hình tài chính, tính thanh khoản dự án và biến động lãi suất để kịp thời điều chỉnh chiến lược phòng ngừa.
 Rủi ro tài chính và tỷ giá		

RỦI RO	NHẬN DIỆN RỦI RO	ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO
NHÓM RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
 Rủi ro pháp lý và chính sách	VRG hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực trên nhiều địa bàn trong và ngoài nước, do đó Tập đoàn tiếp tục đối mặt với rủi ro từ thay đổi chính sách pháp luật, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng năm 2025: » Quản lý đất đai và môi trường: Quy định ngày càng chặt chẽ về quản lý đất đai, chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang khu công nghiệp và bảo vệ môi trường, kèm theo các yêu cầu ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) từ đối tác quốc tế. » Tiêu chuẩn phát triển bền vững và chứng chỉ rừng: Chứng chỉ FSC, PEFC và các tiêu chuẩn bền vững trở thành bắt buộc để đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu châu Âu, Mỹ, đặc biệt với gỗ và cao su. » Chính sách thương mại quốc tế: EVFTA, CPTPP, VPA/FLEGT yêu cầu khắt khe hơn về truy xuất nguồn gốc, chứng nhận sản phẩm xanh; đồng thời thuế quan Mỹ-Trung leo thang ảnh hưởng chuỗi cung ứng toàn cầu. » Dòng vốn FDI: Doanh nghiệp FDI thận trọng hơn với kế hoạch đầu tư vào Việt Nam do biến động chính sách thương mại Mỹ, cạnh tranh từ Ấn Độ, Indonesia và yêu cầu nội địa hóa cao hơn.	» Thành lập và kiện toàn Ban Pháp chế để tham mưu chiến lược pháp lý cho lãnh đạo, ban hành quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ pháp luật và hoạt động kinh doanh hiệu quả. » Tổ chức đào tạo, tập huấn định kỳ về chính sách pháp luật mới, quy trình nội bộ và tiêu chuẩn quốc tế (ISO, ESG) nhằm kiểm soát rủi ro tuân thủ toàn diện.
	» Năm 2025, VRG đối mặt với rủi ro biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng do Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia dễ chịu ảnh hưởng nhất thế giới. Các vùng trồng cao su chủ lực tại Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long ghi nhận nắng nóng kỷ lục, hạn hán kéo dài kết hợp xâm nhập mặn nghiêm trọng, làm giảm đáng kể sản lượng mủ cao su và ảnh hưởng chất lượng cây trồng. Mưa lũ bất thường, lũ quét, sạt lở đất tại các vùng đồi núi gây thiệt hại vườn cây, đường giao thông nội bộ và cơ sở hạ tầng chế biến. Số lượng và cường độ bão, siêu bão gia tăng đe dọa trực tiếp các khu công nghiệp ven biển cùng nhà máy chế biến gỗ của Tập đoàn. » Bên cạnh đó, ảnh hưởng của hạn hán, tình hình dịch bệnh trên cây trồng cũng cho thấy những diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Các loại bệnh hại phổ biến trên cây cao su, chẳng hạn như phấn trắng và bệnh rụng lá mùa mưa, có xu hướng gia tăng và gây hại nghiêm trọng trong những năm gần đây.	» Thực hiện các nghiên cứu và phân tích để xác định mức độ rủi ro do biến đổi khí hậu đối với hoạt động sản xuất. » Áp dụng các phương pháp nông nghiệp bền vững nhằm nâng cao sức chống chịu, giảm thiểu tác động bất lợi của điều kiện thời tiết khắc nghiệt. » Theo dõi sát dự báo thời tiết, sơ tán kịp thời lao động tại vùng nguy cơ lũ quét/sạt lở; dừng khai thác mủ, vận hành cống thoát lũ chủ động. » Đánh giá thiệt hại nhanh chóng, huy động nguồn lực phục hồi vườn cây, hạ tầng; phòng chống dịch bệnh sau lũ và hỗ trợ an sinh cho người lao động bị ảnh hưởng.
 Rủi ro khí hậu		

06

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp Phát triển bền vững

Mục tiêu Phát triển bền vững

Tiêu chí Phát triển bền vững

Chiến lược Phát triển bền vững

Gắn kết các bên liên quan





THÔNGIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“Vớimục tiêu hướng đến phát triển bền vững, đạt được tăng trưởng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, tiến tới góp phần xây dựng nền kinh tế carbon thấp, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính”

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với trọng tâm trồng và phát triển cây cao su thiên nhiên, đồng thời đầu tư phát triển các khu công nghiệp theo định hướng xanh và bền vững, Tập đoàn nhận thức rõ rằng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều có tác động nhất định đến môi trường tự nhiên, đời sống xã hội và cộng đồng địa phương. Trách nhiệm với xã hội và môi trường vì vậy được Tập đoàn xem là yếu tố xuyên suốt trong quá trình hoạch định và triển khai chiến lược phát triển.

Xuất phát từ nhận thức đó, Tập đoàn xác định phát triển bền vững là mục tiêu dài hạn, hướng tới tăng trưởng kinh tế hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường và bảo đảm công bằng xã hội. Thông qua các hoạt động sản xuất kinh doanh có trách nhiệm, Tập đoàn đặt mục tiêu góp phần xây dựng nền kinh tế các-bon thấp, giảm phát thải và gia tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính, phù hợp với xu thế phát triển xanh và bền vững toàn cầu.

Với sứ mệnh kiến tạo giá trị bền vững từ thiên nhiên, Tập đoàn không ngừng nỗ lực đóng góp tích cực cho xã hội, đồng hành cùng cộng đồng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, hướng tới mô hình phát triển hài hòa và lâu dài tại các khu vực mà Tập đoàn hiện diện. Trên nền tảng đó, Tập đoàn cam kết triển khai chiến lược phát triển bền vững một cách nhất quán, thông qua các nhóm hoạt động trọng tâm sau:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tài nguyên: Tập đoàn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong canh tác cây cao su, đồng thời ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối. Việc tối ưu hóa sử dụng đất đai, nguồn nước và các tài nguyên thiên nhiên được triển khai đồng bộ nhằm giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trong dài hạn.

Thứ hai, phát triển khu công nghiệp theo mô hình xanh và thông minh: Với vai trò là nhà phát triển khu công nghiệp, Tập đoàn định hướng xây dựng các khu công nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế, chú trọng bảo vệ môi trường, tích hợp các giải pháp quản lý thông minh trong sử dụng năng lượng, xử lý chất thải và hạ tầng kỹ thuật, qua đó bảo đảm hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp đầu tư, cộng đồng cư dân và môi trường xung quanh.

Thứ ba, tăng cường bảo vệ môi trường trong toàn bộ chuỗi giá trị: Tập đoàn không ngừng cải tiến hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, từng bước giảm phát thải khí nhà kính và mở rộng ứng dụng năng lượng sạch từ khâu canh tác, chế biến đến sản xuất công nghiệp và vận hành khu công nghiệp, hướng tới mục tiêu phát triển các-bon thấp.

Thứ tư, gắn kết và đồng hành cùng cộng đồng địa phương: Tập đoàn tích cực triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng, từ bảo vệ rừng, gìn giữ hệ sinh thái đến các hoạt động giáo dục, y tế và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân tại các khu vực sản xuất và đầu tư, qua đó lan tỏa giá trị phát triển bền vững một cách thực chất và lâu dài.

Thứ năm, duy trì đối thoại cởi mở với các bên liên quan: Tập đoàn chú trọng xây dựng và duy trì các kênh đối thoại thường xuyên với chính quyền, người dân, khách hàng và đối tác, nhằm kịp thời tiếp thu ý kiến, điều chỉnh chiến lược phát triển phù hợp với kỳ vọng của cộng đồng và yêu cầu phát triển bền vững trong từng giai đoạn.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia theo cam kết với Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc, đồng thời tuân thủ Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của Tập đoàn giai đoạn 2023–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thông qua đó, Tập đoàn hướng tới tăng trưởng kinh tế hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường và bảo đảm công bằng xã hội, góp phần xây dựng nền kinh tế các-bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính và gia tăng khả năng hấp thụ các-bon. Trên nền tảng định hướng chiến lược nêu trên, Tập đoàn tập trung triển khai các mục tiêu trọng tâm sau:

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm cường độ phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên trong toàn bộ chuỗi giá trị;
- Đẩy mạnh phát triển và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, từng bước chuyển dịch sang mô hình sản xuất và vận hành các-bon thấp;
- Duy trì và thực hiện các chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống VFCS/PEFC-FM, đồng thời thực hiện chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC, bảo đảm minh bạch và truy xuất nguồn gốc;
- Thực hiện chứng nhận Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam, đồng thời tiếp tục xây dựng và triển khai Lộ trình tái kết nối với Hội đồng Quản lý rừng (FSC);
- Theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị thành viên triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định EUDR, đáp ứng yêu cầu hội nhập thị trường quốc tế;
- Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu và triển khai các nội dung liên quan đến tín chỉ các-bon, tiến tới thương mại hóa tín chỉ các-bon từ rừng cây cao su;
- Tăng cường hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (NGOs) nhằm thúc đẩy kết nối cộng đồng, bình đẳng giới và phát triển xã hội tại nơi làm việc;
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của Tập đoàn, đồng thời triển khai các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế gắn với mục tiêu phát triển bền vững.



TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



STT	Mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc và Việt Nam đến 2030	Cam kết của VRG về thực hiện SDGs
	Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi	Bảo đảm lương và thu nhập của người lao động cao hơn mức tối thiểu trong vùng theo quy định của quốc gia.
	Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững	Đảm bảo không có người lao động nào bị đói. Thực hiện quy trình sản xuất bền vững và đầu tư có trách nhiệm, tăng năng suất, cải thiện thu nhập. Tạo điều kiện đa dạng cây trồng, phát triển nông lâm kết hợp góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho người lao động và cộng đồng địa phương. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến tiến bộ khoa học công nghệ, sử dụng bộ giống và kỹ thuật thích hợp có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, không làm mất đa dạng sinh học, đa dạng di truyền để tạo tuyển giống cây cao su tiến bộ liên tục, cải tạo đất với giải pháp thân thiện, không sử dụng hóa chất bị cấm. Hỗ trợ hộ cao su tiểu điền qua đào tạo, mua mủ cao su với giá cạnh tranh, áp dụng hợp đồng trong sản xuất và tiêu thụ theo pháp luật và chính sách phát triển bền vững. Hạn chế rủi ro do biến động về giá và thị trường. Đạt được chứng nhận về phát triển bền vững, đầu tư có trách nhiệm, đảm bảo chất lượng và uy tín trong thương mại.

	Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi	Tất cả người lao động được khám sức khỏe định kỳ, phòng chữa bệnh kịp thời, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh. Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ chế độ theo pháp luật. Hỗ trợ thân nhân của người lao động trong phòng chống, chữa bệnh. Đóng góp xây dựng trạm y tế, bệnh viện trong vùng dự án cho người lao động và cộng đồng địa phương. Xử lý tốt các loại chất thải; không gây ô nhiễm môi trường. Tập huấn và trang bị đầy đủ để đảm bảo an toàn lao động. Sản phẩm an toàn cho người sử dụng.
	Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người	Đào tạo cho người lao động để thực hành tốt công việc và tăng năng suất. Tạo điều kiện được học tập suốt đời để nâng cao kỹ năng làm việc và hòa nhập với chuyển biến của xã hội, xu thế phát triển bền vững. Tạo điều kiện, đóng góp và khuyến khích việc học tập cho con em của người lao động.
	Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái	Không phân biệt giới trong chính sách tuyển dụng lao động, trả lương, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, đảm bảo quyền lợi nữ lao động theo pháp luật. Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của phụ nữ và cơ hội bình đẳng để lãnh đạo ở tất cả các cấp. Tăng cường công nghệ, thiết bị để tạo thuận lợi cho công việc giao phụ nữ phụ trách. Không sử dụng lao động trẻ em.
	Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người	Tạo nguồn nước sạch an toàn và giá cả phù hợp cho người lao động, chú ý đến nhu cầu của phụ nữ và người yếu thế. Không tác hại đến chất lượng nước (không xả rác thải, hóa chất, vật liệu độc hại vào nguồn nước). Tiết kiệm nước, xử lý nước thải theo tiêu chuẩn quốc gia và tái sử dụng nước ở mức đáng kể. Bảo vệ nguồn nước qua phục hồi hệ sinh thái (rừng, sông suối, nước ngầm, hồ chứa...). Kết nối cộng đồng địa phương để duy trì, cải thiện, quản lý nguồn nước sạch.
	Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người	Tăng cường áp dụng năng lượng sạch, tái tạo, hiệu quả, bền vững (ưu tiên sử dụng năng lượng sinh khối (biomass) thay thế nhiên liệu hóa thạch... đẩy mạnh lắp đặt điện mặt trời mái nhà) với giá cả phù hợp trong chuỗi cung ứng và trong sinh hoạt của các gia đình người lao động.
	Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người	Cải tiến quản lý và kỹ thuật liên tục, tạo năng suất cao, giá trị gia tăng và bền vững cho rừng cây cao su, các nhà máy và cho người lao động với mức thu nhập cao hơn trung bình cùng ngành nghề trong khu vực. Xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức và lao động trẻ em. Đảm bảo quyền lợi của người lao động theo pháp luật và theo Công ước Lao động quốc tế (ILO).

	Đảm bảo các công trình cơ sở hạ tầng có chất lượng, bền vững, thân thiện với môi trường, khả năng chống chịu cao, được sửa chữa kịp thời, sử dụng công bằng, hợp lý. Hỗ trợ phát triển kinh tế và phúc lợi tập thể. Thúc đẩy công nghiệp hóa qua phát triển sản phẩm cao su và sản phẩm gỗ cao su có giá trị gia tăng cao.
	Đảm bảo cơ hội bình đẳng, không phân biệt đối xử, áp dụng nguyên tắc đối xử đặc biệt theo quy định của pháp luật. Tăng cường kết nối cộng đồng, tôn trọng quyền của phụ nữ và nhóm người yếu thế.
	Xây dựng, tạo không gian xanh cho khu nhà ở của người lao động và cơ sở làm việc với các hệ thống tiện ích an toàn, giá cả hợp lý, quy hoạch phù hợp, dễ tiếp cận, không phát thải gây ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh.
	Áp dụng quy trình sản xuất bền vững, kỹ thuật tốt nhất theo quy định, hạn chế hoặc không đốt lửa trong rừng cao su, giám sát và báo cáo các đám cháy. Nghiên cứu và đào tạo để cải tiến kỹ thuật liên tục. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường, kiểm soát và hạn chế sử dụng hóa chất, tái chế, tái sử dụng, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và xử lý chất thải theo quy định. Phấn đấu đạt chứng nhận bền vững của ISO, CSI 100, PEFCFM, PEFC-CoC, FSC, Ecovadis... cho mặt hàng cao su thiên nhiên, gỗ cao su và sản phẩm cao su. Có kế hoạch và quản lý diện tích, sản lượng cao su qua bản đồ số (GIS). Có chính sách mua sắm bền vững, phù hợp với chính sách quốc gia và hệ thống chứng nhận chọn lọc.
	Nghiên cứu cải tiến liên tục quy trình kỹ thuật và bộ giống cao su chống chịu tốt với biến đổi khí hậu. Đánh giá rủi ro và xây dựng phương án thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu và khắc phục tác hại do thiên tai.

	Tham gia ủng hộ các hoạt động, truyền thông về bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn lợi biển. Tuyên truyền, hướng dẫn người lao động ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm biển, không sử dụng, không tiêu thụ sản phẩm từ biển liên quan đến các hoạt động tác hại biển bị pháp luật ngăn cấm.
	Xây dựng và thực hiện các phương án quản lý rừng cao su bền vững, giám sát (qua GIS) và có báo cáo về quản lý rừng; ngăn chặn phá rừng, mất rừng, chuyển đổi hệ sinh thái tự nhiên từ sau năm 2015; phục hồi và bảo tồn rừng, hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; đánh giá trữ lượng carbon và giá trị bảo tồn cao; cấm săn bắt, mua bán, tiêu thụ sản phẩm rừng bất hợp pháp. Không trồng cao su, khai thác trên đất than bùn ở bất cứ độ sâu nào. Bảo vệ hành lang sông suối. Áp dụng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp. Giảm thiểu hóa chất và không sử dụng hóa chất cấm. Các nhà cung ứng phải thực hiện quy tắc này. Thực hiện lộ trình đến 2030 có chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc gia và quốc tế (VFCS, PEFC, FSC) cho tất cả diện tích cao su của Tập đoàn tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Đánh giá, báo cáo tác động xã hội và môi trường theo quy định.
	Tham gia ủng hộ các chính sách và hoạt động của Chính phủ và các tổ chức có liên quan đến mục tiêu này. Phòng chống tham nhũng và hối lộ. Xây dựng thể chế minh bạch, hiệu quả ở các cấp. Tôn trọng quyền hợp pháp và chính đáng của cộng đồng và các bên liên quan được Việt Nam cam kết với Liên Hợp Quốc và các công ước quốc tế (ILO).
	Cải tiến hệ thống quản trị nội bộ, Có quy trình xử lý khiếu nại. Xây dựng báo cáo theo quy định quốc gia, hướng đến báo cáo theo tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường quan hệ, hợp tác với nhiều tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm huy động, chia sẻ kiến thức, công nghệ, nguồn lực và nâng cao năng lực để đạt các mục tiêu phát triển bền vững.

01

Tiếp tục triển khai các giải pháp giảm cường độ phát thải khí nhà kính; Đẩy mạnh phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

02

Duy trì và thực hiện chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống VFCS/PEFC-FM và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC; Thực hiện chứng nhận Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam; Tiếp tục xây dựng và thực hiện Lộ trình tái kết nối với Hội đồng quản lý rừng (FSC); Theo dõi và hỗ trợ các đơn vị thành viên triển khai các hoạt động nhằm thích ứng với EUDR; Tiếp tục nghiên cứu và tham mưu thực hiện tín chỉ các-bon tiến tới thương mại hóa tín chỉ các-bon rừng cây cao su.

03

Tiếp tục hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (NGOs) nhằm tăng cường thực hiện kết nối cộng đồng và bình đẳng giới tại nơi làm việc; Tiếp tục nâng cao nhận thức và truyền thông về Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của Tập đoàn đồng thời đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.



Kế hoạch hành động năm 2026

Giảm cường độ phát thải khí nhà kính



Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) xác định giảm cường độ phát thải khí nhà kính là nội dung trọng yếu trong chiến lược tăng trưởng xanh nhằm hiện thực hóa mục tiêu Net Zero vào năm 2050. Để đạt được mục tiêu này, Tập đoàn tập trung phát triển năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió theo Quy hoạch điện VIII và nghiên cứu áp dụng cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) nhằm cung cấp điện sạch cho các khu công nghiệp sinh thái. Song song đó, VRG quyết liệt triển khai lộ trình đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia và quốc tế cho 100% diện tích cao su tại các vùng trọng điểm, đồng thời ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để truy xuất nguồn gốc sản phẩm đáp ứng các quy định khắt khe như EUDR. Việc ra mắt nhãn hiệu chứng nhận “VRG Green” cùng với việc đẩy mạnh thực hiện các tiêu chuẩn ESG đã khẳng định cam kết của Tập đoàn trong việc phát triển các sản phẩm cao su xanh, phát thải thấp, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Xanh hóa chuỗi cung ứng



Hướng tới Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) đang triển khai kế hoạch xanh hóa chuỗi cung ứng một cách toàn diện và quyết liệt nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Trọng tâm của chiến lược này là lộ trình đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia và quốc tế cho 100% diện tích cao su tại các vùng trọng điểm, kết hợp với việc ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số để giám sát sản xuất theo thời gian thực, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm đáp ứng nghiêm ngặt các quy định quốc tế như EUDR.

Bên cạnh việc ra mắt nhãn hiệu “VRG Green” khẳng định cam kết phát triển các dòng sản phẩm cao su xanh và phát thải thấp, Tập đoàn còn đẩy mạnh chuyển đổi năng lượng sạch thông qua các dự án điện mặt trời, điện gió và nghiên cứu áp dụng cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) để xây dựng mô hình khu công nghiệp sinh thái, tuần hoàn.

Song song đó, VRG chú trọng đầu tư vào khoa học công nghệ và chuyển đổi số toàn diện, từ việc nghiên cứu giống cây thích ứng biến đổi khí hậu đến số hóa quy trình quản trị điều hành thông minh, nhằm hình thành chuỗi giá trị khép kín bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Kế hoạch hành động năm 2026

Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm và nâng cao năng lực chống chịu



Quá trình chuyển đổi xanh tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) được thực hiện dựa trên sự hài hòa giữa mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển.

Nguyên tắc bình đẳng và bao trùm được thể hiện rõ qua việc đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 79.000 lao động, trong đó có tỷ lệ lớn là phụ nữ, người dân tộc thiểu số và lao động bản địa tại Lào, Campuchia, đi kèm với các chương trình an sinh xã hội trị giá hàng trăm tỷ đồng nhằm đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

Đồng thời, Tập đoàn không ngừng nâng cao năng lực chống chịu trước biến đổi khí hậu và biến động thị trường bằng cách đẩy mạnh nghiên cứu các giống cây thích ứng tốt, ứng dụng công nghệ IoT, AI và hệ thống GIS để giám sát sản xuất thời gian thực và đáp ứng các tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc quốc tế như EUDR.

Với chiến lược số hóa toàn diện và xây dựng chuỗi giá trị khép kín, VRG đang từng bước khẳng định vị thế chủ lực trong việc hiện thực hóa cam kết Net Zero vào năm 2050 và đóng góp bền vững cho cộng đồng.



Xanh hóa quy trình sản xuất



Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) đang đẩy mạnh xanh hóa quy trình sản xuất thông qua việc hình thành chuỗi giá trị khép kín từ khâu trồng trọt, khai thác đến chế biến sâu và tiêu thụ nhằm tối ưu hóa nguồn lực và giảm phát thải carbon.

Các nhà máy chế biến được định hướng chuyển dần sang sử dụng năng lượng sạch và tự động hóa dây chuyền sản xuất, trong khi các vùng nguyên liệu được phát triển theo mô hình nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng cơ giới hóa và số hóa toàn diện quy trình.

Song song đó, VRG chú trọng quản lý vườn cây bằng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn EUDR, đồng thời nỗ lực đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia và quốc tế cho 100% diện tích cao su tại các vùng trọng điểm.

Việc ra mắt nhãn hiệu “VRG Green” cùng các hoạt động nghiên cứu giống cây thích ứng với biến đổi khí hậu đã khẳng định cam kết của Tập đoàn trong việc cung ứng sản phẩm bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và vị thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Bảng: Kế hoạch chỉ tiêu tiết kiệm/giảm thiểu năm 2026 trong toàn Tập đoàn

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng thực hiện
I TIẾT KIỆM/GIẢM THIỂU			
1	Tiết kiệm năng lượng điện sử dụng	Kwh	Đạt tối thiểu 3.000.000 kwh
2	Tiết kiệm nhiên liệu sử dụng (dầu DO, gas LPG, gỗ, củi,...)	Kg	Đạt tối thiểu 600.000 kg
II GIẢM THIỂU XẢ THẢI			
4	Tiết kiệm và giảm thiểu hóa chất sử dụng	Kg	Đạt tối thiểu 200.000 kg
5	Tái sử dụng nước thải	%	Tối thiểu 20% trên tổng lượng sử dụng
6	Giảm thiểu xả thải chất thải rắn thông thường ra môi trường.	%	Tối thiểu 20% trên tổng lượng chất thải rắn thông thường ra môi trường
7	Giảm thiểu xả thải chất thải nguy hại (CTNH) ra môi trường	%	Tối thiểu 20% trên tổng lượng chất thải nguy hại ra môi trường



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Xây dựng và phát triển mối quan hệ với các bên liên quan có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với thành công của Tập đoàn, với mỗi nhóm đối tượng, Tập đoàn sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau, thận trọng nghiên cứu và có những điều chỉnh phù hợp vào các chính sách và các hoạt động của Tập đoàn.

Hoạt động gắn kết của Tập đoàn với các bên liên quan

Bên liên quan	Hình thức tương tác	Các chủ đề được quan tâm
CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ	» Gặp gỡ trực tiếp;	» Hoạt động kinh doanh tăng trưởng hiệu quả bền vững;
	» ĐHĐCĐ;	
	» Website; Phương tiện truyền thông đại chúng;	
	» Các kênh liên lạc khác (Email, Điện thoại...).	
NGƯỜI LAO ĐỘNG	» Hội nghị người lao động;	» Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp;
	» Chương trình hội thao, rèn luyện tay nghề;	
	» Hợp đánh giá mức độ hoàn thành công việc;	
	» Kênh truyền thông nội bộ;	
CHỦ ĐẦU TƯ	» Đào tạo;	» Gia tăng quyền lợi, phúc lợi cho người lao động;
	» Gặp gỡ trao đổi trực tiếp;	
	» Quá trình đấu thầu dự án;	
	» Hợp đồng tổng thầu dự án.	
KHÁCH HÀNG (NGƯỜI DÙNG CUỐI)		» Uy tín doanh nghiệp;
ĐỐI TÁC, NHÀ CUNG CẤP	» Chất lượng mang lại cho người sử dụng;	» Chất lượng dịch vụ, nguồn gốc hàng hóa rõ ràng;
	» An toàn và hiệu quả trong thực tế sử dụng.	
	» Gặp gỡ trao đổi trực tiếp;	» Đối xử bình đẳng với đối tác, nhà cung cấp;
	» Quy chế mua sắm;	
	» Đảm bảo minh bạch trong chào thầu	
	» Hợp đồng hợp tác với nhà cung cấp.	
		» Hợp tác cùng phát triển, nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Bên liên quan	Hình thức tương tác	Các chủ đề được quan tâm
CỘNG ĐỒNG	» Phối hợp với Chính quyền địa phương tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.	» Tạo cơ hội nghề nghiệp, cải thiện thu nhập cho người dân địa phương;
CHÍNH PHỦ	» Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Cơ quan ban ngành nhà nước tổ chức;	» Hỗ trợ phát triển kinh tế, hạ tầng ở địa phương.
	» Tham gia các tổ chức, Hiệp hội Ngành.	
NGÂN HÀNG VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG	» Gặp mặt trao đổi trực tiếp;	» Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ, tích cực đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư.
	» Hợp đồng tín dụng.	
TRUYỀN THÔNG	» Các chương trình giao lưu, hợp tác báo chí, thông cáo báo chí về hoạt động Tập đoàn.	» Hiệu quả kinh doanh;
		» Khả năng chi trả cho các nhà cung cấp vốn.
		» Cung cấp, chia sẻ thông tin cởi mở, chủ động, thường xuyên để báo chí có thể phản ánh chân thực, khách quan về hoạt động của Tập đoàn đến công chúng.

Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đáp ứng mong đợi của bên liên quan

Về Quản trị Công ty

Nỗ lực của Tập đoàn

- » Tuân thủ công bố thông tin, đảm bảo thông tin trung thực, minh bạch, phản ánh đúng hoạt động và các chiến lược phát triển của Tập đoàn;
- » Đa dạng hóa kênh trao đổi thông tin, chủ động xử lý khủng hoảng thông tin, điều chỉnh các thông tin sai lệch về Tập đoàn trên thị trường, chú trọng xây dựng hình ảnh Tập đoàn vững mạnh tiêu biểu;
- » Rà soát và cải tiến hoạt động QTCT theo các thông lệ tốt trên thị trường;
- » Tăng cường vai trò Kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro tuân thủ, phát huy sức mạnh hợp lực và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành.

Kết quả đạt được

- » Tuân thủ chặt chẽ các Điều luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng trong mọi hoạt động của Công ty;
- » Không có khiếu nại của cổ đông liên quan đến QTCT;
- » Giảm thiểu các rủi ro phát sinh ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hoạt động gắn kết của Tập đoàn với các bên liên quan

Về Sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm

Nỗ lực của Tập đoàn

- » Triển khai Phương án quản lý rừng bền vững;
- » Đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường các giải pháp sản xuất sạch hơn, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tái tạo, thực hành tiết kiệm;
- » Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ để phục vụ cho nhu cầu khách hàng.

Kết quả đạt được

- » 20 thành viên được cấp chứng chỉ QLRBV (VFCS/PEFC-FM) trên 148.000 ha rừng cao su và được cấp chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC cho 56 nhà máy (chế biến cao su thiên nhiên, chế biến gỗ và sản phẩm công nghiệp cao su);
- » 44 đơn vị áp dụng hệ thống quản lý chất lượng môi trường ISO 14001;
- » 62 hệ thống XLNT xử lý đạt cột A QCVN (trong đó, có 07 hệ thống đạt tương đương cột A QCVN do theo tiêu chuẩn của Campuchia);
- » 37 hệ thống quan trắc tự động liên tục cho hệ thống XLNT.
- » 42 công ty đạt ISO 9001:2015; 37 công ty có Phòng Lab đạt ISO/IEC 17025:2015





Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.670.285.917.606	32.904.606.406.685
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	5.778.855.663.194	8.237.433.366.831
111	1. Tiền		3.017.617.559.937	3.524.824.180.222
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.761.238.103.257	4.712.609.186.609
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	13.952.353.795.617	14.208.075.274.017
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.163.634.161	1.163.634.161
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(68.237.000)	(68.237.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		13.951.258.398.456	14.206.979.876.856
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.539.074.723.889	2.448.687.340.505
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	1.548.547.265.059	1.545.717.198.992
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	354.480.392.462	277.167.608.712
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	8.048.249.000	7.748.249.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	916.345.560.357	936.343.131.566
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(355.597.946.855)	(393.693.384.568)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	09	67.251.203.866	75.404.536.803
140	IV. Hàng tồn kho	11	4.351.510.470.326	6.667.948.094.131
141	1. Hàng tồn kho		4.373.924.132.656	6.696.643.361.768
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(22.413.662.330)	(28.695.267.637)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.048.491.264.580	1.342.462.331.201
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	77.300.511.797	58.658.743.138
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		566.535.714.641	583.881.360.428
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	404.655.038.142	699.922.227.635

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2025
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		55.713.396.594.398	53.377.855.084.175
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		607.786.542.911	500.346.800.124
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	06	3.049.584.972	2.857.884.972
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	07	787.511.137.957	764.008.700.083
216	3. Phải thu dài hạn khác	08	214.871.963.977	134.647.684.494
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(397.646.143.995)	(401.167.469.425)
220	II. Tài sản cố định		35.337.155.884.690	35.218.015.322.637
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	35.216.722.037.923	35.103.249.769.220
222	- Nguyên giá		58.319.330.687.217	60.750.581.425.614
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.102.608.649.294)	(25.647.331.656.394)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	975.132.667	826.328.791
225	- Nguyên giá		3.101.449.158	3.101.449.158
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.126.316.491)	(2.275.120.367)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	119.458.714.100	113.939.224.626
228	- Nguyên giá		217.248.371.299	213.028.281.634
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.789.657.199)	(99.089.057.008)
230	III. Bất động sản đầu tư	16	1.286.697.181.872	1.264.547.270.595
231	- Nguyên giá		2.340.289.970.664	2.482.753.187.421
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.053.592.788.792)	(1.218.205.916.826)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: đồng

240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	9.067.120.273.522	7.483.248.569.570
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		195.804.240.940	214.362.850.276
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.871.316.032.582	7.268.885.719.294
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	2.687.592.909.120	2.642.917.975.272
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.258.208.135.808	1.958.492.542.280
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		358.702.878.861	329.068.105.622
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(48.815.534.590)	(37.517.822.411)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		119.497.429.041	392.875.149.781
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.727.043.802.283	6.268.779.145.977
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	6.204.462.521.120	5.871.412.008.061
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	43a	245.690.231.161	300.331.804.167
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		108.625.965.905	97.035.333.749
269	4. Lợi thế thương mại	18	168.265.084.097	190.634.628.239
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		83.383.682.512.004	86.282.461.490.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.986.520.299.896	24.080.878.789.838
310	I. Nợ ngắn hạn		11.594.062.718.132	10.940.794.561.573
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	990.003.522.683	977.560.282.259
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	618.985.484.125	1.210.965.510.966
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	743.202.155.064	704.131.986.762
314	4. Phải trả người lao động		1.952.983.457.523	2.536.461.010.706
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	443.960.994.408	399.203.909.115
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	25	382.656.247.271	607.468.819.494
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	1.108.432.716.478	1.727.143.380.611
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	4.074.933.861.713	1.446.793.217.535
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	26	23.055.160	39.643.876.712
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.278.881.223.707	1.291.422.567.413
330	II. Nợ dài hạn		13.392.457.581.764	13.140.084.228.265
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	21	78.723.068.619	78.781.761.067
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	23	438.988.933.162	253.654.412.736
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	25	9.095.394.159.991	9.775.066.346.651
337	4. Phải trả dài hạn khác	24	173.372.363.096	172.420.876.535
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2.963.853.299.554	1.526.123.400.920
341	6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	43b	4.291.419.969	4.291.419.969
343	7. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		637.834.337.373	1.329.746.010.387

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2025
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	27	58.397.162.212.108	62.201.582.701.022
410	I. Vốn chủ sở hữu		58.343.704.981.056	62.153.706.512.296
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		325.832.755.422	13.706.420.744
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		10.591.031.002	401.346.224.796
415	4. Cổ phiếu quỹ		(959.534.010)	-
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(1.574.186.166.104)	(1.576.214.727.358)
417	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28	1.348.954.014.686	1.734.063.547.194
418	7. Quỹ đầu tư phát triển	27e	6.577.606.883.132	8.581.921.234.139
420	8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		252.909.421	-
421	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.240.538.555.065	7.154.047.020.674
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.251.821.936.583	3.389.655.975.696
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.988.716.618.482	3.764.391.044.978
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		5.415.074.532.442	5.844.836.792.107
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	29	53.457.231.052	47.876.188.726
431	1. Nguồn kinh phí		(33.823.318.791)	(30.220.972.859)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		87.280.549.843	78.097.161.585
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		83.383.682.512.004	78.062.093.620.098

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2025
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31	26.267.016.732.896	29.099.643.438.453
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	32	25.072.618.051	21.587.754.133
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01 - 02)	33	26.241.944.114.845	29.078.055.684.320
11	4. Giá vốn hàng bán	34	19.276.896.067.715	20.425.399.038.398
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 11)		6.965.048.047.130	8.652.656.645.922
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	35	957.207.763.983	1.091.453.680.369
22	7. Chi phí tài chính	36	464.998.442.921	310.672.333.715
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		352.905.202.449	240.727.726.843
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	37	161.885.146.836	303.625.809.919
25	9. Chi phí bán hàng	38	554.280.177.352	477.291.621.028
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	39	2.325.102.410.148	3.209.454.785.461
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (20+21-22+24-25-26)		4.739.759.927.528	6.050.317.396.006
31	12. Thu nhập khác	40	1.378.217.343.266	1.958.882.211.302
32	13. Chi phí khác	41	511.585.831.630	901.544.957.868
40	14. Lợi nhuận khác (31 - 32)		866.631.511.636	1.057.337.253.434
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)		5.606.391.439.164	7.107.654.649.440
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	42	943.200.647.191	1.052.109.584.509
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	43c	(163.475.234.978)	56.984.169.367
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50-51-52)		4.826.666.026.951	5.998.560.895.564
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.988.716.618.482	5.318.551.565.051
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		837.949.408.469	680.009.330.513
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	44	895	1.250

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 ĐVT: đồng				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.606.391.439.164	7.107.654.649.440
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.703.728.428.563	3.102.362.980.207
03	- Các khoản dự phòng		69.045.896.917	152.235.586.544
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(27.096.219.994)	(18.837.987.855)
05	- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.558.921.278.362)	(2.321.500.878.918)
06	- Chi phí lãi vay		352.905.202.449	240.727.726.843
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	496.142.398.953
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.146.053.468.737	8.758.784.475.214
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.162.233.548)	(734.716.793.018)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(985.786.557.745)	(2.331.054.020.202)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.214.983.143.497	3.276.785.589.290
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.574.992.566.751)	(36.021.173.202)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(343.068.707.207)	(274.673.812.663)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(795.928.493.459)	(1.231.204.982.393)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.340.912.360.433	416.189.088.587
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.552.018.855.492)	889.739.096.261
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		433.991.558.465	6.954.349.275.352

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 ĐVT: đồng				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2025
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(596.299.774.505)	(1.157.963.965.157)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		352.338.150.870	1.489.046.460.351
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.160.763.241.581)	(16.070.192.982.628)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác		1.439.382.494.042	15.564.896.221.362
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.885.806.298)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.136.092.729
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		358.920.028.113	1.579.888.107.269
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(617.308.149.359)	1.408.809.933.926
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	62.343.873.206
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		6.577.822.955.117	3.945.720.539.873
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(6.118.940.467.694)	(8.024.442.882.044)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(407.633.808)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(87.895.463.843)	(2.067.404.555.639)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		370.987.023.580	(6.084.190.658.412)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)		187.670.432.686	2.278.968.550.866
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.564.089.010.514	5.778.855.663.194
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		27.096.219.994	179.609.152.771
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)		5.778.855.663.194	8.237.433.366.831



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

Nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025
đã được công bố thông tin tại địa chỉ: <https://vrg.vn/>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 19 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THANH HƯNG



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

028 39 325 234

vrg.vn

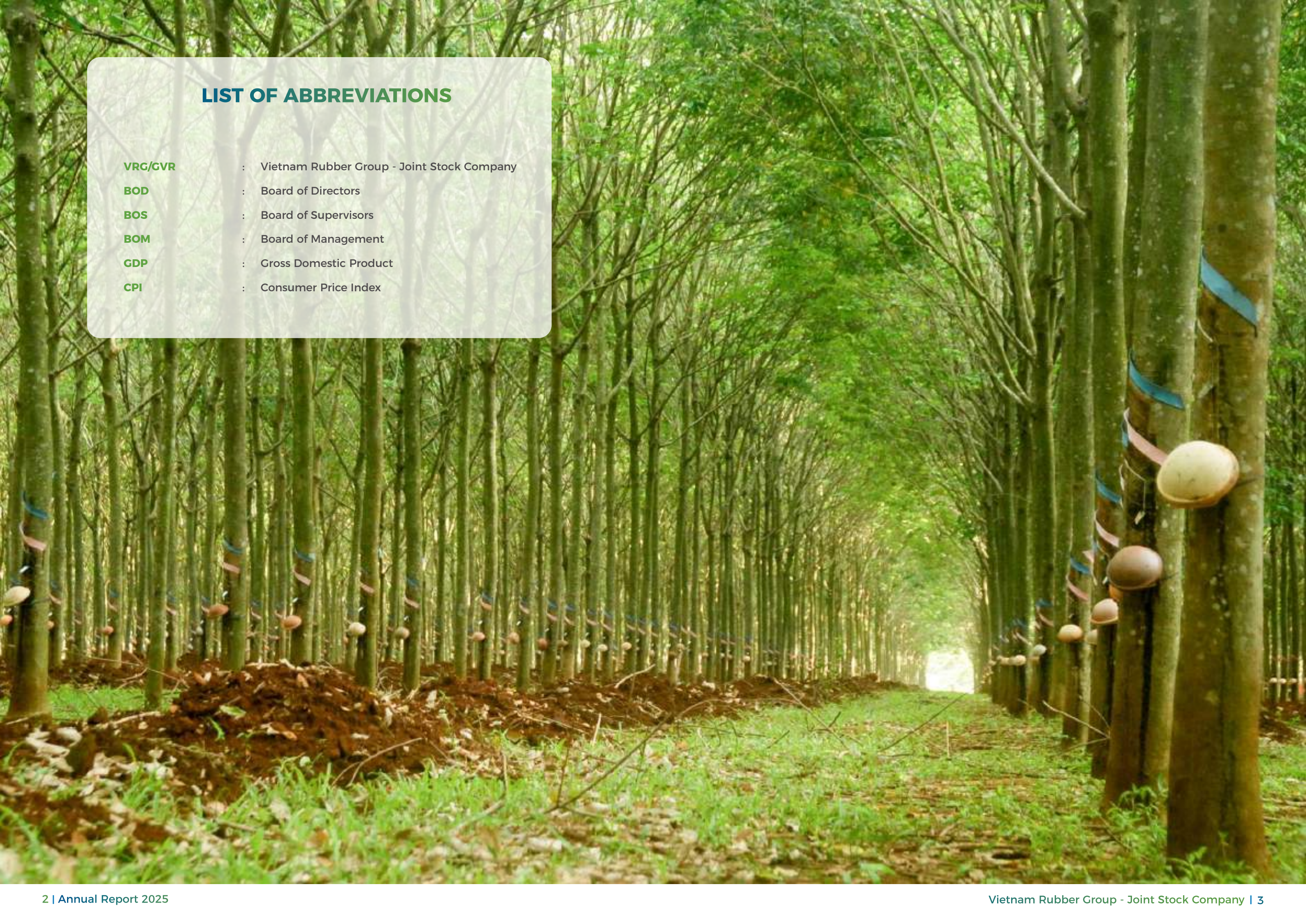


VIETNAM RUBBER GROUP

ANNUAL REPORT 2025



**PIONEERING GREEN GROWTH AND
SUSTAINABLE DEVELOPMENT**



LIST OF ABBREVIATIONS

VRG/GVR	: Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company
BOD	: Board of Directors
BOS	: Board of Supervisors
BOM	: Board of Management
GDP	: Gross Domestic Product
CPI	: Consumer Price Index

TABLE OF CONTENTS

01

GENERAL INFORMATION

Commitment – Vision – Mission – Core Values
Message from the Chairman of the BOD
Highlights of 2025
Notable events in 2025

02

OVERVIEW OF THE GROUP

General information
History of formation and development
Business lines
Business locations
Governance model and organizational structure
List of affiliated units and branches
Development orientation
Personnel information

03

OPERATIONAL PERFORMANCE DURING THE YEAR

Summary of financial information
Personnel and Labor Policy

04

REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Assessment of production and business
performance results in 2025

Financial situation

Improvements achieved in 2025

Report assessing the company's
environmental and social responsibility

05

CORPORATE GOVERNANCE

Assessment of the Board of Directors on the
Company's operational aspects

Assessment of the Board of Directors on the
activities of the Board of Management

Assessment of the activities of Independent
Board of Directors' members

Plans and orientation of the BOD for 2026

Board of Directors

Board of Supervisors

Risk management report

06

SUSTAINABLE DEVELOPMENT REPORT

Sustainable development message

Sustainable Development Goals

Sustainable Development Strategy

Action Plan

07

FINANCIAL STATEMENTS 2025

Audited Financial Statements

01

GENERAL INFORMATION

Commitment – Vision – Mission – Core Values

Message from the Chairman of the BOD

Highlights of 2025

Notable events in 2025



Vision

Satisfy customer requirements to the highest level; always focus on diversifying the rubber product structure according to customer needs; continuously improve product quality in accordance with Vietnamese and international standards; implement professional sales policies and attentive after-sales services; uphold the reputation of the VRG brand. Continuously improve the Management System and production Processes and Standards to ensure the provision of products that are always of high quality, stable, and sustainable. Invest in development and organize production based on the perspective of sustainable development, environmental friendliness, and social responsibility.

Commitment

To be the leading enterprise in the field of agricultural production in terms of efficiency, scale, product quality, high-tech application, and environmental friendliness in Vietnam and the region, and to affirm the brand of Vietnamese products in the world market.

Mission

Provide the domestic and international markets with agricultural, industrial, and service products that are competitively priced, safe for users, environmentally friendly, and socially responsible. Build and develop corporate culture: inheritance, solidarity, harmony of interests, and respect for the law. Build a team of management personnel and employees who are competitive, innovative, and committed to the enterprise.

Core Values

Develop the Group on the foundation of 3 pillars: Economy – Environment – Society; effectively implement green growth and sustainable development programs, and develop with social responsibility.





MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE BOD



The year 2025 is of special significance to Vietnam Rubber Group – Joint Stock Company, as it is the year to accelerate the implementation of the Resolution of the Group’s Party Congress for the 2025 – 2030 term, and also the year to create a foundation for entering the new development phase of 2026 – 2030. The Group’s production and business activities continue to face many difficulties and challenges in the context of a world situation that continues to evolve complexly, with trade competition, fluctuations in commodity prices, input costs, exchange rates, consumption markets, and geopolitical risks still present. However, with the close attention and direction of the Party, the State, central and local ministries, departments, and branches; the companionship and trust of shareholders; along with the spirit of solidarity, proactivity, decisiveness, and responsibility of the Board of Directors, the Board of Management, capital representatives, and all officials and employees, the Group has made efforts to overcome difficulties, promote internal strength, and seize opportunities, thereby achieving positive and comprehensive results.

Total consolidated revenue and other income in 2025 reached 32,431 billion VND, net revenue reached 29,078 billion VND; consolidated profit before tax reached 7,107 billion VND, an increase compared to the 5,606 billion VND level in 2024, significantly exceeding the 2025 profit before tax plan approved by the General Meeting of Shareholders at 5,840 billion VND. This result shows the flexible and effective management efforts of the entire Group in a market context that still has many fluctuations.

The Group continues to affirm its role as a core enterprise of the Vietnamese rubber industry, with a system of member units operating on a wide scale and in diverse business fields, associated with the pillars of: planting, exploiting, processing, and trading rubber; wood processing; industrial park development; energy; services; and other supporting industries. In addition to production and business tasks, the Group continues to fulfill its obligations to the State budget and its responsibilities to local areas, employees, and the community; focusing on social welfare, ensuring employment, income, and stable living conditions for employees, especially in remote, isolated, border areas, and at overseas projects. These results continue to consolidate the foundation for the Group to enter 2026 with a new mindset, new momentum, and new determination.

The Group continues to fulfill its obligations to the State fully and promptly; paying to the budget according to regulations, contributing positively to local revenues; while ensuring the harmony of interests of employees and responsibility to the community; focusing on social welfare, ensuring employment, income, and welfare regimes, contributing to stabilizing the lives of employees, especially in remote, isolated, border areas, and at overseas projects.



MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE BOD

“The year 2026 is a pivotal year starting the 5-year plan for 2026 – 2030, and is a year of great significance in concretizing the Group’s strategic development goals towards green growth, sustainable development, improving the efficiency of land, capital, and resource use, and management capacity; while continuing to affirm the Group’s position in the rubber industry value chain and in the fields of industrial parks and high-tech agriculture. To complete and strive to exceed the 2026 plan targets, the Group needs to focus on synchronously and decisively implementing the following key tasks.”

First, continue to thoroughly grasp and effectively organize the implementation of Resolutions, conclusions, and guidelines of the Party, policies and laws of the State, Resolutions of the General Meeting of Shareholders, Resolutions of the Board of Directors, and the Group’s action programs and plans; ensuring that production, business, and development investment activities are implemented in the right direction, in accordance with regulations, on schedule, and with increasingly improved quality and efficiency.

Second, focus on proactive and flexible management, building scenarios to respond to domestic and international market developments to optimize production and business efficiency in each field, especially the core field of rubber; simultaneously strengthening forecasting capacity, risk management, cost reduction, labor productivity improvement, product quality, and capital utilization efficiency throughout the Group.

Third, effectively implement investment projects, especially projects for industrial parks, industrial clusters, high-tech agriculture, and renewable energy; maximize the advantages of the Group’s land fund and business ecosystem to create new growth momentum in the coming period.

Fourth, promote the application of science and technology, innovation, and digital transformation in management, production, and business; effectively exploit data, automation, artificial intelligence, and new management tools to improve management capacity, transparency, and operational efficiency throughout the Group.

Fifth, continue to restructure the enterprise towards being lean, strong, effective, and efficient; improve the quality of corporate governance, internal control, inspection, supervision, and the responsibility of the heads of each member unit. Continue to care for and develop high-quality human resources; build a team of management personnel, experts, engineers, and skilled workers with political mettle, professional qualifications, practical capacity, and a sense of responsibility; implement good policies for employees, creating a stable, professional, united, and humane working environment.

Sixth, focus on market, customer, and brand development; proactively expand export markets, diversify products, partners, and distribution channels; simultaneously enhance competitiveness and added value of rubber, wood, industrial park products, and related industries.

Seventh, remain steadfast in the goal of green growth and sustainable development associated with social responsibility, environmental protection, and adaptation to climate change; manage and use land, forest, and natural resources effectively; continue to promote the Group’s role in socio-economic development in localities, especially in remote, isolated, border areas, and at projects in Laos and Cambodia.

Eighth, promote the highest spirit of solidarity, discipline, innovation, creativity, and aspiration for development; mobilize the combined strength of the entire political system within the Group to be determined to successfully complete the production, business, and development investment plan tasks for 2026, creating a solid foundation for the entire 2026 – 2030 period.

On behalf of the Group’s Board of Directors, I would like to express my sincere gratitude for the attention, leadership, and direction of central and local agencies; the companionship, trust, and support of shareholders, partners, and customers; along with the efforts, dedication, and responsibility of all officials and employees throughout the Group. I believe that, with the glorious tradition of the Vietnamese rubber industry, with the foundation consolidated over the past years, and with the determination for strong innovation, Vietnam Rubber Group – Joint Stock Company will continue to develop stably and sustainably, improve operational efficiency, and bring increasingly practical value to shareholders, employees, partners, the community, and the Country.

Sincerely./

Chairman of the Board of Directors

TRAN CONG KHA



HIGHLIGHTS OF 2025



Rubber consumption volume

535,286 Tons



Exploitation volume

462,609 Tons



Wood products

1,150,173 m³



Commercial electricity volume

608 Million kWh



Rubber revenue

23,925 Billion VND



Industrial parks in operation

14 Parks



High-tech agriculture

14 Projects



TOP 1

Rubber plantation area and production in Vietnam

TOP 50

Top Listed Company 2025 by Forbes Vietnam

TOP 25

Leading Listed Company Brand 2025

Total consolidated revenue

32,431 Billion VND

Total Consolidated Profit Before Tax

7,107 Billion VND

State Budget Contribution

4,977 Billion VND

Total Workforce

+ 79,000 Employees



01

SUCCESSFUL ORGANIZATION OF THE 10TH CONGRESS OF THE VIETNAM RUBBER GROUP PARTY COMMITTEE, TERM 2025 - 2030

A significant political milestone in 2025 for the Group was the successful organization of the 10th Congress of the Group's Party Committee, term 2025 - 2030, held on July 21-22, 2025. With the motto Solidarity - Democracy - Discipline - Cooperation - Development, the congress was attended by 199/200 delegates. Mr. Ho Duc Phoc, Deputy Prime Minister, attended and directed the Congress. The Congress elected 25 delegates to the 10th Executive Committee for the 2025 - 2030 term. Mr. Tran Cong Kha, Member of the Government Party Committee, Secretary of the Party Committee, and Chairman of the Board of Directors of the Group, continued to hold the position of Secretary of the 10th Party Committee.

The Party Committee of the Group has set out:

9 KEY TASKS

5 DEVELOPMENT BREAKTHROUGHS

The 10th Congress of the Group's Party Committee set out 9 key tasks and 5 development breakthroughs with the mission of affirming the determination to innovate leadership methods, build a clean and comprehensively strong Party Committee, and make breakthroughs in science - technology and digital transformation associated with green growth and sustainable development.



02

THE GROUP EXCEEDED PRODUCTION AND BUSINESS TARGETS, SURPASSING THE GOVERNMENT'S 8% GROWTH TARGET

In 2025, amidst a volatile economic context, the Group exceeded its production and business targets, continuing to affirm its solid position. Core financial indicators all met and exceeded the set plans; the production and business activities of the entire Group achieved results exceeding the plan.

Specifically, consolidated revenue reached 32.431 billion VND, equivalent to 104.47% of the plan and an increase of 12.85% compared to 2024. Consolidated profit before tax reached 7.107 billion VND, 26.7% higher than the previous year. The contribution to the State budget was 4.977 billion VND. The Group continued to take good care of the lives, employment, and income of over 79,000 employees with an average income of 11 million VND/person/month.

The Group ensures the maximum benefit of state owners and shareholders, preparing sufficient resources to pay dividends at a rate of 4% of charter capital, equivalent to 1.548 billion VND.



03

GROUNDBREAKING OF HIEP THANH INDUSTRIAL PARK; INAUGURATION OF DIEN BIEN RUBBER LATEX PROCESSING FACTORY - A PROJECT TO WELCOME THE 14TH NATIONAL PARTY CONGRESS

Hiep Thanh Industrial Park

495.17 Ha
2,350 Billion VND

Billion in investment capital

25,000 m²
60 Billion VND

On December 19, 2025, in Phuoc Thanh commune, Tay Ninh province, the Group coordinated with the People's Committee of Tay Ninh province to solemnly hold the groundbreaking ceremony for the Hiep Thanh Industrial Park infrastructure construction and business investment project - phase 1. This is a typical project to welcome the 14th National Party Congress, demonstrating political determination and concrete action in promoting green and sustainable industrial development. Hiep Thanh Industrial Park - phase 1 has a scale of 495.17 ha, with a total investment of 2.350 billion VND, invested by the Group.

After 7 months of construction, on December 19, 2025, the rubber latex processing factory of Dien Bien Rubber Joint Stock Company - the first rubber factory in Dien Bien province, was completed and put into use in Pa Sang village, Thanh Nua commune. This is one of 3 key projects selected by Dien Bien province for inauguration to welcome the 14th National Party Congress. The rubber latex processing factory started construction on May 22, 2025, with a total investment of 60 billion VND on an area of 25,000m². With a design capacity of 5,000 tons/year (drying oven 2 tons/hour), the factory has full facilities from workshops and finished product warehouses to wastewater treatment systems and technical infrastructure to ensure the production of SVR10 and SVR20 types, meeting the quality standards of the Group's VRG brand and national standards; the products are valuable and environmentally friendly.



04

LAUNCHING OF VRG GREEN BRAND AND PRODUCTS, 13 UNITS HONORED AS VIETNAM SUSTAINABLE ENTERPRISES IN 2025

At the 96th anniversary celebration of the rubber industry tradition on October 28, 2025, the Group officially announced the certification mark and rubber products under the "VRG GREEN" brand - a symbol for green, low-emission, and sustainable products, and also a commitment of the Group to "Quality - Sustainability - Transparency".

The Group honored 2 pioneering units with outstanding achievements in developing low-emission rubber products - Low Carbon rubber - bearing the "VRG GREEN" brand: Phu Rieng Rubber Single-member LLC - the first unit of the Group to produce rubber meeting "VRG GREEN" requirements for two products, VRG SVR 3L and VRG SVR10; Chu Se Kampong Thom Rubber Joint Stock Company - the first unit of the Group in the Cambodia region to produce rubber meeting "VRG GREEN" requirements for the VRG CSR10 product.

In 2025, VRG continued to make its mark when 13 member units were honored in the Top 100 Sustainable Enterprises in Vietnam. In particular, Dong Nai Rubber Corporation was honored in the Top 10 Sustainable Enterprises, being the only representative of VRG to achieve the highest ranking in this year's program.



05

THE GROUP'S GVR STOCK SYMBOL CONTINUES TO BE IN THE LIST OF "50 BEST LISTED COMPANIES" IN VIETNAM, VRG IS AMONG THE "25 LEADING LISTED BRANDS" IN 2025

In 2025, the Group's GVR stock symbol continued to be honored in the list of "50 best listed companies" in Vietnam voted by Forbes Magazine, and this is the second consecutive time the Group has been present in this prestigious ranking. The Group was also voted by Forbes Vietnam Magazine in the list of "25 leading listed brands" in 2025 announced on September 25, 2025, thanks to financial results exceeding the plan, increased market capitalization, along with actively promoting 3 strategic pillars: rubber, industrial parks, and renewable energy.



Top 50

Best Listed Companies in Vietnam, selected by Forbes

Top 25

Leading Listed Brands in 2025



06

THE GROUP PROMOTES DIGITAL TRANSFORMATION, IMPLEMENTS THE "PAPERLESS" CAMPAIGN

Over the past year, the Group has upgraded the electronic office system (eOffice) interface and deployed it widely across the entire Group; sending/receiving documents uniformly on a single document exchange axis. Synchronized the deployment of digital signatures (SmartCA) for employees of the Parent Company - Group and member units starting from April 2025.

Upgraded the Group's website in terms of interface, layout, features, and security to enhance the effectiveness of investment attraction, brand recognition, and to serve the Group's activities. Simultaneously, consolidated the Vietnam Rubber news page with the Group's website for centralized management. Changed the domain name from "rubbergroup.vn" to "vrg.vn" to enhance the Group's VRG brand recognition starting from August 2025.

Organized training and updated knowledge on artificial intelligence (AI) applications for employees of the Parent Company - Group and member units. Deployed and implemented the "Paperless" campaign within the Group with the goal that all documents (except confidential ones) are processed in an electronic environment; meeting documents are not printed on paper and are uploaded to the eCabinet software starting from June 01, 2025.



07

PROMOTING THE REORGANIZATION AND STREAMLINING OF THE ORGANIZATIONAL STRUCTURE, IMPROVING OPERATIONAL EFFECTIVENESS AND

Over the past year, the Group has promoted the reorganization of the organizational structure and operational model at member rubber companies from a 3-level management model (Company – Farm – Production Team) to a 2 level management model (Company – Production Team), associated with restructuring the staff to be suitable in terms of quality and capacity to meet new tasks, operating effectively and efficiently.

The ratio of indirect/direct labor according to the plan is at least 4.58% and at most 8.47%.

4.58%

Lowest indirect/direct labor ratio (as planned)

8.47%

Highest indirect/direct labor ratio (as planned)



08

SIGNING OF MEMORANDUM OF UNDERSTANDING ON RUBBER DEVELOPMENT IN LAO PDR

On December 03, 2025, at the Vietnam – Laos Investment Promotion Conference held in Vientiane within the frame-work of the 48th Meeting of the Laos – Vietnam Intergov-ernmental Committee, VRG leaders attended, spoke, and exchanged a Memorandum of Understanding between VRG and the Lao Ministry of Agriculture and Forestry on cooperating to survey and develop rubber projects in Laos under the witness of Prime Minister Pham Minh Chinh and Lao Prime Minister Sonexay Siphandone.

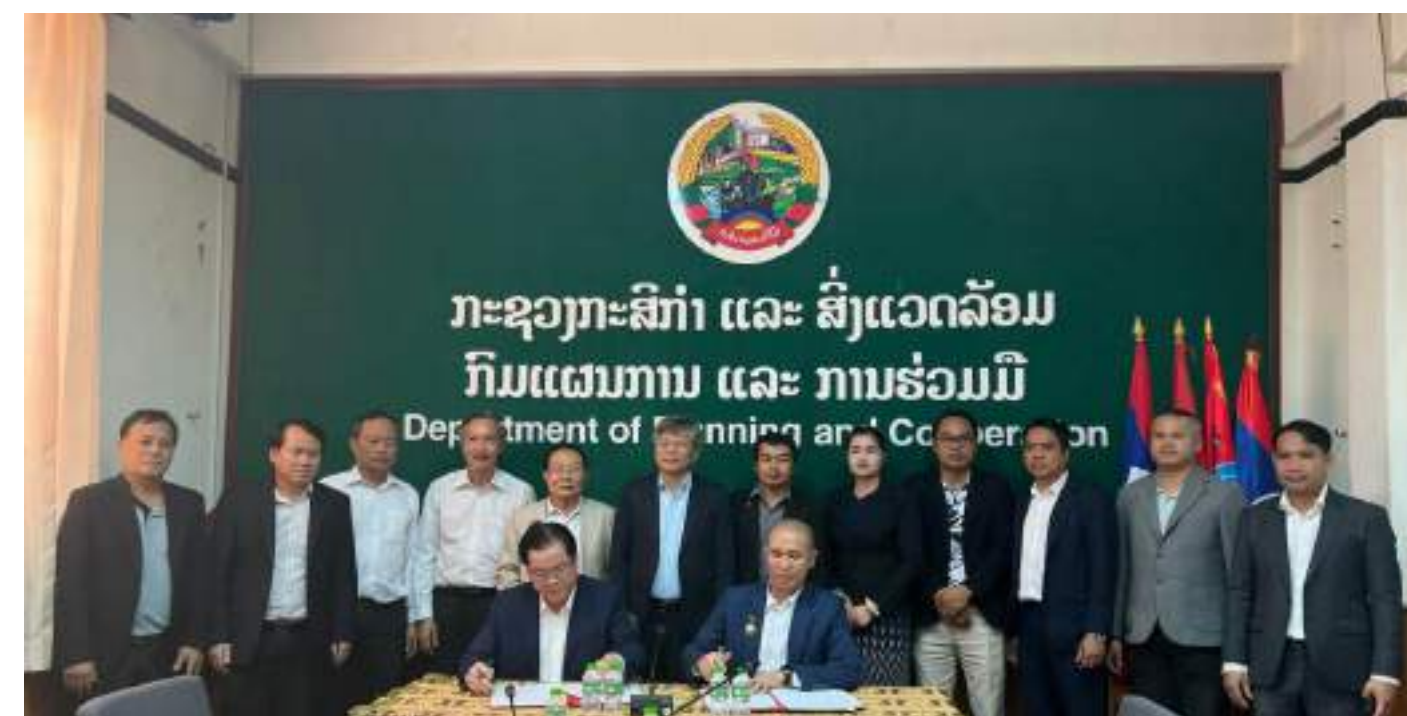
According to the Memorandum of Understanding between VRG and the Lao Ministry of Agriculture and Forestry, represented by the Department of Planning and Cooperation, the two sides will coordinate to survey land funds and study the feasibility of rubber planting projects, construc-tion of rubber latex processing plants, and rubber wood processing plants in 5 provinces.

According to the orientation, VRG aims to develop an additional 50,000-100,000 ha of new rubber, applying advanced, high-yield plant varieties suitable for the climate and soil conditions of Laos, associated with investment in processing to increase added value.

VRG Sets Development Target

50,000 - 100,000

Hectares of new rubber plantations



09

TRANSFER OF STATE CAPITAL OWNERSHIP REPRESENTATION RIGHTS AT THE GROUP FROM THE COMMISSION FOR THE MANAGEMENT OF STATE CAPITAL AT ENTERPRISES TO THE MINISTRY OF FINANCE; TRANSFER OF THE GROUP'S PARTY COMMITTEE FROM THE CENTRAL ENTERPRISES BLOC PARTY COMMITTEE TO BE DIRECTLY UNDER THE GOVERNMENT PARTY COMMITTEE, AND FROM THE GOVERNMENT PARTY COMMITTEE TO BE DIRECTLY UNDER THE MINISTRY OF FINANCE PARTY COMMITTEE.

On February 28, 2025, at the signing ceremony at the Ministry of Finance headquarters, the Government decided to transfer the state capital ownership representation rights at 18 Groups and Corporations, including the Vietnam Rubber Group, from the Commission for the Management of State Capital at Enterprises to the Ministry of Finance for management.

According to Decision No. 243-QĐ/TW dated January 24, 2025, of the Politburo on the establishment of the Government Party Committee directly under the Party Central Committee, the Government Party Committee includes ministerial-level agencies, agencies under the Government, economic groups, and corporations, including the Group's Party Committee.

According to Conclusion No. 208-KL/TW of the Politburo on reorganizing and transferring party organizations under state-owned economic groups, corporations, and commercial banks, on December 15, 2025, the Standing Committee of the Government Party Committee issued Decision No. 73 to transfer the status quo of 22 Party Committees of economic groups, corporations, and state-owned commercial banks under the Government Party Committee to the Ministry of Finance Party Committee, including the Group's Party Committee.



10

SUCCESSFUL ORGANIZATION OF THE 10TH VIETNAM RUBBER TRADE UNION CONGRESS, TERM 2025 - 2030; 9TH GROUP YOUTH UNION CONGRESS, TERM 2025 - 2030

The 10th Vietnam Rubber Trade Union Congress, term 02025 - 2030, was held over 2 days, December 30-31, 2025. The Congress elected an Executive Committee consisting of 24 members. Ms. Huynh Thi Cam Hong was trusted to serve as President of the Vietnam Rubber Trade Union for the 10th term, 2025 - 2030.

On October 21, 2025, the Group Youth Union organized the 9th Congress, term 2025 - 2030. The Congress elected the 9th VRG Youth Union Executive Committee consisting of 15 members, in which Mr. Nguyen Minh Thong was re-elected as Secretary, and Ms. Tran Huynh Ngoc Cam was elected as Deputy Secretary of the VRG Youth Union for the 2025 - 2030 term.



OVERVIEW OF THE GROUP

General information

History of formation and development

Business lines

Business locations

Governance model and organizational structure

List of affiliated units and branches

Development orientation

Personnel information



Representatives of State capital at the Group

Currently 6 people; including the Chairman of the Board of Directors of the Group as the Representative in charge of the group of representatives, and 05 Member of the Board of Directors.

No.	Name	Number of shares	Percentage	Note
1	TRAN CONG KHA	1,032,224,751	25.8056%	Chairman of the BOD
2	LE THANH HUNG	774,168,564	19.3542%	Member of the BOD and General Director
3	HA VAN KHUONG	516,112,376	12.9028%	Member of the BOD
4	DO HUU PHUOC	516,112,376	12.9028%	Member of the BOD and Permanent Deputy General Director
5	TRUONG MINH TRUNG	516,112,376	12.9028%	Member of the BOD and Deputy General Director
6	HUYNH THI CAM HONG	516,112,376	12.9028%	Member of the BOD

Management and Executive apparatus

- The Board of Directors has 08 members; including 06 members representing State capital and 02 members not representing capital who are independent Member of the Board of Directors.
- The Board of Management consists of 01 General Director and 06 Deputy General Directors.
- Board of Supervisors: has 03 members (including 01 full-time supervisor and 02 part-time supervisors).
- Assisting apparatus: The Administration and General Advisory Board under the Board of Directors, 13 professional departments and agencies including: Group Office, Organization and Personnel Department; Legal and Inspection Department; Finance and Accounting Department; Investment and Construction Management Department; Industrial Department; Market and Business Department; Technical Management Department; Industrial Park Development and Management Department; Party Committee Organization Department, Party Committee Office, Party Committee Propaganda Department, and Party Committee Inspection Commission Agency.
- Representative Offices in: Hanoi, Cambodia, Laos

Deputy Prime Minister Nguyen Hoa Binh and the delegation took a commemorative photo with VRG leadership during their working visit to VRG on February 27, 2026.



TRADING NAME

VIET NAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY

ABBREVIATION

VRG

STOCK SYMBOL

GVR

ENGLISH NAME

VIETNAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY

CHARTER CAPITAL

40,000,000,000,000 VND

OWNER’S EQUITY

62,201,582,701,022 VND

ADDRESS

236 Nam Ky Khoi Nghia Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

WEBSITE

vrg.vn

PHONE NUMBER

(028) 39 325 234

LOGO



Stock Information

Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company (GVR) was listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (“HOSE”), Vietnam on July 31, 2020.

Stock symbol: GVR

Fiscal year ends on: 31/12

Independent auditor: AASC Auditing Firm Co., Ltd.

Charter capital of the company

40,000 Billion VND

Number of listed shares

4,000,000,000 Shares

Par value

10,000 VND/share

Type of share

COMMON SHARE

Number of treasury shares

0 Share

Market capitalization
(as of December 31, 2025)

104,800 Billion VND

Shareholder structure (14/11/2025)

No.	Subject	Number of shareholders	Number of shares	Value (VND)	Ownership percentage/ Charter Capital (%)
I	Domestic shareholders	22,230	3,982,759,541	39,827,595,410,000	99.57%
1	State shareholders	1	3,870,842,819	38,708,428,190,000	96.77%
2	Institutional shareholders	63	21,009,377	210,093,770,000	0.53%
3	Individual shareholders	22,166	90,907,345	909,073,450,000	2.27%
II	Foreign shareholders	216	17,240,459	172,404,590,000	0.43%
1	Individuals	184	1,156,392	11,563,920,000	0.03%
2	Organizations	32	16,084,067	160,840,670,000	0.40%
	TỔNG CỘNG	22,446	4,000,000,000	40,000,000,000,000	100%

List of Major Shareholders

No.	Type of shareholder	Number of shares (shares)	Ownership percentage/ Charter Capital (%)
1	Ministry of Finance	3,870,842,819	96.77%





HISTORY OF FORMATION AND DEVELOPMENT

JOURNEY **45** years VALUE CREATION

➤ 1980

Predecessor was the Southern Rubber Board, in April 1975 it became the General Department of Rubber under the Provisional Revolutionary Government of the Republic of South Vietnam.

➤ 1989

In 1989, it became the Rubber General Corporation under the Ministry of Agriculture and Food Industry.

➤ 2010

Transformed into a One-Member Limited Liability Company owned by the State.

➤ 2017

On December 26, 2017, the Prime Minister approved the equitization plan for the Vietnam Rubber Group.

➤ 1975

Predecessor was the Southern Rubber Board, in April 1975 it became the General Department of Rubber under the Provisional Revolutionary Government of the Republic of South Vietnam.

➤ 1995

It was a special-class State-owned General Corporation according to Decision 91/TTg.

➤ 2018

On May 22, 2018, the first General Meeting of Shareholders was held, and it has operated under the Joint Stock Company model since June 01, 2018. The Vietnam Rubber Group is under the Commission for the Management of State Capital at Enterprises

➤ 1977

In July 1977, it became the Vietnam Rubber General Corporation under the Ministry of Agriculture

➤ 2006

The Government decided to establish the Vietnam Rubber Group.

➤ 2021

On December 17, 2021, the Group held a conference to hand over the equitized enterprise to a joint stock company for the Parent Company - Group along with 20 one-member limited liability companies and 4 non-business units.



2025

The Vietnam Rubber Group is under the
Ministry of Finance.

BUSINESS LINES



PLANTING, EXPLOITING, PROCESSING, AND TRADING RUBBER

The Vietnam Rubber Group currently manages over 377,797 ha of rubber in Vietnam, Laos, and Cambodia, with dozens of member units and over 96 years of formation and development. Thanks to its large scale and highly qualified technical team, the Group plays the role of a core enterprise, leading the rubber industry in Vietnam and the region. Production activities are organized in a closed chain from planting, tending, and exploiting to processing, ensuring stable natural rubber quality that meets international

standards. The factory system is synchronously and modernly invested, and effective management capacity helps the Group serve major markets such as the EU, the US, Japan, South Korea, and China well.

The Group currently has 44 member units owning processing plants, with a total of 60 rubber latex processing plants and workshops equipped with advanced machinery and equipment, reaching a total design capacity of 661,900 tons/year. In particular, 20 member companies have been granted sustainable forest certificates according to the VFCS/PEFC-FM system for over 148,000 ha of rubber forest, and 56 factories have been granted PEFC-CoC chain of custody certificates. To meet global sustainable development requirements, the Group is implementing a traceability system to comply with the EU Deforestation-free Regulation (EUDR), ensuring transparency in the supply chain; currently, 39 member companies with an area of 305,215 ha of rubber forest have adapted to EUDR regulations.

In parallel with the goal of economic growth, the Group is oriented to develop according to a green growth strategy that is environmentally friendly and promotes the application of advanced farming technology. With strong potential and brand reputation, the Group is ready to expand cooperation with partners in the global value chain, contributing to promoting the sustainable development of the international rubber industry.



HIGH-TECH APPLIED AGRICULTURE

The Vietnam Rubber Group is oriented to develop the field of high-tech applied agriculture as a strategic direction, focusing on key crops including bananas, pineapples, medicinal plants, and other high-economic-value agricultural products. Projects are planned and implemented according to a modern farm model, linked to stable and sustainable consumption markets. In farming activities, the Group promotes the application of digital technology, automation, GIS, and IoT systems along with management

processes according to international standards, throughout the stages from production, preliminary processing, and packaging to export. The Group's agricultural products aim to meet the strict standards of major markets such as the US, the EU, Japan, and South Korea, in line with global consumption trends.

With a green, sustainable, and international integration development orientation, the Group continues to affirm its pioneering role in the field of high-tech agriculture, while proactively calling for investment cooperation and value chain linkage to jointly develop high-quality, environmentally friendly agricultural products and create a foundation for long-term sustainable growth.

TOTAL RUBBER PLANTATION AREA (31/12/2025)

 Total area of the entire Group: **377,797 ha**



CLEAN ENERGY AND RENEWABLE ENERGY

With a large land fund under management, the Group has many favorable conditions to develop clean energy and renewable energy sources such as solar power, wind power, and pumped-storage hydropower. Currently, the Group owns and manages 05 hydropower companies, including Geruco Song Con Hydropower Joint Stock Company, VRG Phu Yen, VRG Bao Loc, VRG Dak Nong, and VRG Ngoc Linh, with a total installed capacity of 134 MW and an annual electricity output of approximately 514 million kWh. The operations of these hydropower units have been contributing positively to business efficiency as well as the implementation of the Group's sustainable development strategy.



RUBBER INDUSTRY

Taking advantage of available raw material sources, the Group focuses on promoting research, development, and production of rubber industrial products to increase value and improve production chain efficiency. The Group's portfolio of rubber industrial products is currently quite diverse, including VRG-branded tires, rubber mattresses and pillows, medical gloves, sports balls, rubber threads, and rubber conveyor belts. These products have been gradually affirming their reputation in the market and are trusted by domestic and international customers.

In parallel, the Group continues to promote cooperation in producing deeply processed products to increase added value and competitiveness. Currently, the Group has 5 member companies producing rubber industrial products, including: Ben Thanh Rubber JSC, VRG Khai Hoan JSC, Geru Star Sports JSC, SADO Rubber Thread JSC, and Dong Phu Rubber Technical JSC. Typical products include VRG-branded tires, DORUFOAM rubber mattresses and pillows, Khai Hoan medical gloves (Vglove), Geru Star sports balls, SADO rubber threads, and Ben Thanh rubber conveyor belt lines.

Regarding tire products specifically, the Group focuses on brand development before investing in manufacturing plants. Currently, the Group has developed truck tire products under the VRG brand, meeting the Japanese JIS D4230 standard and the national standard TCVN 7533:2005. During the 2018–2025 period, the Group produced and sold 5,800 sets of truck tires (8.25-16 and 9.00-20 models). Through usage, the products have been highly rated by customers for their quality, road grip, wear resistance, load-bearing capacity, and reasonable price.

However, the production of rubber industrial products continues to face many difficulties due to rising raw material and fuel prices and increasingly fierce market competition. In 2025, revenue from the rubber industrial products segment is estimated to reach over 920 billion VND.



WOOD PROCESSING SECTOR

The wood processing sector is one of the Group's strengths, supported by a large and sustainable source of raw material forests. Currently, the Group has 16 member companies and 18 manufacturing plants with a total output of approximately 1.2 million m³/year. Of this, the output of MDF fiberboard reached 1,077,000 m³, accounting for approximately 35% of the total annual MDF production in the country.

In the coming time, VRG intends to continue expanding the capacity of existing wood processing plants, while investing in new projects and developing product lines suitable for the advantages of the raw material region as well as market demand.



INDUSTRIAL PARK INFRASTRUCTURE INVESTMENT SECTOR

Besides its role as a leading Group in the rubber sector, VRG is also a reputable investor, developer, and operator of Industrial Parks in Vietnam. With a strategic vision and many years of experience, the Group has been contributing to the formation of modern, synchronous Industrial Parks, effectively attracting domestic and foreign investment capital, thereby promoting socio-economic development in a sustainable direction. Currently, VRG is managing and operating 14 Industrial Parks with a total area of over 4,200 ha, attracting more than 820 investors and creating jobs for approximately 260,000 employees. At the same time, the Group is investing in 5 additional Industrial Parks that have been approved by the Government, raising the total number of Industrial Parks to 19 with an area of nearly 6,300 ha; there is currently a land bank ready for investment of approximately 1,600 ha of industrial land and 125 ha of service land in localities with dynamically developing industrial economies such as Ho Chi Minh City, Dong Nai, Tay Ninh, Gia Lai, and Hai Phong City.

VRG's Industrial Parks are mainly located in key economic regions in the South, invested with synchronous and modern technical infrastructure, conveniently connected to arterial traffic routes, seaports, and airports. In addition, the Group provides a comprehensive system of support services, including ready-built factories, warehouses, and related utilities along with a professional management team, meeting the diverse needs of investors. Thanks to these advantages, VRG's Industrial Parks have attracted hundreds of domestic and foreign enterprises operating in many fields such as wood processing, mechanics, construction material production, telecommunications, electronics, high technology, and supporting industries.

Promoting the existing foundation and long-term development orientation, VRG continues to affirm its role as one of the leading Industrial Park developers, accompanying enterprises in the process of building green – circular Industrial Parks, promoting the application of advanced technology, and linking with renewable energy development, contributing to creating a sustainable development space.

01 **Representative office in Hanoi**

Address: 56 Nguyen Du, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam

Tel: (84-24) 39 427 091

Email: vphn@vrg.vn

02 **Representative office in Cambodia**

Address: No. 7B, Street 466, Tonle Basac Ward, Chamkarmon District, Phnom Penh, Cambodia

Điện thoại: +855 977 527 776

Email: vpcampuchia@vrg.vn

03 **Representative office in Laos**

Address: Hongke Village, Saysettha District, Vientiane Capital, Laos

Tel: +8562099666668

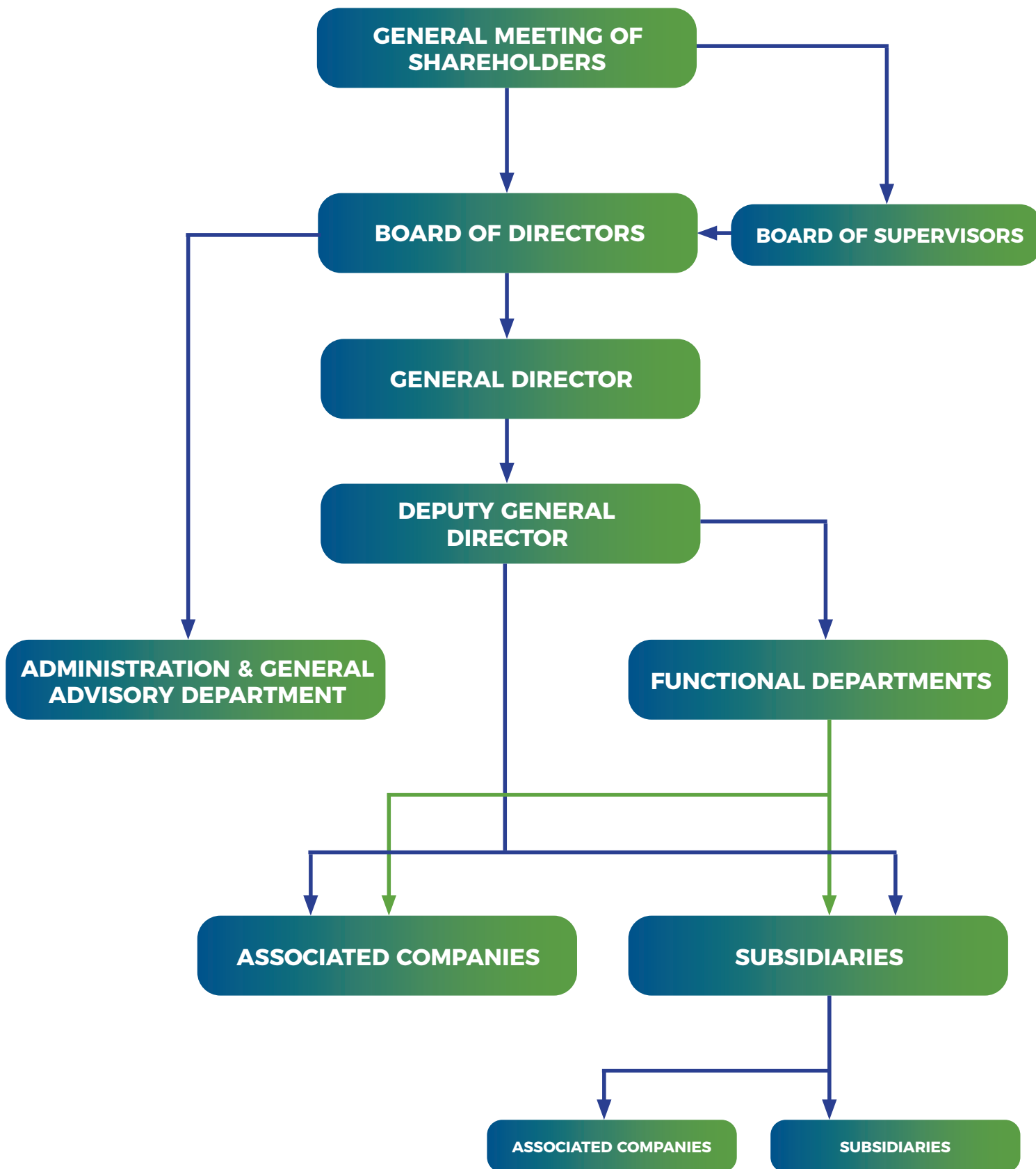
Email: vp Lao@vrg.vn





GOVERNANCE MODEL AND ORGANIZATIONAL STRUCTURE

Governance model



Direct reporting line

Indirect reporting line

RELATED COMPANIES

The Group currently manages 136 companies (including 120 subsidiaries and 16 associates).

Locations of member units





LIST OF AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

As of December 31, 2025

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
SUBSIDIARIES				
1	Dong Nai Rubber Corporation Co., Ltd	No. 47, Street No. 1, Group 3, Trung Tam quarter, Xuan Lap ward, Dong Nai province	Planting, exploiting, processing and trading natural rubber latex	100.00%
2	Binh Long Rubber Co., Ltd	National Highway 13, Chon Thanh ward, Dong Nai province	Planting, exploiting, processing, trading of latex and providing services for rubber development	100.00%
3	Dau Tieng Rubber Co., Ltd	Dau Tieng commune, Ho Chi Minh City	Planting, tending and exploiting natural rubber. Afforestation, exploitation and processing of forestry, industrial and agricultural crops	100.00%
4	Loc Ninh Rubber Co., Ltd	Loc Ninh commune, Dong Nai Province	Planting, tending, exploiting, processing and consuming rubber products. Afforestation and forest product exploitation	100.00%
5	Phu Rieng Rubber Co., Ltd	Phu Rieng commune, Dong Nai Province	Planting, tending, exploiting, processing and trading rubber for import and export	100.00%
6	Krong Buk Rubber Co., Ltd	"Krong Nang commune, Dak Lak province"	Planting rubber trees, coffee trees and short-term agricultural crops. Trading and importing/exporting rubber, supplies and equipment for the rubber industry; coffee, agricultural products and foodstuffs	100.00%
7	Ea H'Leo Rubber Co., Ltd	No. 499 Giai Phong street, Ea Drang commune, Dak Lak province	Planting, tending, exploiting, processing and trading natural rubber latex	100.00%
8	Chu Prong Rubber Co., Ltd	Chu Prong commune, Gia Lai province	Planting, exploiting, processing and consuming rubber and coffee; production and processing of wood. Chemical, fertilizer and rubber industries. Exploitation and processing of minerals. wholesale trading	100.00%
9	Chu Se Rubber Co., Ltd	No. 420 Hung Vuong street, Chu Se commune, Gia Lai province	Cultivation; chemical, fertilizer and rubber industries. Wholesale trading land reclamation and plantation development	100.00%

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
10	Kon Tum Rubber Co., Ltd	No. 639 Phan Dinh Phung street, Dak Cam ward, Quang Ngai province	Replanting, exploiting, tending and processing of rubber latex	100.00%
11	Mang Yang Rubber Co., Ltd	No. 536 Nguyen Hue street, Dak Doa commune, Gia Lai province	Wholesale trading of rubber. Cultivation, mixed farming and rubber plantation. Production of fertilizers and nitrogen compounds. Wholesale trading of fertilizers, pesticides and other agricultural chemicals	100.00%
12	Chu Pah Rubber Co., Ltd	No. 01 Nguyen Thi Minh Khai street, Chu Pah commune, Gia Lai province	New planting, tending, exploiting and processing of rubber latex, coffee and pepper. Production of finished wood products. Production of fertilizers. Wholesale trading and direct export activities	100.00%
13	Quang Nam Rubber Co., Ltd	National Highway 1A, Thang Binh commune, Da Nang city	Investment in planting and tending rubber trees; Construction of civil works, construction of rural and mountainous infrastructure	100.00%
14	Nam Giang - Quang Nam Rubber Co., Ltd	Thanh My II village, Thanh My commune, Da Nang city	Investment in planting, tending, exploiting, processing of raw rubber and consumption of rubber products; Planting of economic forests and raw material forests; Hotel services	100.00%
15	Ha Tinh Rubber Co., Ltd	Km22, National Highway 15A, Ha Linh commune, Ha Tinh province	Planting, protecting and enriching forests; Exploiting, processing and consuming forest products; Exporting finished rubber products; Production of bricks and tiles	100.00%
16	Huong Khe - Ha Tinh Rubber Co., Ltd	Hamlet 12, Huong Khe commune, Ha Tinh province	Planting and tending, exploiting, processing, exporting rubber products	100.00%
17	Thanh Hoa Rubber Co., Ltd	No. 135 Ly Nam De street, Hac Thanh ward, Thanh Hoa province	Investment in planting, tending, exploiting, processing of raw rubber and consumption of rubber products	100.00%
18	Quang Tri Rubber Co., Ltd	No. 264 Hung Vuong street, Nam Dong Ha ward, Quang Tri province	Replanting, tending, exploiting, processing and trading of natural rubber latex	100.00%
19	Binh Thuan Rubber Co., Ltd	Duc Tai town, Hoai Duc commune, Lam Dong province	Replanting, tending, exploiting and processing of rubber latex	100.00%



LIST OF AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
20	Quang Ngai Rubber Co., Ltd	Dong Son commune, Quang Ngai province	Investment in planting, tending, exploiting, processing of raw rubber and consumption of rubber products	100.00%
21	Rubber Research Institute of Vietnam	No. 236 Nam Ky Khoi Nghia street, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh City	Research, training and transfer of scientific and technological advances in the fields of agriculture and natural rubber industry	100.00%
22	Rubber Medical Center	No. 410 Truong Chinh street, Tan Binh ward, Ho Chi Minh City	Medical examination and treatment, periodic health check-ups for workers in the rubber industry and other industries	100.00%
23	Vietnam Rubber Magazine	No. 236 Nam Ky Khoi Nghia street, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh City	Journalism and printing	100.00%
24	Mien Dong College	No. 1428 Phu Rieng Do street, Binh Phuoc ward, Dong Nai province	Training, scientific research and technology transfer in the rubber industry	100.00%
25	Geruco Song Con Hydro Power JSC	Ngat hamlet, Song Kon commune, Da Nang city	Investment in construction, operation management and production of electricity; Construction of civil works, irrigation works, hydropower plants, transportation infrastructure, airports, seaports, bridges, culverts and infrastructure works for urban areas and industrial zones	77.25%
26	VRG - Bao Loc JSC	No. 263 Hoang Van Thu street, Ward 1, Bao Loc city, Lam Dong province	Production and business of hydropower; Construction of industrial works, transportation infrastructure, irrigation works and hydropower plants	80.93%
27	VRG - Dak Nong JSC	Residential Group 10, Mac Thi Buoi Street, Bac Gia Nghia ward, Lam Dong province	Investment in construction, operation management and trading of electricity from hydropower plants; Investment in planting, tending, exploiting and processing rubber, other industrial crops and afforestation	91.34%
28	Rubber Industry and Import - Export JSC	No. 64 Truong Dinh street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	Manufacturing of products from rubber trees. Processing, manufacturing and trading of sports paper for export. Trading rubber and rubber products	83.50%

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
29	Hong Phuc Trading and Real Estate Co.,Ltd	50 – 52 Vo Van Tan, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh city	Manufacture and trading of rubber products; technical rubber products.	83.50%
30	Dong Hoa Wood Processing One Member Co., Ltd	502A Ly Thuong Kiet, Thong Nhat 1 quarter, Di An ward, Ho Chi Minh city	Sawing, planing and preserving of wood. Details: Processing of rubber trees and other planted forest trees	83.50%
31	Geru Star Sport JSC	No. 1/1 Tan Ky Tan Quy street, Tay Thanh ward, Ho Chi Minh City	Specializing in the production and trading of sports equipment; Trading rubber; Importing materials and supplies for manufacturing sports equipment.	83.08%
32	MDF VRG - Quang Tri Wood JSC	Nam Dong Ha Industrial Park, Nam Dong Ha ward, Quang Tri province	Production and business of importing and exporting MDF and Okal artificial wood; Planting, trading and exploiting raw materials for the production of MDF wood, paper and other industrial plants.	97.31%
33	Phuoc Hoa Rubber JSC	Hamlet 2A, Phuoc Hoa commune, Ho Chi Minh City	Planting rubber trees; Exploiting and processing rubber latex; Purchasing raw latex; Retail trading of petroleum; Trading and processing rubber wood	66.62%
34	Viet Lao Rubber JSC	No. 207 Nguyen Van Troi street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City	Trading of rubber raw materials (not conducted at the head office).	89.29%
35	Viet Lao Rubber JSC	Km6, Houei Nhang Kham village, Pakse city, Champasak province, Laos	Land clearing, afforestation, cultivation, tending, harvesting and processing of natural rubber latex.	89.29%
36	Hoa Binh Rubber JSC	Hamlet 7, Hoa Hoi commune, Ho Chi Minh City	Planting, tending, exploiting and preliminary processing of natural rubber	55.06%
37	Hang Gon Rubber Joint Stock Company	Hang Gon ward, Dong Nai province	Purchasing, preliminary processing of rubber latex; Wholesale of processed natural rubber latex; Trading rubber products and chemicals used in rubber production	50.00%
38	Quasa Geruco JSC	D21, Southeast Asia Trade Center, Lao Bao commune, Quang Tri province	Planting, tending, exploiting and processing rubber and raw material forests	98.99%



LIST OF AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
39	Quasa Geruco Joint Stock Company Limited	Ban Vam Hong Kham village, Phine district, Savannakhet province, Laos	Planting, tending, exploiting and processing rubber and raw material forests	98.99%
40	Rubber Trading and Tourism Services JSC	Hoa Binh Avenue, Mong Cai ward, Quang Ninh province	Trading in rubber and agricultural, forestry, aquatic products; Executing hotel and tourism complex construction projects; Trading international and domestic travel services	96.49%
41	Nam Tan Uyen Joint Stock Corporation	Tan Hiep ward, Ho Chi Minh City	Real estate business, ownership, use, or lease of land rights	42.30%
42	Thuan An Wood Processing JSC	Binh Duong Boulevard, Thuan Giao ward, Ho Chi Minh City	Producing other wood products; manufacturing products from bamboo, rattan, straw and plaiting materials; trading rubber latex	63.15%
43	Dau Tieng Woodwork JSC	Quarter 3, Dau Tieng commune, Ho Chi Minh City	Exploiting, processing wood and manufacturing products such as cabinets, tables, chairs, beds, household items and interior decoration products	61.00%
44	Hung Yen Hospitality services JSC	No. 611 Phan Dinh Phung street, Dak Cam ward, Quang Ngai province	Tourism, services, driver training and testing	98.41%
45	Rubber Engineering JSC	No. 12 HT25 street, Quarter 2, Tan Thoi Hiep ward, Ho Chi Minh City	Specializing in manufacturing and processing machines for rubber latex	92.05%
46	Dong Phu Rubber JSC	Thuan Loi commune, Dong Nai province	Cultivation, processing of agricultural and forestry products; livestock farming; Chemical fertilizer and rubber industry	55.24%
47	Tay Ninh Rubber JSC	National Highway 22B, Phuoc Thanh commune, Tay Ninh province	Planting, tending, exploiting, processing and consuming natural rubber	60.00%
48	Son La Rubber JSC	Group 11, To Hieu ward, Dien Bien Province	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	99.36%

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
49	Dien Bien Rubber JSC	Team 19, Thanh Nua commune, Dien Bien province	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
50	Lai Chau Rubber JSC	Group 5, Doan Ket ward, Lai Chau province	Planting rubber trees and preliminary processing of rubber latex; Services supporting the new planting of pepper trees; Afforestation; fertilizer distribution agents; Trading and importing/exporting activities	98.32%
51	Sa Thay Rubber JSC	No. 308E Phan Dinh Phung street, Dak Cam ward, Quang Ngai province	Planting and tending rubber trees	95.36%
52	Nghe An Rubber Investment and Development JSC	No. 17 Phan Dang Luu street, Truong Vinh ward, Nghe An province	Planting rubber trees: planting, tending, exploiting and processing pure rubber; Afforestation and forest care	93.03%
53	Tan Bien Kampongthom Rubber JSC	Group 8, Thanh Phu hamlet, Tan Hiep commune, Tay Ninh province	Planting and tending rubber trees	99.07%
54	Tan Bien Kampong Thom Rubber Development Co., Ltd	Santuk district, Kampong Thom province, Kingdom of Cambodia	Cultivation, tending, harvesting, processing and trading of natural rubber	99.07%
55	Mekong Rubber One Member Co.,Ltd	Group 8, Thanh Phu hamlet, Tan Hoi commune, Tay Ninh province	Trading of natural rubber latex	99.07%
56	Mekong Rubber Co., Ltd	Kroyer commune, Prasat Balang district, Kampong Thom province, Kingdom of Cambodia	Cultivation, tending, harvesting, processing and trading of natural rubber	99.07%
57	Ba Ria Rubber JSC	Duc Trung hamlet, Ngai Giao commune, Ho Chi Minh City	Planting, tending, exploiting, processing and trading natural rubber latex; Hotel and tourism services	97.47%
58	Phu Rieng Kratie Rubber JSC	Phu Nguyen hamlet, Phu Rieng commune, Dong Nai province	Production of other rubber products; Afforestation and forest care; Planting rubber trees	70.00%



LIST OF AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
59	VRG Phu Yen JSC	Lot 01-11, Hung Vuong new quarter, Hung Vuong street, Tuy Hoa ward, Dak Lak province	Investment in construction, operation management and trading of electricity from hydropower plants; Investment in planting, exploiting and processing rubber	94.70%
60	Tan Bien Rubber JSC	Group 2, Thanh Phu hamlet, Tan Hoi commune, Tay Ninh province	Cultivation, chemical fertilizer and rubber industry; Production and trading of materials and tools for agricultural production	98.46%
61	Dau Giay Industrial Zone JSC	Km2, Provincial Road 769, Dau Giay commune, Dong Nai province	Real estate business, ownership, use or lease of land rights	71.04%
62	Long Khanh Industrial Zone JSC	Long Khanh Industrial Park, Binh Loc ward, Dong Nai province	Real estate business, investment in construction and operation of industrial park infrastructure	75.68%
63	Ha Giang Rubber JSC	Group 4, Cluster 9, Bac Quang commune, Tuyen Quang province	Planting, tending, exploiting and processing rubber tree latex; Services supporting new planting; Livestock farming; Afforestation and forest care; wood processing; agents for purchasing and collecting rubber latex	100.00%
64	Truong Phat Rubber JSC	Hamlet 1, Chanh Phu Hoa ward, Ho Chi Minh City	Wood processing; trading rubber latex	55.09%
65	Dong Phu Kratie JSC	Thuan Phu I hamlet, Thuan Loi commune, Dong Nai province	Trading of natural rubber latex	62.20%
66	Dong Phu Kratie Rubber Development Co. Ltd	Kratie district, Kratie province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber	62.20%
67	Dong Nai Kratie JSC	Trung Tam hamlet, Xuan Lap ward, Dong Nai province	Planting, exploiting and processing rubber and agricultural crops; production and trading of agricultural supplies	88.73%

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
68	Dong Nai Kratie Rubber Development Co., Ltd	Kratie district, Kratie province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber	88.73%
69	VRG Ngoc Linh Hydropower JSC	Dak Pek commune, Quang Ngai province	Generation, transmission and distribution of electricity	77.46%
70	Dong Phu Technical Rubber JSC	Dong Phu commune, Dong Nai province	Processing technical rubber and rubber products for domestic use; Business trading, import and export of rubber, supplies, fertilizers and chemicals	41.13%
71	Bao Lam Rubber JSC	Bao Lam 5 commune, Lam Dong province	Planting, exploiting and processing natural rubber; management, protection, planting of forests and exploitation and processing of forest products	93.83%
72	An Dien Industry JSC	Rach Bap Industrial Park, D1 street, Long Nguyen ward, Ho Chi Minh City	Real estate business, ownership, use, or lease of land use rights	92.67%
73	VRG Kien Giang MDF Wood JSC	Lot M, Street No. 1, Thanh Loc Industrial Park, Thanh Hung commune, An Giang province	Production of plywood, veneer, other laminated wood and other types of wood; Afforestation and forest care	99.82%
74	Phu Thinh Investment Construction Rubber JSC	Phu Rieng commune, Dong Nai province	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex; wood processing	87.65%
75	Tay Ninh Import - Export and Processing Furniture JSC	Ben Muong hamlet, Thanh Duc commune, Tay Ninh province	Sawing, slicing and planing wood; Wood exploitation; Production of plywood, veneer and other laminated wood products	50.67%
76	Dautieng Rubber Mechanical Transport JSC	Quarter 4A, Dau Tieng commune, Ho Chi Minh City	Freight transportation services by road; Machinery and equipment repair for production; Repair of machinery and transport equipment (excluding the design of road vehicles)	65.39%
77	Lai Chau II Rubber JSC	Bum To commune, Lai Chau province	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	99.80%



LIST OF AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
78	Ba Ria Kampongthom JSC	National Highway 56, Ngai Giao commune, Ho Chi Minh City	Trading of natural rubber latex	92.75%
79	Ba Ria Kampong Thom Rubber Development Co., Ltd	Santuk District, Kampong Thom Province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	92.75%
80	Chu Se Kampongthom JSC	No. 420 Hung Vuong street, Chu Se commune, Gia Lai province	Agricultural service activities; Production of other rubber products; Planting rubber trees; Planting cashew trees; Planting coffee trees	99.95%
81	C.R.C.K.2 Rubber Development Co., Ltd	Stoung District, Kampong Thom Province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	99.95%
82	Bean Heack Rubber One Member Co., Ltd	420 Hung Vuong, Chu Se Commune, Gia Lai Province, Vietnam	Trading of natural rubber latex	99.95%
83	Bean Heack Investment Co., Ltd	Stoung District, Kampong Thom Province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	99.95%
84	Mang Yang - Ratanakiri Rubber JSC	No. 536 Nguyen Hue street, Dak Doa commune, Gia Lai province	Planting rubber trees; Afforestation and forest care; Cattle farming; production of NPK fertilizers; Road freight transportation	100.00%
85	Chumomray Rubber Limited Company	Village 7, Ia Toi Commune, Ia H'Drai District, Kon Tum Province, Vietnam	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
86	Hoang Anh Mang Yang K Rubber Development Investment Co., Ltd	Rattanakiri Province, Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
87	Dak Doa Wood Processing Co., Ltd	Village II, Tan Binh Commune, Dak Doa District, Gia Lai Province, Vietnam	Manufacture, processing and trading of wood	100.00%
88	Phuoc Hoa - Kampongthom Rubber Development JSC	Boeung Lavea commune, Santuk district, Kampong Thom province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	66.62%

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
89	Bac Dong Phu Industrial Park Corporation	Bau Ke quarter, Dong Phu commune, Dong Nai province	Real estate business, ownership, use, or lease of land rights; Planting rubber trees; Construction of various types of houses	45.10%
90	Binh Long Rubber Industrial park Corporation	Hamlet 3A, Minh Hung ward, Dong Nai province	Real estate business, ownership, use, or lease of land rights; Planting rubber trees; Construction of various types of houses	57.09%
91	Yen Bai Rubber JSC	Hamlet 2, Van Phu ward, Lao Cai province	Real estate business, ownership, use, or lease of land rights; Afforestation and forest care; construction of other civil engineering works	99.79%
92	Dau Tieng - Lao Cai Rubber JSC	No. 186 Hoang Lien street, Lao Cai ward, Lao Cai province	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	89.54%
93	Krong Buk - Ratanakiri Rubber JSC	Krong Nang commune, Dak Lak province	Investment, tending, processing and consumption of rubber; investment in infrastructure construction, civil construction; Trading, importing and exporting rubber	100.00%
94	Krong Buk Ratanakiri Rubber Development Co., Ltd	Talav Commune, Andoung Meas District, Ratanakiri Province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
95	Chu Prong - Stungtreng Rubber JSC	Chu Prong commune, Gia Lai province	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	99.86%
96	Chu Prong K Rubber Company Limited	No. 92 Norodom, Daun Penh District, Phnom Penh, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	99.86%
97	Binh Phuoc Kratie 1 Rubber Company Limited	Kaev Seima District, Mondulkiri Province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	99.86%
98	Dau Tieng Kratie Rubber JSC	No. 33, Cluster 26, Dau Tieng commune, Ho Chi Minh City	Trading of natural rubber latex	95.00%



LIST OF AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
99	Dau Tieng Kratie Rubber Development Co., Ltd	Chlong District, Kratie Province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	95.00%
100	Dau Tieng Cambodia Rubber JSC	Quarter 2, Dau Tieng commune, Ho Chi Minh City	Trading of natural rubber latex	97.99%
101	Dau Tieng Cambodia Rubber Development Co., Ltd	Snoul District, Kratie Province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	97.99%
102	Dong Nai Rubber Wood Processing JSC	Street No. 7, Long Khanh Industrial Park, Binh Loc ward, Dong Nai province	Production of plywood, veneer, other laminated wood and other wood products; Wood exploitation; Sawing, slicing, planing and preserving wood; Production of beds, cabinets, tables and chairs	69.00%
103	C.R.C.K Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	Don Cam Pech commune, San Dan district, Kampong Thom province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
104	Tan Binh Industrial Park JSC	Vinh Tan ward, Ho Chi Minh City	Investment in construction and business of industrial park technical infrastructure; Real estate business, rental of offices, factories, warehouses and parking lots	59.64%
105	VRG Khai Hoan Joint Stock Company	Cau Sat hamlet, Ben Cat ward, Ho Chi Minh City	Production of medical gloves	51.04%
106	Bolikhamxay Ha Tinh Rubber Co., Ltd	Bolikhamxay province, Lao People's Democratic Republic	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
107	Tay Ninh Siem Reap Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	Trapeang Prasat commune, Trapeang Prasat district, Oddar Meanchey province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	60.00%
108	Best Royal (K) One Member Co., Ltd	Trapeang Prasat Commune, Trapeang Prasat District, Oddar Meanchey Province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	60.00%

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
109	VRG Oudomxay Co., Ltd	Oudomxay province, Lao People's Democratic Republic	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
110	VKETI Co., Ltd	Kratie province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
111	Dau Tieng - Lai Chau Rubber JSC	Zone 2, Than Uyen commune, Lai Chau province	Planting rubber trees; Construction of various types of houses; Exploitation of precious metal ores	99.98%
112	Ea H'Leo - Binh Minh Rubber Co., Ltd	Ratanakiri province, Kingdom of Cambodia	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
113	Phuoc Hoa Dak Lak Rubber One member Co., Ltd	No. 138 Hung Vuong street, Ea Sup commune, Dak Lak province	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	66.62%
114	Muong Nhe Dien Bien Rubber JSC	Muong Nhe village, Muong Nhe commune, Dien Bien province	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
115	Qua Van - Quang Tri Rubber Co., Ltd (Laos)	Salavan province, Lao People's Democratic Republic	Planting, tending, exploiting and processing rubber latex	100.00%
116	VRG Japan Rubber Export JSC	No. 269A Nguyen Trong Tuyen street, Phu Nhuan ward, Ho Chi Minh City	Wholesale trading of rubber	50.00%
117	Loc Ninh Wood JSC	Dien Bien Phu street, Ninh Thuan quarter, Loc Ninh commune, Dong Nai province	Sawing, slicing, planing and preserving wood; Wood exploitation; Wood production	68.17%
118	Phuoc Hoa - Dak Lak Rubber and Forestry Co., Ltd	Hamlet 2, Ea Rok commune, Dak Lak province	Planting fruit trees; Processing and preserving fruits and vegetables; Planting rubber trees; Production of other rubber products	60.34%
119	Kon Tum Rubber Wood Manufacturing Co., Ltd	Hamlet 01, Dak Ha commune, Quang Ngai province	Exploiting wood and other forest products; gathering forest products; Sawing, slicing and preserving wood	51.00%
120	Vietnam Furniture Town Corporation	U&I Building, No. 158 Ngo Gia Tu street, Thu Dau Mot ward, Ho Chi Minh City	Production of other wood and metal products.	33.97%



LIST OF AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
ASSOCIATE COMPANY				
1	Thong Nhat Joint Stock Company	Bau Xeo Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province	Investment in construction and business of industrial park infrastructure; Electricity and clean water business; Wastewater treatment services	36.07%
2	Rubber Scientific Research and Experimental Production Co., Ltd. (Visorutex)	8 Tran Quy Khoach, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City	Planting, exploiting, processing, and exporting rubber	27.57%
3	Binh Phuoc Infrastructure Construction Investment JSC	Hoa Vinh Hamlet, Chon Thanh Ward, Dong Nai Province	Production of construction materials from clay; Construction of various types of houses; Construction of railway and road works; General wholesale	29.17%
4	VRG Dongwha MDF JSC	Lot G, Minh Hung III Industrial Park, Minh Hung ward, Dong Nai province	Afforestation, exploitation and processing of wood and raw materials; Production and trading of artificial MDF wood and chemicals for the wood industry	49.00%
5	VRG Long Thanh Investment and Development JSC	Lot E, Loc An - Binh Son Industrial Park, Long Thanh commune, Dong Nai province	Infrastructure business	31.00%
6	Ho Chi Minh City Rubber JSC	No. 636 Vo Van Kiet street, Cho Quan ward, Ho Chi Minh City	Land reclamation, new planting, tending, exploitation, processing and trading of rubber products; Production, trading and processing of agricultural and forestry products for export	27.14%
7	Ben Thanh Rubber JSC	Lot B3.1, Northwest Cu Chi Industrial Park, Tan An Hoi commune, Ho Chi Minh City	Production and trading of rubber products; conveyor belts, rubber sheets, raw rubber and technical rubber products	48.27%
8	Dong Nai Rubber Construction JSC	Street No. 1, Trung Tam hamlet, Xuan Lap ward, Dong Nai province	Construction of civil, industrial, transportation and irrigation works; Production of construction materials: ready-mixed concrete, hot asphalt concrete, culverts and precast concrete components; Planting, exploitation, processing and trading of agricultural and industrial crops	41.50%

No.	Name of company	Address	Main production and business fields	Ownership percentage (%)
9	Loc Thinh JSC	Nhon Trach 2 - Loc Khang Industrial Park, Nhon Trach commune, Dong Nai province	Construction of railway and road works; Construction of transportation projects; Real estate business, ownership, use or lease of land use rights; Investment in the construction of industrial park infrastructure	32.59%
10	V.R.G SA DO Rubber Thread JSC	"Lots K5, K6, K7, N9A street, Dau Giay Industrial Park, Dau Giay commune, Dong Nai province"	Production of synthetic fiber and production of other rubber products	49.06%
11	Chu Pah Rubber Wood Processing JSC	la Khuoi Industrial Park, Tan Lap hamlet, la Khuoi commune, Gia Lai province	Timber exploitation; Production of other wood products; Production of products from bamboo, rattan, straw and plaiting materials	34.32%
12	Viet My Ha Tinh Agricultural Development JSC	16 Vo Liem Son street, Thanh Sen ward, Ha Tinh province	Exploitation of chemical minerals and fertilizer minerals; Drainage and wastewater treatment; Construction of civil engineering works	35.94%
13	Nam Tan Uyen Urban and Industrial Co., Ltd	Long Thanh Plantation Office, Zone 13, Binh An commune, Dong Nai province	Real estate business, ownership, use or lease of land use rights; Construction of various types of houses; Construction of railway and road works	20.00%
14	Dau Tieng Viet Lao Rubber JSC	Quarter 3, Dau Tieng commune, Ho Chi Minh City	Planting, tending, exploiting and processing rubber in Laos	49.00%
15	Viet Nam Rubber Urban and Industrial Park Development JSC	"No. 165 Bach Dang street, Le Thanh Nghi, Hai Phong city"	Investment in construction of infrastructure and business of industrial parks; Construction of houses, apartments and offices; Exploitation and processing of various types of minerals; Leasing land, warehouses, offices, houses and parking lots	39.35%
16	Vinh Son Investment JSC	Village 7, Phu Cat Commune, Hanoi City	Investment in construction, operation management, and commercial electricity trading of hydropower plants; Construction of civil, industrial and infrastructure works.	21.54%

Development goals

Maintain the Group's position as the leading enterprise in Vietnam in the fields of planting, processing, and trading natural rubber; artificial wood processing; production of rubber industrial products; investment and business of Industrial Park infrastructure on rubber land funds; development of green energy, renewable energy, and large-scale agriculture applying science – technology. In which, the Group continues to hold the number one position in the field of planting, processing, and trading natural rubber.

Affirm the pioneering role in science – technology development, innovation, and promote the application of information technology and artificial intelligence (AI) in production, business, and management operations.

Develop the Group in a harmonious and balanced direction across the three pillars of Economy – Society – Environment, taking green growth and sustainable development as the overarching goal in all activities.

Improve operational efficiency and competitiveness based on modern technology; continue to innovate management and governance methods according to international standards approaching those of developed countries; consolidate and develop the VRG brand in domestic and international markets; restructure industries reasonably, focusing on core production and business fields as the foundation for sustainable development; simultaneously improve land use efficiency and sustainably manage and exploit forest resources.

Medium and long-term development strategy

The Group implements synchronous and in-depth strategic solutions to consolidate and maintain its position as the world's leading State-owned economic Group in the field of planting, caring for, processing, and trading rubber, while continuing to affirm its role as a pioneer in the agricultural sector in innovation, research – development, and application of advanced science and technology into production and business activities. The focus in the coming period is to complete the certification of sustainable forest management according to VFCS/PEFC standards, ensuring all products fully meet the criteria for green growth, energy saving, cleaner production, as well as increasingly stringent requirements for transparency and traceability, in accordance with European Union regulations, especially EUDR.

In parallel, the Group aims to build and develop carbon credits on the entire area of rubber plantations, considering this a solution to increase the value of biological assets and improve long-term economic efficiency. The Group will proactively seek and select reputable partners to cooperate in assessing carbon stocks, gradually perfecting the scientific and legal basis, aiming for the commercialization of carbon credits in the future, thereby effectively exploiting the economic – environmental potential of rubber plantations.

Regarding the spatial development strategy, the Group continues to invest in expanding rubber areas in Laos and Cambodia to strengthen land fund accumulation, improve capital use efficiency, and compensate for the area of domestic rubber land that is gradually shrinking according to socio-economic development planning. This is considered a strategic move to ensure the stability and sustainability of the raw material region in the long term.

At the same time, the Group focuses on mobilizing and allocating resources to develop Industrial Parks (IP) according to modern models, prioritizing green IPs, ecological IPs, and circular IPs, linked with digital transformation, application of high technology, and optimization of energy and resource use, meeting the requirements of sustainable industrial development and international integration.

In addition, the Group promotes investment in clean energy and renewable energy projects, identifying this as an important strategic pillar creating new growth momentum, contributing to the realization of green economy and low-carbon economy goals. These projects not only improve the efficiency of the Group's existing resources but also create a solid foundation for the 2025–2030 development phase and the vision to 2050.

List of Members of the BOD, BOS, BOM
As of December 31, 2025

No.	Member of the Board of Directors	Position	Date of appointment
I BOARD OF DIRECTORS			
1	Mr. Tran Cong Kha	Chairman of the Board of Directors	12/01/2022
2	Mr. Le Thanh Hung	Member of the Board of Directors	13/01/2022
3	Mr. Ha Van Khuong	Non-executive Member of the Board of Directors	22/05/2018
4	Mr. Do Huu Phuoc	Member of the Board of Directors	17/06/2024
5	Mr. Truong Minh Trung	Member of the Board of Directors	05/11/2025
6	Ms. Huynh Thi Cam Hong	Non-executive Member of the Board of Directors	05/11/2025
7	Mr. Nguyen Dong Phong	Independent Member of the Board of Directors	17/06/2024
8	Mr. Nguyen Hay	Independent Member of the Board of Directors	22/05/2018

As of December 31, 2025

No.	Members of Board of Management	Position	Date of appointment
II BOARD OF MANAGEMENT			
1	Mr. Le Thanh Hung	General Director	13/01/2022
2	Mr. Do Huu Phuoc	Permanent Deputy General Director	01/06/2022
3	Mr. Truong Minh Trung	Deputy General Director	01/06/2018
4	Mr. Pham Hai Duong	Deputy General Director	08/09/2023
5	Mr. Tran Thanh Phung	Deputy General Director	18/02/2020
6	Mr. Tran Nhu Hung	Deputy General Director	05/11/2025
7	Mr. Pham Van Hoi Em	Deputy General Director	05/11/2025
III BOARD OF SUPERVISORS			
1	Mr. Nguyen Van Cuong	Full-time Supervisor	05/11/2025
2	Mr. Vo Van Tuan	Supervisor	12/01/2022
3	Mr. Nguyen Minh Duc	Supervisor	12/01/2022



TRAN CONG KHA

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

Appointment: January 12, 2022

Year of birth: 1974

Education: Doctor of Economics



MR. LE THANH HUNG

Member of the BOD

Year of birth: 1966

Qualification: Master of Economics



MR. DO HUU PHUOC

Member of the BOD

Year of birth: 1968

Qualification: Master of Engineering



MR. HA VAN KHUONG

Member of the BOD

Year of birth: 1970

Qualification: Master of Agricultural Science



MR. NGUYEN DONG PHONG

Independent Member of the BOD

Year of birth: 1960

Qualification: Professor, PhD in Economics



MR. NGUYEN HAY

Independent Member of the BOD

Year of birth: 1959

Qualification: Professor, PhD in Mechanical - Dynamic Engineering



MR. TRUONG MINH TRUNG

Member of the BOD

Year of birth: 1968

Qualification: Bachelor of Agricultural Engineering,
Master of Business Administration



MS. HUYNH THI CAM HONG

Member of the BOD

Year of birth: 1976

Qualification: Agronomist Engineer



LE THANH HUNG

GENERAL DIRECTOR

Appointment: January 12, 2022

Year of birth: 1966

Education: Master of Economics



MR. DO HUU PHUOC

Permanent Deputy General Director

Year of birth: 1968

Qualification: Master of Engineering



MR. TRUONG MINH TRUNG

Deputy General Director

Year of birth: 1968

Qualification: Bachelor of Agricultural Engineering,
Master of Business Administration



MR. TRAN THANH PHUNG

Deputy General Director

Year of birth: 1968

Qualification: Master of Business Administration



MR. PHAM HAI DUONG

Deputy General Director

Year of birth: 1966

Qualification: Master of Engineering

**MR. PHAM VAN HOI EM****Deputy General Director****Year of birth:** 1975**Qualification:** Bachelor of Economics,
Auditor Certificate**MR. TRAN NHU HUNG****Deputy General Director****Year of birth:** 1980**Qualification:** Master of Business
Administration**MR. NGUYEN VAN CUONG****Full-time Supervisor****Year of birth:** 1975**Qualification:** Bachelor**MR. VO VAN TUAN****Supervisor****Year of birth:** 1971**Qualification:** Master of Agriculture**MR. NGUYEN MINH DUC****Supervisor****Year of birth:** 1984**Qualification:** Construction Engineer

03

OPERATIONAL PERFORMANCE DURING THE YEAR

Summary of financial information

Personnel and Labor Policy



In 2025, the global economy entered a recovery phase amidst much uncertainty, with average growth rates and an uneven recovery trend across regions and economies. The world economic environment continues to be affected by the interplay of monetary policy managed in a cautious direction, geopolitical risks, and prolonged regional conflicts, along with local disruptions and the restructuring of global supply chains. Although inflation has tended to cool down compared to the 2022–2024 period, underlying risk factors still exist, causing the monetary policies of major economies to maintain a flexible, cautious state and not yet fully loosen.

In that context, with the timely, consistent, and practical direction of the Board of Directors, the proactive, decisive, and flexible management of the Board of Management, along with the spirit of solidarity, responsibility, and high efforts of all officers and employees, the Group has firmly overcome challenges, maintained stable production and business activities, and achieved positive results over the past year. These results not only reflect the Group’s management capacity, adaptability, and resilience but also create an important foundation for achieving sustainable growth goals in the next period.

Business Results

						Unit: Billion VND
Indicator	2021	2022	2023	2024	2025	Increase/ Decrease compared to the same period
Net revenue	26,189	25,425	22,138	26,242	29,078	10.81%
Gross profit	7,575	6,342	4,962	6,965	8,653	24.23%
Net profit from business activities	5,783	4,381	2,795	4,740	6,050	27.65%
Profit after tax	5.34	4,753	3,372	4,827	5,998	24.28%

According to the consolidated audited financial statements



Net profit from business activities

6,050 Billion VND



Financial Indicators

Indicators	Unit	2024	2025
SOLVENCY INDICATORS			
Current ratio	Times	2.39	3.01
Quick ratio	Times	2.01	2.40
CAPITAL STRUCTURE INDICATORS			
Debt/Total assets ratio	%	29.97	27.91
Debt/Equity ratio	%	42.79	38.74
OPERATING CAPACITY INDICATORS			
Inventory turnover	Times	5.00	3.71
Total asset turnover	Times	0.33	0.34
PROFITABILITY INDICATORS			
Net profit margin (ROS)	%	18.39	20.63
Return on Equity (ROE)	%	8.51	9.95
Return on Assets (ROA)	%	5.98	7.07
Operating profit margin	%	18.06	20.81

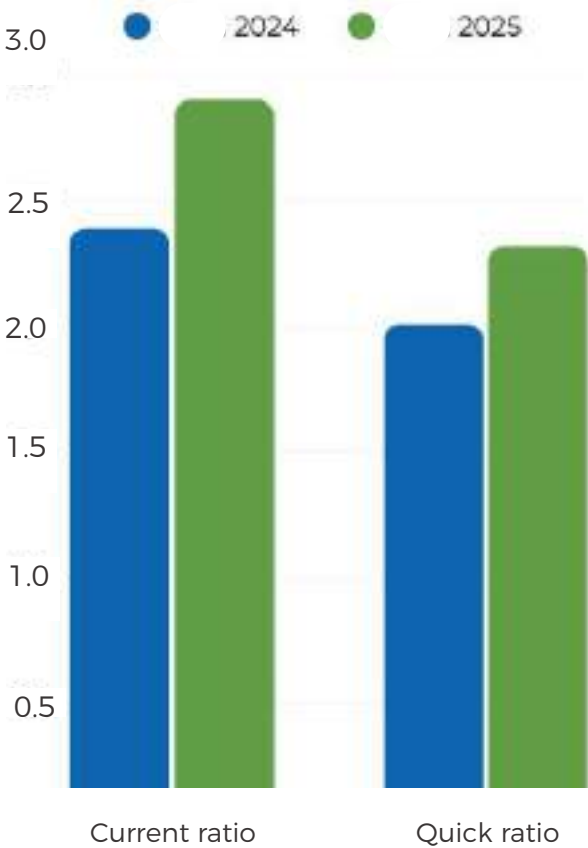
According to the consolidated audited financial statements



01 Solvency Indicators



GVR’s liquidity indicators in the 2024–2025 period remained at a very high level, with the current ratio increasing from 2.39 to 3.01 and the quick ratio increasing from 2.01 to 2.40, both significantly exceeding the typical threshold for manufacturing enterprises (approximately 1.2–1.5) and even the infrastructure/Industrial Park group (usually below 2). This level of liquidity not only reflects the ability to meet short-term obligations in a state of surplus but also shows that the Group’s short-term asset structure is mainly concentrated in cash, cash equivalents, and financial investments, rather than inventory. Given GVR’s specific context—possessing a large land bank and being in the process of shifting toward Industrial Park development—maintaining high liquidity reflects the accumulation of financial resources in preparation for large-scale investment cycles. However, the continued increase in liquidity ratios also indicates a lag in deploying and converting these funds into income-generating assets, thereby reducing capital utilization efficiency in the short term. Therefore, the current liquidity indicators can be seen as signs of a transition phase, where GVR is accumulating resources before accelerating investment and realizing value from the land bank through Industrial Park development in the coming years.



Financial Indicators

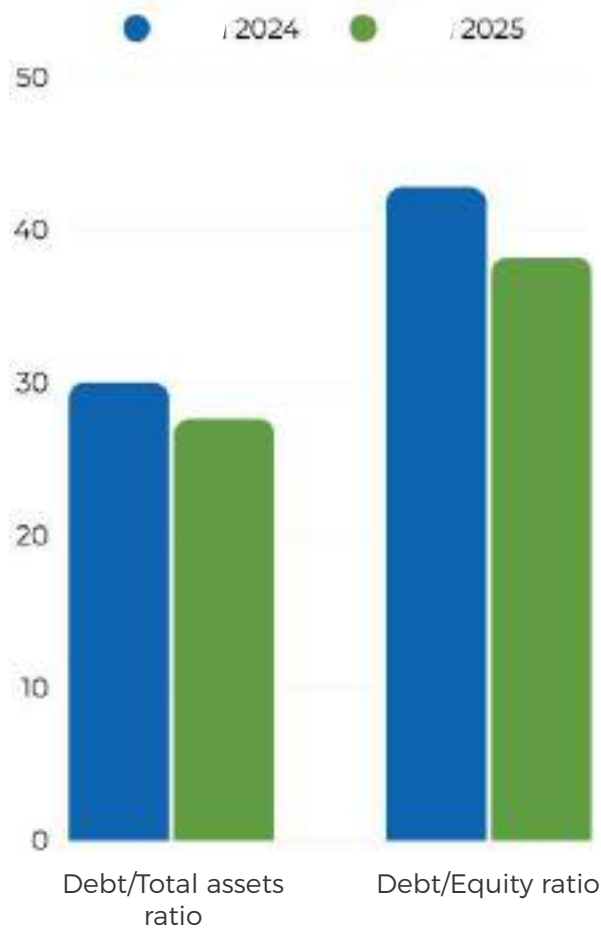
02 Capital Structure Indicators



Looking at the capital structure, GVR is maintaining a very cautious financial state, even somewhat ‘over-safe,’ as the debt-to-total-assets ratio decreased from 27.97% to 27.91% and the debt-to-equity ratio decreased from 42.79% to 38.74% in the 2024–2025 period. This leverage level is significantly lower than the general level of infrastructure and Industrial Park enterprises, which typically use higher debt levels to finance long-term projects. This shows that GVR operates mainly based on its own capital and accumulated profits, rather than utilizing financial leverage to expand its scale.

However, when placed in the context of the enterprise maintaining a large amount of cash and high liquidity, the trend of continuing to reduce the debt ratio reflects another issue: financial resources have not been optimally exploited. Not using leverage while still accumulating large capital shows that GVR is in a ‘waiting to deploy’ state, especially regarding Industrial Park projects—a field that requires large investment capital but has the potential to generate significantly higher profit margins compared to traditional activities.

Therefore, GVR’s current capital structure is both a strength in terms of financial safety and a signal that there is still significant room to improve capital utilization efficiency. As land conversion projects are accelerated and capital demand increases, proactively adjusting the capital structure—including the reasonable use of leverage will be a key factor for the Group to enhance profitability and realize asset value in the coming period.



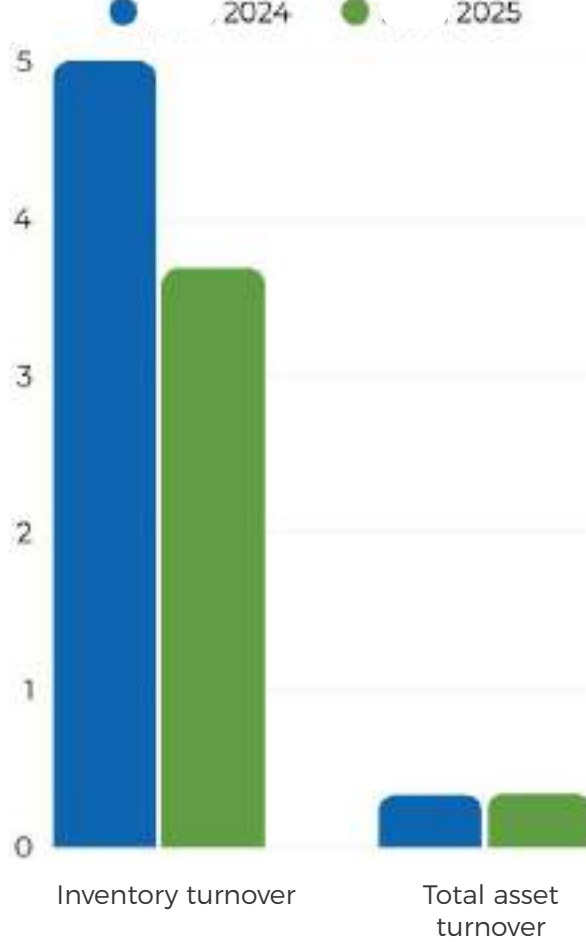
03 Operating capacity indicators



GVR’s operational efficiency in the 2024–2025 period shows a divergent trend among indicators. Inventory turnover decreased from 5.00 to 3.71 times, indicating a slowdown in inventory turnover speed, while total asset turnover remained almost flat, increasing only slightly from 0.33 to 0.34 times.

The decline in inventory turnover first reflects the characteristics of the rubber industry, where production and consumption activities are affected by commodity price cycles and global market demand. The increase in inventory or slower consumption in the short term is not entirely a negative signal but may be associated with production regulation strategies or the timing of revenue recognition. At the same time, in the context of GVR gradually shifting to Industrial Park development, the asset structure and business activities have also changed, causing traditional turnover indicators to no longer fully reflect operational efficiency as they would for a pure manufacturing enterprise.

Conversely, total asset turnover remained stable at a low level (~0.33–0.34 times), showing that asset exploitation efficiency has not improved significantly. This is a common characteristic of enterprises owning large asset bases, especially land, during the period before they are converted into cash-flow-generating projects. For GVR, this clearly reflects a ‘large assets – inadequate exploitation’ state, where a significant portion of value lies in rubber land awaiting conversion into Industrial Parks.



Financial Indicators

04 Profitability Indicators



ROE & ROA

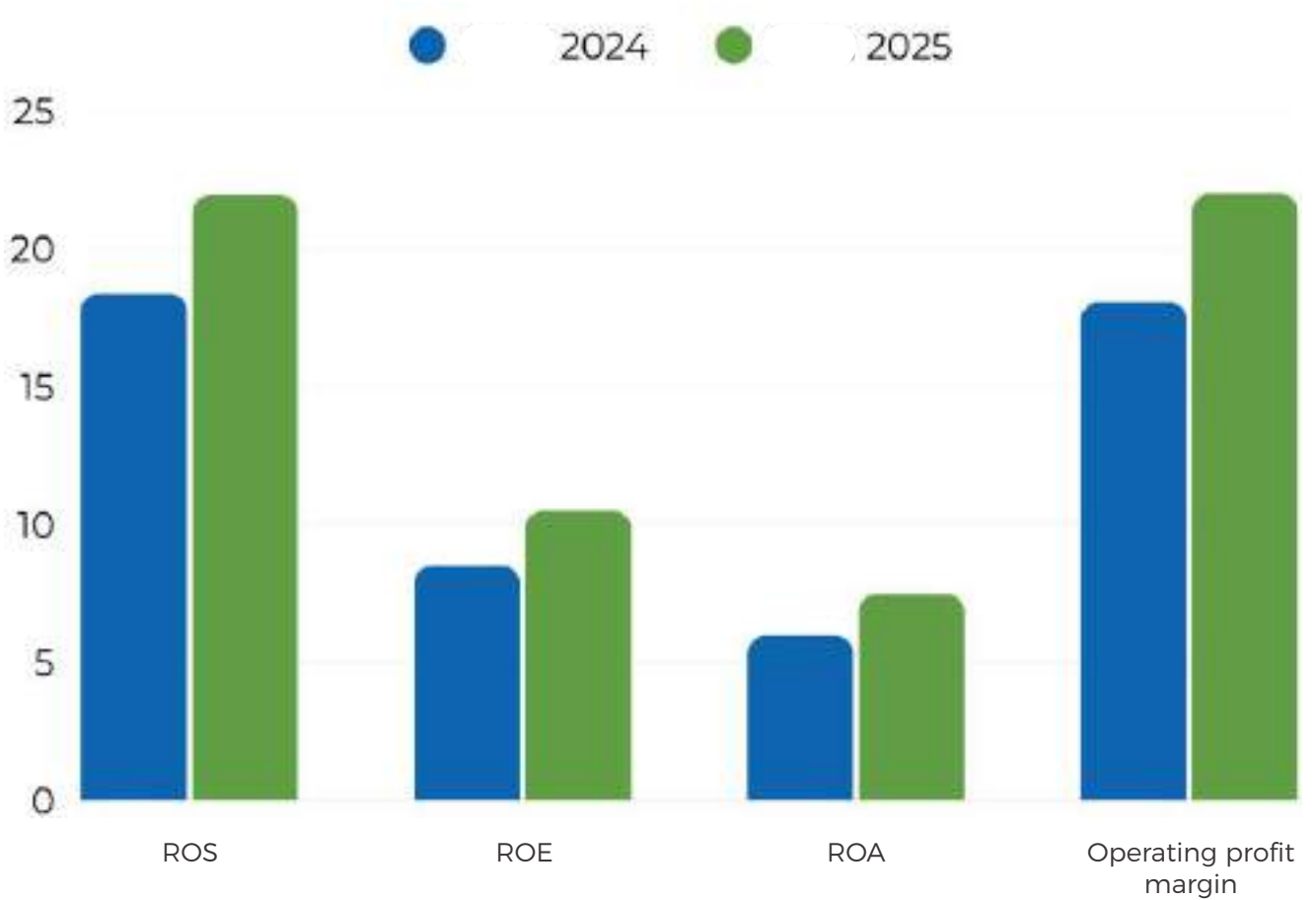
9.95 & 7.07 %

GVR not only increased absolute profit, but the quality of profit is also improving. The increase in ROS from 18.39% to 20.63% and the operating profit margin on revenue from 18.06% to 20.81% show that each dong of revenue in 2025 generated more profit than the previous year, implying a clear expansion of profit margins. This is usually the result of the synergy between more favorable selling prices, improved revenue structure, and better cost control capabilities. For GVR, this is particularly noteworthy because the enterprise originated from the cyclical rubber industry, so the simultaneous increase in profit margins at both the operating level and the net profit level shows that the improvement results not only from accounting factors or extraordinary income but are based on operational activities.

From the perspective of capital utilization efficiency, ROE increased from 8.51% to 9.95% and ROA increased from 5.98% to 7.07%, reflecting that the enterprise has better exploited both equity and total assets. However, when compared with GVR’s characteristic of owning a very large asset scale, low financial leverage, and high accumulated cash, the ROE level of 9.95%, although improved, is not yet outstanding. In other words, GVR is more profitable than before, but has not yet fully exploited the ‘depth’ of the balance sheet. This is a very important point: the enterprise has increased profits, but profitability is still limited by the fact that a large portion of assets, especially land banks and financial resources, has not been fully converted into projects with higher rates of return.

If linked to the previous groups of indicators, the picture becomes quite clear: high liquidity, low leverage, asset efficiency has not really broken through, but profit margins have improved strongly. This shows that GVR is currently in a state of ‘profit growing faster than the speed of asset conversion.’ In other words, the enterprise is improving business efficiency in existing operations, but greater value still lies in the period ahead, when large-scale assets, especially land banks, are put into more effective exploitation through Industrial Parks and projects with higher profit margins.

Another point worth noting is that ROA increased quite closely to ROE, while the gap between the two indicators is not too large. This is consistent with the picture seen in the capital structure section: GVR does not use much debt to amplify profits for shareholders. Therefore, the improvement in ROE here mainly comes from better operational efficiency, not from increasing financial leverage. In terms of analytical quality, this is a more positive signal than the case where ROE increases only because of more debt.



Number of officers and employees at the Parent Company - Group

Total:

As of Date: December 31, 2025

No.	Criteria	2024		2025	
		Quantity (people)	Proportion (%)	Quantity (people)	Proportion (%)
I	BY EDUCATION LEVEL	212	100%	161	100%
1	Postgraduate level	57	27%	44	27%
2	University, college level	116	55%	88	55%
3	Intermediate level	3	1%	1	1%
4	Technical workers	0	0%	0	0
5	Unskilled labor	36	17%	28	17%
II	BY GENDER	212	100%	161	100%
1	Male	134	63%	102	63%
2	Female	78	37%	59	37%
III	BY LABOR CONTRACT TERM	212	100%	161	100%
1	Indefinite-term contract	189	87%	140	87%
2	Fixed-term contract (1-3 years)	13	6%	11	7%
3	Other	10	5%	10	6%

Average income of employees over the years

Unit: Million VND/person/month

Year	Year 2022	Year 2023	Year 2024	Year 2025
Average income of employees	24.052	30.427	48.058	52.649



LABOR POLICY

In its long-term development strategy, the Group places people at the center, considering this the core foundation that determines competitiveness and sustainable development. Based on that perspective, the Group has proactively and continuously invested in human resources through completing and synchronously implementing recruitment, training – development, salary, bonus, and welfare policies in a fair, competitive, and appropriate manner according to the characteristics of operations. Through these policies, the Group not only improves the quality of the team but also creates a stable working environment, encouraging the dedication and long-term commitment of employees, thereby ensuring the sustainable and effective development of the Group in the long term.



RECRUITMENT POLICY

Recognizing the key role of human resources in existence and sustainable development, the Group identifies attracting and developing high-quality human resources as one of its strategic pillars. Accordingly, the Group focuses on building a professional, transparent, and stable working environment, creating conditions for officers and employees to continuously learn, improve professional capacity, develop careers, and commit long-term to the Group.

Recruitment work is implemented in close connection with medium and long-term development goals, ensuring that the personnel team both meets current operational requirements and forms a succession force for the future. At the same time, before the rapid development trend of science – technology and digital transformation, the Group proactively receives and trains interns in the fields of information technology and technical science, gradually building high-quality human resources to meet the requirements of sustainable development in the new period.

Salary, bonus, and benefits policy

The Group develops its salary policy based on the principles of fairness, competitiveness, and motivation, linked to job positions, task performance efficiency, and production and business results, while referencing market benchmarks. Individuals and collectives with strong performance are considered for timely salary adjustments and increases to encourage improved work efficiency.

In addition, the Group fully implements insurance schemes as required by regulations and maintains policies for holiday bonuses, Tet bonuses, and welfare activities such as travel and periodic health check-ups, contributing to improving the material and spiritual life of employees. Through this, the Group is gradually building a positive working environment, creating conditions for development, and retaining high-quality human resources.

Working conditions

The Group focuses on ensuring occupational safety and hygiene, fully implementing regulations, and organizing periodic training to prevent risks during work. Occupational safety efforts are implemented synchronously, including the provision of equipment, usage instructions, and regular monitoring and supervision to ensure compliance with legal and internal regulations.

In parallel, the Group builds a modern, cohesive working environment through cultural and sports activities and spiritual care, contributing to increasing the engagement and motivation of employees, aiming for the goal of sustainable development.

EMPLOYEE TRAINING AND DEVELOPMENT POLICY

Activities to support employees during the year

The Vietnam Rubber Group (VRG) remains steadfast in its philosophy that “sustainable development is development associated with people,” viewing the care for employees as a key factor in ensuring long-term stability and prosperity.

In 2025, the Group ensured employment for over 79,000 workers with an impressive average income of 11 million VND/person/month, while also creating stable income for over 23,000 local workers in Laos and Cambodia.

Besides dedicating over 347 billion VND to occupational safety and hygiene, VRG also extensively implements humanitarian programs such as “Trade Union Shelter,” “Tet Reunion,” “Workers’ Month,” and social welfare activities in remote areas with a value of hundreds of billions of VND.

Entering the 2026–2030 period, the Group continues to prioritize recruitment, skills training, and the application of science and technology to reduce manual labor intensity, while aggressively streamlining the organizational structure to improve productivity, striving to reduce the indirect labor ratio to 5% to focus resources on best supporting the direct production workforce.

These policies not only protect legal rights but also spark a spirit of innovation and solidarity, turning each employee into a “green ambassador” to accompany the Group into a new era of development.



04

REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Assessment of operating results in 2025

Financial Situation

Achievements in 2025

Assessment report related to the Company's
Environmental and social responsibility



Business results according to Separate Financial Statements 2025

Unit: billion VND

Item	Actual 2024	Plan 2025	Actual 2025	% Actual 2025/ Plan 2025	% Actual 2025/ Actual 2024
Total revenue and other income	5,271	5,699	6,304	110.63%	119.62%
Profit before tax	2,353	2,455	2,503	101.96%	106.37%
Profit after tax	2,353	2,455	2,503	101.96%	106.37%

Business performance results according to Consolidated Financial Statements 2025

Unit: billion VND

Item	Actual 2024	Plan 2025	Actual 2025	% Actual 2025/ Plan 2025	% Actual 2025/ Actual 2024
Total revenue and other income	28,739	31,044	32,431	104.47%	112.85%
Profit before tax	5,606	5,840	7,107	121.70%	126.77%
Profit after tax	4,826	4,974	5,998	120.59%	124.29%

GVR's 2025 business results recorded positive growth in both revenue and profit, with total revenue and other income reaching 32,431 billion VND, up 12.85% compared to 2024 and exceeding the plan by 4.47%. Notably, profit grew much more significantly than revenue, as profit before tax reached 7,107 billion VND, up 26.77% and exceeding the plan by 21.70%; profit after tax reached 5,998 billion VND, up 24.29% and exceeding the plan by 20.59%.

This development shows that the Group's business efficiency has improved markedly, as the profit growth rate was much higher than revenue, reflecting the expansion of profit margins. This result may stem from improved market conditions, especially high rubber prices, while also showing that the enterprise has controlled costs better and optimized operational activities.

In addition, exceeding the profit plan by a high margin also indicates some caution in the planning process, thereby reflecting the Group's adaptability and ability to seize market opportunities. However, it



2025 PARENT COMPANY PROFIT BEFORE TAX

2,503 Billion VND



2025 CONSOLIDATED PROFIT BEFORE TAX

7,107 Billion VND

should be noted that this high growth rate is still cyclical, closely tied to fluctuations in the rubber industry; therefore, long-term sustainability will depend on the progress of shifting to sectors with higher profit margins such as industrial parks.

Overall, the 2025 results show that GVR is in a period of strong improvement in business efficiency, but to maintain this upward momentum, transforming asset advantages, especially land funds, into projects that generate stable cash flow will be the decisive factor in the coming years.

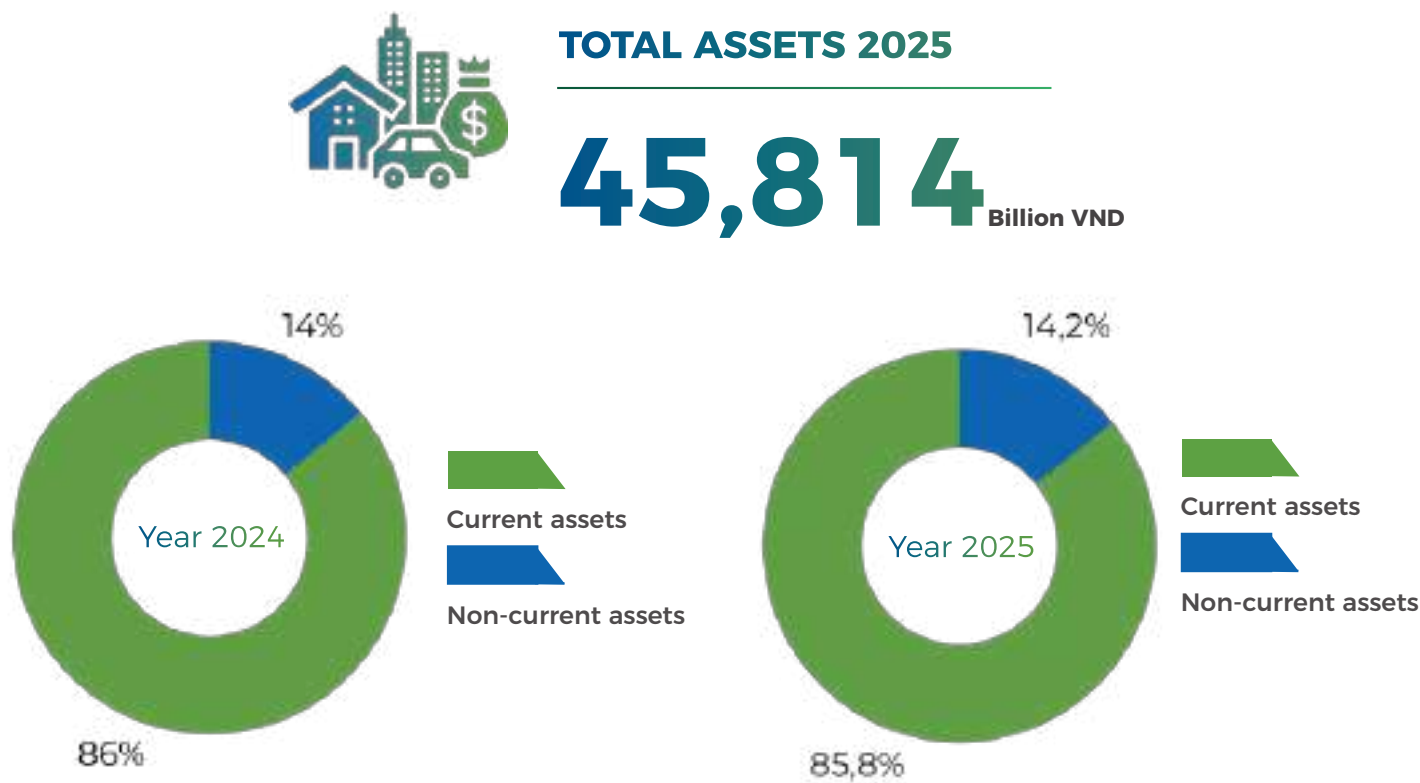


Financial situation of the parent company

Asset structure

Unit: billion VND

Indicators	As of 31.12.2024		As of 31.12.2025		% Increase / Decrease
	Value	Structure	Value	Structure	
Current assets	6,347	13.97%	6,618	14.45%	4.27%
Non-current assets	39,074	86.03%	39,196	85.55%	0.31%
Total assets	45,421	100.00%	45,814	100.00%	0.87%



GVR’s asset structure in 2025 continued to remain stable, with non-current assets accounting for a large proportion of approximately 85.55%, while current assets accounted for approximately 14.4%. Total assets increased slightly by 0.87% compared to the previous year, but there was no significant change in the structure.

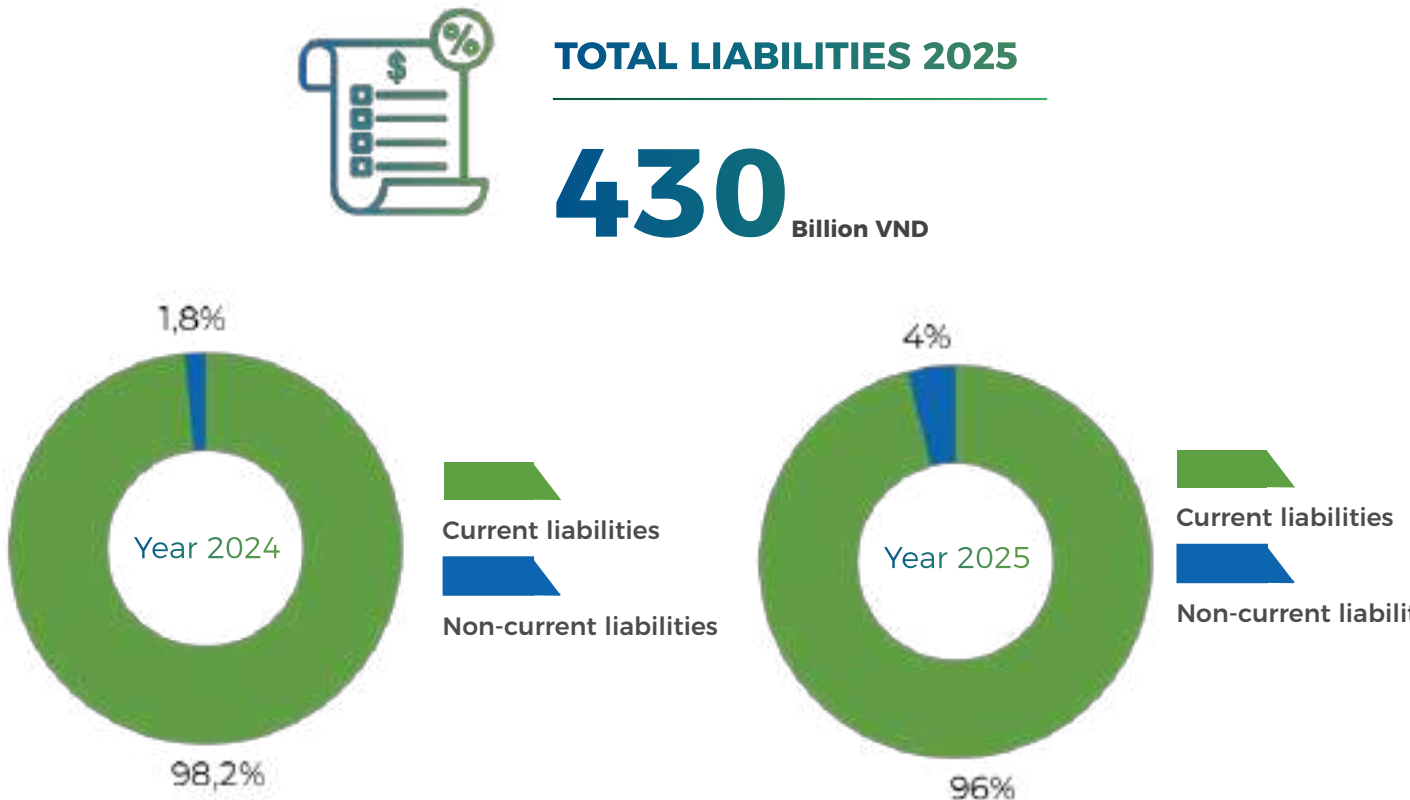
This reflects the specific characteristics of GVR as an enterprise owning a large asset scale, primarily concentrated in non-current assets, especially land funds and investments with long exploitation cycles. Meanwhile, the slight increase in current assets is consistent with a high liquidity status, showing that the enterprise is accumulating resources for investment plans.

Overall, the current asset structure shows that GVR is still in an accumulation phase, as a large portion of the value lies in non-current assets that have not yet been fully exploited.

LIABILITIES STRUCTURE

Unit: billion VND

Indicators	As of 31.12.2024		As of 31.12.2025		% Increase / Decrease
	Value	Structure	Value	Structure	
Current liabilities	876	98.21%	413	96.05%	-52.85%
Non-current liabilities	16	1.79%	17	3.95%	6.25%
Total liabilities	892	100.00%	430	100.00%	-51.79%



GVR’s liabilities structure in 2025 recorded a sharp decline, with total liabilities decreasing by 51.79% compared to the previous year, down to 430 billion VND. In which, current liabilities decreased significantly by 52.85%, while non-current liabilities increased slightly but still accounted for a very low proportion.

This development shows that the Group has proactively narrowed its liabilities scale, continuing to maintain a very low financial leverage level and a trend of decreasing dependence on loans. The liabilities structure is still mainly current liabilities; however, this proportion also decreased slightly, reflecting that short-term financial obligation pressure has improved significantly.

Overall, the low liabilities scale and sharp downward trend strengthen GVR’s safe financial picture, while showing that the enterprise is operating mainly on equity. However, in the context of large investment needs in the coming time, especially in the field of industrial parks, maintaining too-low liabilities could also mean not effectively utilizing financial leverage to optimize capital use efficiency.



 ACHIEVEMENTS IN 2025

8%

THE GROUP HAS OVERACHIEVED ITS BUSINESS AND PRODUCTION TARGETS, SURPASSING THE GOVERNMENT'S 8% GROWTH TARGET.

THE GROUP PROMOTES DIGITAL TRANSFORMATION, IMPLEMENTING THE 'PAPERLESS' CAMPAIGN.

0

13 **LAUNCHED VRG GREEN PRODUCTS, 13 UNITS WERE HONORED AS VIETNAM'S SUSTAINABLE ENTERPRISES IN 2025.**



ASSESSMENT REPORT RELATED TO THE COMPANY'S ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITY

Assessment related to environmental indicators



Identifying environmental protection as a consistent requirement throughout its business and production activities, the Group strictly and fully complies with legal regulations, standards, and environmental protection measures. Simultaneously, it proactively controls, prevents, and limits risks that could cause pollution. Periodic environmental monitoring is maintained regularly, ensuring correct frequency and full tracking of environmental parameters as prescribed. In addition, the Group strengthens the inspection and supervision of automatic monitoring systems to promptly detect and handle any arising situations, ensuring that output wastewater fully meets current environmental standards before being discharged into the environment.

Alongside environmental control, the Group focuses on the economical and efficient use of resources, especially electricity and water, through the synchronized implementation of management policies for energy and resource use across all production and business activities. The application and maintenance of the 5S model are strictly carried out to build a clean, tidy, scientific, and professional working environment, thereby improving working conditions, increasing labor productivity, and overall operational efficiency, contributing to the Group's sustainable development goals.

Assessment related to corporate responsibility towards the local community

The expansion of investment into fields such as industrial parks, renewable energy, and high-tech agriculture not only brings profits to the enterprise but also makes significant contributions to the State budget (reaching 4,977 billion VND for the entire system in 2025). These projects create momentum for regional economic development and promote the shift of the local labor structure.

VRG remains steadfast in the viewpoint that "sustainable development is development associated with people" through the synchronized implementation of programs such as "Union Shelters," "Tet Reunion," and "Worker's Month." The Group also dedicates hundreds of billions of VND to support people in remote and isolated areas, helping to improve infrastructure and the quality of life for local residential communities.

In international investment activities, VRG not only focuses on economic efficiency but also performs well its responsibilities to host countries by creating jobs and stable income for more than 23,000 local workers. This affirms the prestige and responsibility of Vietnamese enterprises in the region.





ASSESSMENT REPORT RELATED TO THE COMPANY'S ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITY

Assessment related to labor issues

During the year, the labor and salary situation at the Group remained fundamentally stable; the material and spiritual lives of employees continued to be cared for and guaranteed. With close coordination between the Group and the Trade Union, along with the attentive concern and direction from leadership at all levels and the Trade Union Executive Board, employees feel secure in their work and committed to the enterprise, thereby making positive contributions to the Group's overall production and business performance.

Alongside stabilizing income, the Group places special emphasis on the care and protection of employees' health. During the year, the Group fully implemented 24/7 insurance regimes and organized multiple periodic general health check-ups, contributing to enhancing the quality of healthcare for the staff and workers. VRG distributed and utilized supported contributions to assist people and rubber workers affected or damaged by storms and floods.

In addition, to improve spiritual life and strengthen internal cohesion, the Group coordinated with the Trade Union to deploy many practical and meaningful activities, such as: giving flowers and gifts to female union members on March 8th and October 20th; organizing Sports Games for officials and employees; implementing programs like "Worker's Month", "Union Meal", "Family Shelters", and "Tet Market"; while simultaneously organizing courses and conferences to improve work efficiency for employees such as the "Communication Skills Training Conference", "VRG Agriculture Conference 2025: Modernizing Cultivation - Sustainable Development", and "AI Application Skills Training for VRG Leaders".



05

CORPORATE GOVERNANCE

Assessment by the Board of Directors on various aspects of the Group's operations

Assessment by the Board of Directors on the activities of the Board of Management

Assessment of the activities of Independent Board Members

Plans and orientations of the Board of Directors for 2026

Board of Directors

Board of Supervisors

Risk Management Report





ASSESSMENT BY THE BOARD OF DIRECTORS ON VARIOUS ASPECTS OF THE GROUP'S OPERATIONS

DETERMINATION TO OVERCOME DIFFICULTIES, COMPLETE TASKS, AND PROVIDE GOOD CARE FOR EMPLOYEES

1. Ensuring stable income and employment

- Positive income levels: In 2025, the Group maintained an average income for employees of approximately 11 million VND/person/month.
- The Group's industrial parks also created job opportunities for over 260,000 other workers.
- Attention to specific groups: The Group focused on employing female labor (accounting for 41.6%) and ethnic minority people (accounting for 24.7%).
- In Laos and Cambodia, VRG also created stable jobs and income for over 23,000 local workers.

2. Emphasis on occupational safety and health

- Large budget investment: The Group spent more than 347 billion VND on occupational safety and hygiene in 2025.
- Practical activities: Organized occupational safety and hygiene training programs for various groups and launched the "Occupational Safety and Hygiene Action Month - Worker's Month 2025" to directly protect the health and lives of employees.
- Protecting the health of plantation workers: Effectively implemented pest and disease control and plant protection to ensure a stable working environment on the plantations.

RUBBER COMPANIES SEGMENT

1. Agricultural production and plantation management

- Units focused on managing and organizing rubber latex harvesting, striving to increase labor productivity by at least 10% and harvesting output by at least 5%.
- Replanting activities: Organized land preparation and replanting on schedule, ensuring a 100% survival rate by the end of the year and strictly managing plant varieties.

2. Processing and product quality management

- The Group stepped up the processing of rubber latex according to international standards, with products bearing the VRG brand accounting for 93.7% of total output.
- Processing factories and enterprises implemented a sharp reduction in intermediate levels to enhance management efficiency and control product costs.

3. Organizational structure and corporate governance

- Streamlining the organization: The rubber companies block implemented a transition from a 3-level to a 2-level management model. A significant step was streamlining 214 rubber farms into 328 production teams to reduce management focal points.

INDUSTRIAL PARKS

1. Scale and achieved results

- The Group is currently a leading investor in 14 industrial parks (IPs) with a converted land area of over 4,200 ha. The occupancy rate of these IPs reached a high level, approximately 86.7%.
- The Group's IPs attracted nearly 800 investors with a total capital of about 10 billion USD.
- The operations of the IPs created jobs for over 260,000 workers.

2. Development orientation for new models

- Focus on developing green, smart, and circular IP models on converted rubber land.
- Research the application of the Direct Power Purchase Agreement (DPPA) mechanism to provide clean energy (solar, wind) for IPs.

CLEAN ENERGY AND RENEWABLE ENERGY DEVELOPMENT

Vietnam Rubber Group (VRG) identifies clean energy development as a central strategic direction to realize the "net-zero" emissions goal by 2050, in line with Power Development Plan VIII. During the 2025-2026 period, the Group is reviewing rubber land funds to register as investors for solar and wind power projects through cooperation with Vietnam Electricity (EVN) and major partners. Combined with maintaining commercial electricity output from hydropower plants reaching over 480.5 million kWh in 2026, VRG is actively researching the application of the DPPA mechanism to provide clean electricity for industrial parks. These efforts not only contribute to energy transition and greenhouse gas emission reduction according to ESG standards but also help build an eco-industrial park model, thereby enhancing competitiveness and deep integration into the global value chain.

HYDROPOWER

In 2025, the hydropower units made efforts to overcome difficulties, overachieving many important targets. Specifically, total electricity output reached over 608 million kWh, exceeding the annual plan by 27%, with profit exceeding the plan by 19%. The block of 4 Hydropower Companies in 2025 also stepped up the application of information technology and digital transformation in management and operation. Systems such as eOffice, internal management software, digital signatures, and electronic records were deployed synchronously, contributing to improved administrative processing efficiency, reduced costs, and increased transparency in corporate governance.

WOOD PROCESSING

In 2025, the Group's wood processing sector recorded positive results with revenue reaching 6,145 billion VND and production output exceeding the plan, despite profit being pressured by high input material costs. Entering 2026, this segment is identified as an important pillar for the liquidation of rubber trees (up 9.4%) to supply raw materials, aiming for a total wood production output of approximately 1,089,000 m³, achieving a good growth rate across product lines.



ASSESSMENT BY THE BOARD OF DIRECTORS ON THE ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

THE BOARD OF MANAGEMENT HAS BEEN DYNAMIC AND CREATIVE IN STEERING AND MANAGING THE GROUP TO SUCCESSFULLY COMPLETE ITS TASKS

The Board of Management of Vietnam Rubber Group (VRG) has demonstrated dynamism and flexibility in steering the system through complex geopolitical fluctuations and the heavy impacts of natural disasters to overachieve the 2025 targets, notably with consolidated profit before tax reaching 7,107 billion VND, exceeding the plan by 21.71%.

Governance creativity is evidenced by the decisive streamlining of the apparatus from 3 levels to 2 levels, eliminating intermediate stages and setting a target to reduce the indirect labor rate to 5% to enhance productivity and capital use efficiency.

In addition, the Board of Management has created strategic breakthroughs by identifying digital transformation as a core task, urgently digitizing smart executive management processes, and applying GIS technology for product traceability.

The dynamic vision is also reflected in expanding investment into potential fields such as green-smart industrial parks, renewable energy, and high-tech agriculture, while remaining steadfast with the “VRG Green” strategy to adapt to international standards and aim for Net Zero by 2050.

Notably, this creative leadership is always associated with the responsibility of caring for livelihoods, ensuring an average income of 11 million VND/month for employees, creating a solid foundation for the Group to achieve breakthroughs in the 2026–2030 period.





ASSESSMENT OF THE ACTIVITIES OF INDEPENDENT BOARD MEMBERS

Regarding organizational structure

The Board of Directors (BOD) for the 2021-2026 term consists of 08 members, including 02 independent members. All BOD members fully and actively participated in the company's governance activities, ensuring compliance with corporate governance practices.

Regarding the results of governance and supervision

- The BOD performed its role well in implementing plans, policies, and strategic orientations set out by the General Meeting of Shareholders (GMS).
- The Chairman of the BOD appropriately assigned and delegated tasks to members to perform inspection and supervision of the Group's activities in accordance with legal regulations and the Charter.
- The BOD correctly fulfilled its role and responsibility in directing, supporting, and supervising the Board of Management in implementing contents approved by the GMS and the BOD, ensuring compliance with legal regulations while harmonizing the interests of the Group and shareholders.
- The Group complied with relevant regulations on approval authority, monitoring, and explaining transactions between the Group's insiders, related persons of insiders, and the Group. These transactions were disclosed in accordance with legal regulations.

Conclusion

- The BOD fully performed its functions in supervising the Group's executive activities, providing appropriate orientation and timely direction to ensure effective use of resources to achieve assigned targets.
- The BOD's activities in 2025 complied with the Company's Charter, Corporate Governance Regulations, and legal provisions.
- All BOD members complied with regulations when participating in BOD meetings, discussing and voting independently and objectively to ensure the best interests of the Group's shareholders.



PLANS AND ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS FOR 2026



The BOD of Vietnam Rubber Group identifies 2026 as a pivotal year, marking the beginning of a new strategic period aiming for breakthrough and sustainable growth. The Group continues to effectively develop the core rubber industry while promoting potential sectors such as green-smart industrial park infrastructure, renewable energy, and high-tech agriculture. Science and technology, innovation, and digital transformation are considered the pillars to enhance governance and optimize resources. Simultaneously, VRG implements organizational streamlining, cost control, and promotes green growth toward Net Zero and meeting international standards. Additionally, the Group focuses on human development, ensuring social security and creating motivation for employees in the new period.



SOME CORE TASKS

1. Communication – creating consensus

- 100% of officers and party members are fully infused with the Resolutions.
- Promote emulation movements, initiatives, and effective models.

2. Restructuring – growth innovation

- Streamline the organization, focusing on core areas.
- Shift from broad growth to deep growth.
- Enhance value chain integration.

3. Enhancing corporate governance

- Apply OECD standards.
- Transparency – Efficiency – Accountability.
- Increase decentralization and power control.

4. Land – capital – asset management

- Xây Build a digital land database.
- Exploitation for:
 - Industrial parks
 - Renewable energy
 - High-tech agriculture



PLANS AND ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS FOR 2026

SOME CORE TASKS

5. Science and technology – digital transformation

- Developing high-yield rubber varieties.
- Applying mechanization – automation.
- Building a centralized data system for the entire Group.

6. Developing core sectors

- Promoting deep processing – high added value.
- Expanding domestic and international markets.
- Enhancing production chain integration

7. Green growth – integration

- Implementing ESG – circular economy.
- Developing renewable energy – carbon credits.
- Implementing international standards (EUDR).

8. Human resource development

Human resource training:

- Technology
- Digital transformation
- Modern governance

Building a culture of: Solidarity – Discipline – Creativity – Sustainable Development

Business plan of the parent company

Unit: billion VND

No.	Indicators	Actual 2025	Plan 2026	Plan 2026/Actual 2025
1	Revenue and other income	6,304	6,468	102.60%
2	Profit before tax	2,503	2,644	105.63%
3	Profit after tax	2,503	2,644	105.63%
4	Total investment capital	11	1,317	11972.73%
4.1	Capital construction investment	11	1,317	11972.73%
4.2	Financial investment	-	-	-
5	Dividend payment (4%/Charter Capital)	1,548	1,548	100.00%



2026 Revenue and other income plan of the parent company

6,468 Billion VND

Consolidated business plan 2026

Unit: billion VND

No.	Indicators	Actual 2025	Plan 2026	Plan 2026/Actual 2025
1	Total revenue and other income	32,431	33,799	104.21%
2	Profit before tax	7,107	6,902	97.12%
3	Profit after tax	5,998	5,558	92.66%
4	Budget contribution	4,977	5,089	102.25%
5	Total investment capital	1,921	7,266	378.24%



2026 Consolidated total revenue and other income plan

33,799 Billion VND



PLANS AND ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS FOR 2026

Solutions for the implementation of the 2026 plan

01

REGARDING MANAGEMENT AND LAND USE



The year 2026 is identified as a pivotal year for the Vietnam Rubber Group (VRG) to achieve a breakthrough with a double-digit growth target and consolidated revenue reaching over 33,700 billion VND.

A top priority is to streamline the management apparatus under the motto “Reduce focal points, reduce intermediate levels – Increase productivity, increase efficiency,” with a determination to bring the indirect labor rate down to 5% through promoting digital transformation and smart management systems.

In the agricultural sector, VRG focuses on increasing labor productivity by an additional 10%, reducing costs by 5%, and ensuring that 100% of the rubber area in key regions achieves sustainable forest management certification (FSC/PEFC) linked with a GIS system to meet EUDR traceability regulations.

Additionally, the Group prioritizes strategic breakthroughs in green-smart industrial parks with a goal of leasing 275 new hectares, while implementing renewable energy projects and developing a large area of high-tech agriculture.

02

REGARDING CORPORATE RESTRUCTURING

Vietnam Rubber Group (VRG) identifies strong restructuring and organizational streamlining as a central strategic mission to open a new growth period for 2026–2030.

In 2025, the Group decisively transitioned its management model from 3 levels to 2 levels, streamlining 214 farms to establish 328 direct production teams and sharply reducing intermediate stages at factories and processing enterprises.

Entering 2026, VRG continues to persist with the motto “Reduce focal points, reduce intermediate levels – Increase productivity, increase efficiency,” with the specific goal of promoting transformation to reduce the indirect labor rate to 5%.

Furthermore, restructuring is linked with arranging units into a closed product chain from latex to rubber wood and maintaining the policy of appointing key leaders who are not locals to enhance efficiency.

These efforts not only help optimize resources and labor productivity but also create a solid foundation for the Group to achieve a breakthrough, affirming its role as a key pillar in the new development era.

03

REGARDING DIGITAL TRANSFORMATION



Vietnam Rubber Group (VRG) identifies digital transformation as a core strategic task and the driving force for breakthrough growth to optimize resources, enhance labor productivity, and strengthen competitiveness in the 2026–2030 period. To realize this goal, the Group requires member units to urgently digitize all internal management and reporting processes, while building a smart management system to ensure that real-time data is always updated promptly and accurately to serve executive operations. Additionally, modern digital technologies are also strongly applied to land management, plantations, and production monitoring according to actual time to enhance efficiency and transparency. In particular, digital transformation is seen as a key solution to implement the organizational streamlining policy, helping the Group resolutely reduce the indirect labor rate to 5% and increase flexible adaptability to the constant fluctuations of the market.

04

REGARDING THE 2026 DEVELOPMENT INVESTMENT PLAN OF THE PARENT COMPANY - THE GROUP

In 2025, the Parent Company – Vietnam Rubber Group (VRG) achieved impressive development investment results with revenue and other income reaching 6,304 billion VND (exceeding 10.63% of the plan) and profit before tax reaching 2,503 billion VND, recording a growth rate of 6.37% over the same period last year.

This result reflects superior efficiency in cost management, optimization of capital sources, and production and business management amidst a market context with many complex geopolitical fluctuations.

Regarding key investment activities, the Parent Company deployed 15 high-tech agricultural projects on an area of 1,697 hectares, while actively preparing for renewable energy projects and continuing to survey and expand raw material areas in Laos and Cambodia.

These achievements not only help preserve and develop State capital and contribute 1,664 billion VND to the budget but also create a solid financial and governance foundation for the Group to be ready for a breakthrough in the 2026–2030 strategic period.



PLANS AND ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS FOR 2026

Solutions for the implementation of the 2026 plan

05 REGARDING THE 2026 CONSOLIDATED DEVELOPMENT INVESTMENT PLAN FOR THE ENTIRE GROUP

In 2025, the consolidated investment and business activities of Vietnam Rubber Group (VRG) achieved breakthrough results with estimated revenue reaching 32,431 billion VND (exceeding the plan by 4.47%) and profit before tax reaching 7,107 billion VND, a growth of 26.77% compared to the previous year.

These results helped the Group complete the 8% growth target according to the Government's Resolution and contribute 5,089 billion VND to the State budget.

The investment focus was clearly demonstrated through the deployment of 15 high-tech agricultural projects on an area of 1,697 hectares, along with the strong development of the industrial park sector by leasing 128 new hectares of land, bringing in a profit of 1,250 billion VND. Additionally, investment activities in Laos and Cambodia continued to be effective with profits far exceeding the plan, contributing more than 2,000 billion VND to the overall profit of the entire system.

These achievements, along with the promotion of ESG standards and the sustainable forest management roadmap, have affirmed the key position of VRG, creating a solid premise for the period of green development and deep integration from 2026–2030.



Activities of the Board of Directors

Information regarding the meetings of the BOD in 2025

No.	Member of BOD	Number of meetings attended	Attendance rate	Reasons for absence
1	Mr. Tran Cong Kha	04/04	100%	
2	Mr. Le Thanh Hung	04/04	100%	
3	Mr. Ha Van Khuong	04/04	100%	
4	Mr. Do Huu Phuoc	04/04	100%	
5	Mr. Nguyen Dong Phong	03/04	75%	Busy with work
6	Mr. Nguyen Hay	04/04	100%	
7	Mr. Truong Minh Trung	00/00	0%	Appointed as BOD member on Nov 05, 2025
8	Ms. Huynh Thi Cam Hong	00/00	0%	Appointed as BOD member on Nov 05, 2025

Activities of the Board of Directors: The Group has not yet established sub-committees under the BOD.



Supervisory activities of the BOD towards the Board of Management

Based on the Charter and Corporate Governance Regulations of the Group, the Board of Directors has performed supervision of the General Director and the Board of Management in organizing the management of production and business activities and implementing Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

According to the assessment of the Board of Directors, the activities of the General Director and the Board of Management during the process of implementing the business production plan were consistent with the Resolutions of the General Meeting of Shareholders, Resolutions of the Board of Directors, actual market conditions, and in compliance with legal regulations.

Key business production indicators in 2025

Unit: billion VND		
No.	Indicator	Year 2025
1	Total revenue and other income	32,431
2	Profit before tax	7,107
3	Budget contribution	4,977

According to the 2025 Consolidated Audited Financial Statements

Activities of sub-committees under the Board of Directors: None



Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
1	01/NQ-HĐQTCSVN	13/01/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
2	02/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
3	03/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
4	04/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
5	05/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
6	06/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
7	07/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
8	08/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
9	09/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
10	10/NQ-HĐQTCSVN	24/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	71.43%
11	11/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
12	12/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
13	13/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
14	14/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
15	15/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
16	16/NQ-HĐQTCSVN	10/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
17	17/NQ-HĐQTCSVN	10/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
18	18/NQ-HĐQTCSVN	19/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
19	19/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
20	20/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
21	21/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
22	22/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
23	23/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
24	24/NQ-HĐQTCSVN	24/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
25	25/NQ-HĐQTCSVN	25/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
26	26/NQ-HĐQTCSVN	27/02/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
27	27/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
28	28/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
29	29/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
30	30/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
31	31/NQ-HĐQTCSVN	06/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
32	32/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
33	33/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
34	34/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
35	35/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
36	36/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
37	37/NQ-HĐQTCSVN	12/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
38	38/NQ-HĐQTCSVN	13/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
39	39/NQ-HĐQTCSVN	13/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
40	40/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
41	41/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
42	42/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
43	43/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
44	44/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
45	45/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
46	46/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
47	47/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
48	48/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
49	49/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
50	50/NQ-HĐQTCSVN	19/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
51	51/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
52	52/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
53	53/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
54	54/NQ-HĐQTCSVN	24/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
55	55/NQ-HĐQTCSVN	24/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	57.14%
56	56/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
57	57/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
58	58/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
59	59/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
60	60/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
61	61/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
62	62/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
63	63/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
64	64/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Q1/2025 Board of Directors' Meeting Resolution	85.71%
65	65/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
66	66/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
67	67/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
68	68/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
69	69/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
70	70/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
71	71/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
72	72/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
73	73/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
74	74/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
75	75/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
76	76/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
77	77/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on extension of time, content, format, and expected time of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders	85.71%
78	78/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
79	79/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
80	80/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
81	81/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
82	82/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
83	83/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
84	84/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
85	85/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
86	86/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
87	87/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
88	88/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
89	89/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
90	90/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
91	91/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
92	92/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
93	93/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
94	94/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
95	95/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
96	96/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
97	97/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
98	98/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
99	99/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
100	100/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
101	101/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
102	102/NQ-HĐQTCSVN	25/04/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
103	103/NQ-HĐQTCSVN	28/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
104	104/NQ-HĐQTCSVN	28/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
105	105/NQ-HĐQTCSVN	06/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
106	106/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
107	107/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
108	108/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
109	109/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
110	110/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
111	111/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
112	112/NQ-HĐQTCSVN	09/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
113	113/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	71.43%

Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
114	114/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
115	115/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
116	116/NQ-HĐQTCSVN	15/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
117	117/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
118	118/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
119	119/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
120	120/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
121	121/NQ-HĐQTCSVN	20/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
125	125/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
126	126/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
127	127/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
128	128/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
129	129/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
130	130/NQ-HĐQTCSVN	28/05/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
131	131/NQ-HĐQTCSVN	03/06/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
132	132/NQ-HĐQTCSVN	03/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
133	133/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
134	134/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
135	135/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
136	136/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
137	137/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
138	138/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
139	139/NQ-HĐQTCSVN	09/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
140	140/NQ-HĐQTCSVN	09/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
141	141/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
142	142/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
143	143/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
144	144/NQ-HĐQTCSVN	13/06/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
145	145/NQ-HĐQTCSVN	16/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	71.43%
146	146/NQ-HĐQTCSVN	17/06/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
147	149/NQ-HĐQTCSVN	19/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
148	150/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
149	151/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
150	152/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
151	153/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
152	154/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
153	155/NQ-HĐQTCSVN	23/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
154	156/NQ-HĐQTCSVN	23/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
155	157/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
156	158/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%

Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
157	159/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
158	160/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
159	161/NQ-HĐQTCSVN	26/06/2025	Resolution of the Q2/2025 meeting	100%
160	162/NQ-HĐQTCSVN	26/06/2025	Resolution on personnel affairs	100%
161	162A/NQ-HĐQTCSVN	27/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
162	163/NQ-HĐQTCSVN	30/06/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
163	164/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
164	165/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
165	166/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
166	167/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
167	168/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
168	169/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
169	170/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
170	171/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
171	172/NQ-HĐQTCSVN	04/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	85.71%
172	173/NQ-HĐQTCSVN	08/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
173	174/NQ-HĐQTCSVN	08/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
174	175/NQ-HĐQTCSVN	14/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
175	176/NQ-HĐQTCSVN	16/07/2025	Resolution on personnel affairs	100%
176	177/NQ-HĐQTCSVN	16/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
177	178/NQ-HĐQTCSVN	16/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
178	179/NQ-HĐQTCSVN	16/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	83.33%
179	180/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
180	181/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
181	182/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
182	183A/NQ-HĐQTCSVN	18/07/2025	Resolution on personnel affairs	100%
183	183/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
184	184/NQ-HĐQTCSVN	21/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
185	185/NQ-HĐQTCSVN	24/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
186	186/NQ-HĐQTCSVN	24/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
187	187/NQ-HĐQTCSVN	24/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
188	188/NQ-HĐQTCSVN	25/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
189	189/NQ-HĐQTCSVN	25/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
190	190/NQ-HĐQTCSVN	25/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
191	191/NQ-HĐQTCSVN	28/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
192	192/NQ-HĐQTCSVN	29/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
193	193/NQ-HĐQTCSVN	29/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
194	194/NQ-HĐQTCSVN	29/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%
195	195/NQ-HĐQTCSVN	29/07/2025	Resolution on personnel affairs	100%
196	196/NQ-HĐQTCSVN	30/07/2025	Resolution on business and production activities - Obtaining opinions in writing	100%

Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
197	197/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
198	198/NQ-HĐQTCSVN	04/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
199	199/NQ-HĐQTCSVN	04/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
200	200/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	83.33%
201	201/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
202	202/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
203	203/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
204	204/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
205	205/NQ-HĐQTCSVN	06/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
206	206/NQ-HĐQTCSVN	08/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
207	207/NQ-HĐQTCSVN	08/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
208	208/NQ-HĐQTCSVN	08/08/2025	Resolution on personnel affairs	100%
209	209/NQ-HĐQTCSVN	12/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
210	210/NQ-HĐQTCSVN	13/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
211	211/NQ-HĐQTCSVN	13/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
212	212/NQ-HĐQTCSVN	14/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	83.33%
213	213/NQ-HĐQTCSVN	18/08/2025	Resolution on personnel affairs	100%
214	214/NQ-HĐQTCSVN	20/08/2025	Resolution on personnel affairs	100%
215	215/NQ-HĐQTCSVN	21/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
216	216/NQ-HĐQTCSVN	22/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
217	217/NQ-HĐQTCSVN	22/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
218	218/NQ-HĐQTCSVN	26/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
219	219/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
220	220/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
221	221/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
222	222/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
223	223/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
224	224/NQ-HĐQTCSVN	29/08/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
225	225/NQ-HĐQTCSVN	05/09/2025	Resolution on personnel affairs	100%
226	226/NQ-HĐQTCSVN	08/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
227	227/NQ-HĐQTCSVN	09/09/2025	Resolution on personnel affairs	100%
228	228/NQ-HĐQTCSVN	09/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
229	229/NQ-HĐQTCSVN	09/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
230	230/NQ-HĐQTCSVN	10/09/2025	Resolution of the meeting	100%
231	231/NQ-HĐQTCSVN	12/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
232	232/NQ-HĐQTCSVN	12/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
233	233/NQ-HĐQTCSVN	15/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
234	234/NQ-HĐQTCSVN	17/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
235	235/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
236	236/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%

Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
237	237/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
238	238/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	Resolution on personnel affairs	100%
239	239/NQ-HĐQTCSVN	19/09/2025	Resolution on the organization of the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders	100%
240	240/NQ-HĐQTCSVN	22/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
241	241/NQ-HĐQTCSVN	22/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
242	242/NQ-HĐQTCSVN	22/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
243	243/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
244	244/NQ-HĐQTCSVN	26/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
245	245/NQ-HĐQTCSVN	26/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
246	246/NQ-HĐQTCSVN	29/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
247	247/NQ-HĐQTCSVN	29/09/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
248	248/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	Resolution on personnel affairs	100%
249	249/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
250	250/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
251	251/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
252	252/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
253	253/NQ-HĐQTCSVN	01/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
254	254/NQ-HĐQTCSVN	02/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
255	255/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2025	Resolution on personnel affairs	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
256	256/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
257	257A/NQ-HĐQTCSVN	06/10/2025	Resolution on personnel affairs	100%
258	257/NQ-HĐQTCSVN	06/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
259	258/NQ-HĐQTCSVN	09/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
260	259/NQ-HĐQTCSVN	10/10/2025	Resolution on the approval of the meeting time and documents for the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders	100%
261	260/NQ-HĐQTCSVN	10/10/2025	Resolution on personnel affairs	100%
262	261/NQ-HĐQTCSVN	10/10/2025	Resolution of the Q3/2025 meeting	100%
263	262/NQ-HĐQTCSVN	15/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
264	263/NQ-HĐQTCSVN	15/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
265	264/NQ-HĐQTCSVN	15/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
266	265/NQ-HĐQTCSVN	15/10/2025	Resolution on personnel affairs	100%
267	266/NQ-HĐQTCSVN	17/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
268	267/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
269	268/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
270	269/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
271	270/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
272	271/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
273	272/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
274	273/NQ-HĐQTCSVN	27/10/2025	Resolution on the 2024 cash dividend payment by the Board of Directors of Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company	100%

Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
275	274/NQ-HĐQTCSVN	27/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
276	275/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
277	276/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
278	277/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
279	278/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	Resolution on personnel affairs	100%
280	279/NQ-HĐQTCSVN	28/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
281	280/NQ-HĐQTCSVN	29/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
282	281/NQ-HĐQTCSVN	30/10/2025	Resolution on personnel affairs	100%
283	282/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
284	283/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	83.33%
285	284/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
286	285/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2025	Resolution on personnel affairs	100%
287	286/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
288	289/NQ-HĐQTCSVN	07/11/2025	Resolution on personnel affairs	100%
289	290/NQ-HĐQTCSVN	07/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
290	291/NQ-HĐQTCSVN	11/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
291	292/NQ-HĐQTCSVN	14/11/2025	Resolution on personnel affairs	100%
292	293/NQ-HĐQTCSVN	17/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
293	294/NQ-HĐQTCSVN	19/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
294	295/NQ-HĐQTCSVN	19/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
295	296/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
296	297/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
297	298/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
298	299/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
299	300/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
300	301/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
301	302/NQ-HĐQTCSVN	21/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
302	303/NQ-HĐQTCSVN	21/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
303	304/NQ-HĐQTCSVN	21/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
304	305/NQ-HĐQTCSVN	25/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
305	306/NQ-HĐQTCSVN	25/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
306	307/NQ-HĐQTCSVN	25/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
307	308/NQ-HĐQTCSVN	27/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
308	309/NQ-HĐQTCSVN	27/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
309	310/NQ-HĐQTCSVN	27/11/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
310	311/NQ-HĐQTCSVN	01/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
311	312/NQ-HĐQTCSVN	01/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
312	313/NQ-HĐQTCSVN	01/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
313	314/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
314	315/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%

Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
315	316/NQ-HĐQTCSVN	03/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
316	317/NQ-HĐQTCSVN	03/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
317	318/NQ-HĐQTCSVN	03/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
318	319/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
319	320/NQ-HĐQTCSVN	05/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
320	321/NQ-HĐQTCSVN	08/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
321	322/NQ-HĐQTCSVN	10/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
322	323/NQ-HĐQTCSVN	10/12/2025	Resolution on personnel affairs	100%
323	324/NQ-HĐQTCSVN	11/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
324	325/NQ-HĐQTCSVN	15/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
325	326/NQ-HĐQTCSVN	15/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
326	327/NQ-HĐQTCSVN	15/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
327	328/NQ-HĐQTCSVN	16/12/2025	Resolution on personnel affairs	100%
328	329/NQ-HĐQTCSVN	16/12/2025	Resolution on personnel affairs	100%
329	330/NQ-HĐQTCSVN	19/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
330	331/NQ-HĐQTCSVN	22/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
331	332/NQ-HĐQTCSVN	23/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
332	333/NQ-HĐQTCSVN	24/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
333	334/NQ-HĐQTCSVN	25/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
334	335/NQ-HĐQTCSVN	25/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
335	336/NQ-HĐQTCSVN	25/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
336	337/NQ-HĐQTCSVN	25/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
337	338/NQ-HĐQTCSVN	26/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
338	339/NQ-HĐQTCSVN	29/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
339	340/NQ-HĐQTCSVN	29/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
340	341/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
341	342/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
342	343/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
343	344/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
344	345/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
345	346/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	87.50%
346	347/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
347	348/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
348	349/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
349	350/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
350	351/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
351	352/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
352	353/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
353	354/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
354	355/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
355	356/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
356	357/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%

ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS IN 2025

In 2025, the Board of Supervisors conducted 06 meetings as regulated, specifically

No.	Member of BOS	Number of at- tended meet- ings	Meeting at- tendance rate	Voting rate	Reason for absence
1	Mr. Nguyen Van Cuong	01/01	100%	100%	Appointed on Nov 05, 2025
2	Mr. Pham Van Hoi Em	05/05	100%	100%	Dismissed on Nov 05, 2025
3	Mr. Vo Van Tuan	06/06	100%	100%	
4	Mr. Nguyen Minh Duc	06/06	100%	100%	

Status of Duty Performance in 2025

In 2025, the Board of Supervisors performed its duties in accordance with the Group’s Charter of Organization and Operation and current legal regulations as follows:

- Fully participated in meetings of the Board of Directors (BOD), briefing meetings of the Group Leadership to stay informed about business performance and investment activities. Thereby, the Board provided opinions and recommendations to the BOD and General Director within its scope of responsibilities and authorities.
- Appraised the Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements for the year 2025 of the Vietnam Rubber Group – Joint Stock Company..

Supervision of Board of Directors and Board of Management Activities

- During the process of supervising the activities of the Group’s Board of Directors in 2025, the Board of Supervisors assessed that the BOD consistently and fully complied with all regulations in leadership, ensuring production and business efficiency.
- The BOD organized and maintained regular meetings as regulated. During these meetings, BOD members participated fully, worked with a high sense of responsibility to issue timely resolutions and decisions to orient and direct production, business, and investment in accordance with the Resolutions of the General Meeting of Shareholders.
- The BOD directed the successful organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders on June 17, 2025, and the Extraordinary General Meeting of Shareholders on November 05, 2025, in compliance with the Charter and legal regulations.
- The General Director fully implemented regular and ad-hoc briefing meetings to direct production, business, investment, and other activities promptly, fully, and decisively. The Board of Management strictly implemented the Resolutions of the BOD and current legal regulations.
- The Group performed information disclosure in accordance with current regulations, ensuring timeliness and accuracy.

Coordination between the Board of Supervisors and the BOD, Board of Management, and other managers:

- In 2025, the Board of Directors and the Board of Management created favorable conditions for the Board of Supervisors to perform its activities. The Board of Supervisors attended all meetings of the BOD and meetings of the Group Leadership, while providing opinions on policies and decisions of the BOD and the Board of Management to ensure those policies were legal and protected the best interests of the Group.
- The Board of Supervisors provided opinions to ensure the management process was carried out in the right direction according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders.

Other activities of the Board of Supervisors: in addition to the above, in 2025, the Board of Supervisors also performed the following:

- Supervised the formulation and assignment of the 2025 plan for the Group and its units; appraised the 2024 Separate and Consolidated Financial Statements of the Parent Company – Group; appraised the 2024 Activity Report of the Board of Supervisors to present at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders; supervised the organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders and the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders of the Parent Company – Group; appraised the 2025 mid-year Separate and Consolidated Financial Statements.
- Inspected production and business activities at several member units of the Group, including: Cao Su Mechanical JSC; Tay Ninh Rubber JSC; Geruco Song Con Hydropower JSC; LLC Rubber Thanh Hoa Co., Ltd.; the implementation of the Development Strategy of Vietnam Rubber Group until 2030 and vision to 2035; the production, business, and development investment plan until the end of 2025 of the Vietnam Rubber Group.



Recommendations and Operational Orientations of the Board of Supervisors for 2026

Recommendations

- Continue to direct the handling of liabilities originating from the acquisition of Vietnam Rubber Finance One Member Co., Ltd., and other liabilities as performed in the past period in accordance with legal regulations to recover debts for the enterprise.
- Continue to direct and supervise several member units with inefficient operations, support units in improving financial management capacity toward efficient operations. Direct member units to supervise and handle projects with no efficiency or low efficiency according to regulations.
- Continue to direct member units to manage investment efficiency in accordance with the Group's regulations. Strengthen inspection and supervision of investment implementation, bidding, and regular procurement at member units to ensure compliance with legal regulations on investment, bidding, and other relevant regulations.
- Continue to direct the review, amendment, and supplementation of the Group's internal corporate governance regulations and direct member units to review and adjust their Charters and internal corporate governance regulations as prescribed by law, ensuring unified, valid, and efficient application in accordance with current legal regulations.

Operational Orientations for 2026

- Supervise the implementation and compliance with the Group's Charter of Organization and Operation.
- Supervise the implementation of the Resolution of the General Meeting of Shareholders; the implementation of the 2026 production and business plan.
- Supervise the formulation of the investment plan and registration of production and business performance indicators of the Group for 2026.
- Prepare the 2025 activity report and the 2026 activity plan of the Board of Supervisors to submit to the General Meeting of Shareholders for approval and implementation.
- Appraise the 2025 Financial Statements and the 2026 Mid-year Financial Statements as regulated.
- Inspect and supervise the implementation of the 2025 and 2026 production and business activity plans of the Group and several member units.
- Other matters when necessary.

Transactions, Remuneration, and Benefits of the Board of Directors, Board of Management, and Board of Supervisors

Unit: VND

No.	Full name	Position	Remuneration
I BOARD OF DIRECTORS			
1	Mr. Tran Cong Kha	Chairman of the BOD	1,746,183,108
2	Mr. Le Thanh Hung	Member of the BOD cum General Director	1,546,730,815
3	Mr. Ha Van Khuong	Member of the BOD	1,421,891,959
4	Mr. Nguyen Hay	Independent Member of the BOD	142,189,196
5	Mr. Do Huu Phuoc	Member of the BOD - Deputy General Director	1,421,891,959
6	Mr. Nguyen Dong Phong	Independent Member of the BOD	142,189,196
7	Mr. Truong Minh Trung	Member of the BOD cum Deputy General Director	1,303,400,963
8	Ms. Huynh Thi Cam Hong	Member of the BOD	23,698,199
II BOARD OF MANAGEMENT			
1	Mr. Tran Thanh Phung	Deputy General Director	1,279,702,763
2	Mr. Pham Hai Duong	Deputy General Director	1,279,702,763
3	Mr. Tran Nhu Hung	Deputy General Director	213,283,794
4	Mr. Pham Van Hoi Em	Deputy General Director	1,418,981,654
5	Mr. Le Dinh Buu Tri	Deputy General Director (Dismissed on Sep 15, 2025)	959,777,073
6	Mr. Huynh Kim Nhut	Deputy General Director (Dismissed on Sep 15, 2025)	959,777,073
III BOARD OF SUPERVISORS			
1	Mr. Nguyen Van Cuong	Full-time Supervisor	236,981,993
2	Mr. Nguyen Minh Duc	Supervisor	142,189,196
3	Mr. Vo Van Tuan	Supervisor	142,189,196



RISK MANAGEMENT

Risk management is one of the most regular and vital activities of an enterprise, especially in today's highly competitive and volatile environment. Vietnam Rubber Group operates as a multi-industry and multi-sector conglomerate, with a broad presence across various locations, including overseas markets, and holds a significant domestic market share for several products. Consequently, there are potential risks inherently linked to the specific characteristics of each industry, territory, and economic condition. The following risk groups are classified and assessed as having a major impact on the Group's sustainable development and long-term business strategy; therefore, they are subject to intensive monitoring, regular supervision, and the implementation of appropriate risk prevention and management measures.

ESTABLISH

MANAGEMENT

IMPLEMENT

GUARANTEE

RISK	RISK IDENTIFICATION	RISK ASSESSMENT, MONITORING AND MANAGEMENT
ECONOMIC - MARKET RISK		
 Economic Growth and Consumption Demand	» Inflation shows signs of cooling down, varying across countries globally, with major central banks shifting to easing monetary policies through series of interest rate cuts. » Global economic recovery is expected to occur faster than previously predicted with an estimated GDP growth of 3.2%, though still influenced by prolonged geopolitical risks. » Global natural rubber demand in 2025 is projected to grow by approximately 3-4% compared to 2024, thanks to the recovery of automobile and tire production and high demand from China. However, the rubber industry still faces challenges from uneven economic growth and average global inflation of 4.2% (IMF Oct 10/2025).	» Monitor and analyze macro-economic developments domestically and internationally to develop appropriate operational scenarios to ensure production and business activities are stable and continuous, minimizing adverse market impacts. » Conduct research and assess fluctuations in raw material prices; regularly update market information to enhance proactiveness in planning, cost estimation, bidding for projects, and organizing orders and supplies, contributing to improving the efficiency of production and business activities.
	» Rubber prices on the global and Vietnamese markets continue to maintain a recovery trend in 2025, after a strong increase in 2024. Supply is strictly controlled while demand is increasing from major consuming markets like China, India, and parts of the US as the automobile and tire industries recover. » Natural rubber prices in 2024 were influenced by key factors: (1) Global economic growth slowed down; (2) Geopolitical tensions escalated; (3) Tight monetary policies of major countries; (4) Changes in global natural rubber supply-demand balance; (5) Strong fluctuations in oil prices; (6) Unfavorable weather and diseases on rubber trees in some areas.	» Enhance construction capacity and techniques, optimize inputs for digital transformation projects to manage costs and increase competitive advantage. » Promote the expansion of urban and infrastructure sectors by utilizing the project portfolio and the Group's network of relationships.
 Fluctuations in Input Material Prices	» Changes in the monetary policy of the US Federal Reserve (Fed) with interest rate cuts, along with Vietnam's stable macro-economic situation, have supported the Group's strong export growth. » Flexible monetary policy shifting towards easing, along with cooling inflation, has lowered borrowing costs for VRG, especially for foreign currency loans. Despite improved borrowing costs, global exchange rate fluctuations still need careful monitoring to ensure the Group's financial efficiency.	» Consider reasonable use of financial leverage, maintain a manageable Debt-to-Equity ratio amidst the easing interest rate environment. » Build strategic relationships with a diverse range of domestic and international credit institutions, utilizing flexible capital mobilization channels. » Actively assess the financial health and liquidity of projects and interest rate fluctuations to promptly adjust prevention strategies.
 Financial and Exchange Rate Risks		

RISK	RISK IDENTIFICATION	RISK ASSESSMENT, MONITORING AND MANAGEMENT
BUSINESS OPERATIONS RISKS		
 Legal and Policy Risk	VRG operates as a multi-industry, multi-field conglomerate across many domestic and international locations; therefore, the Group continues to face risks from legal changes, especially in the context of deep international economic integration in 2025: » Land and environment management: Increasingly stringent regulations on land management, land-use conversion to industrial parks, and environmental protection, accompanied by ESG (Environmental - Social - Governance) requirements from international partners. » Sustainable development standards and forest certification: FSC, PEFC certifications and sustainable standards become mandatory requirements to access European and US export markets, especially for wood and rubber. » International trade policies: EVFTA, CPTPP, VPA/FLEGT require stricter traceability, green product certification, while US-China trade tensions affect global supply chains. » FDI inflows: FDI enterprises are more cautious with investment plans in Vietnam due to US trade policy adjustments, competition from India, Indonesia, and localization requirements.	» Establish and consolidate the Legal Department to advise on legal strategies for the leadership, issue internal regulations ensuring compliance with laws and effective business operations. » Organize regular training on new legal policies, internal procedures, and international standards (ISO, ESG) to control comprehensive compliance risks.
	» In 2025, VRG faces increasingly severe climate change risks as Vietnam is among the group of countries most affected globally. Key rubber areas in the Central Highlands and Southeast region recorded record heatwaves and prolonged droughts combined with severe saltwater intrusion, significantly reducing rubber latex yield and affecting crop quality. Unusual heavy rains, flash floods, and landslides in mountainous areas caused damage to gardens, internal transport roads, and processing infrastructure. The number and intensity of storms and superstorms are increasing, threatening coastal industrial parks and the Group's processing plants. » Additionally, the impact of drought and disease on rubber trees remains complex and difficult to predict. Types of harmful pests on rubber trees, such as powdery mildew and leaf fall, tend to increase and cause more severe damage in recent years.	» Conduct research and analysis to determine the level of climate change risk for production activities. » Apply sustainable agricultural methods to enhance crop resilience and mitigate the adverse impacts of extreme weather conditions. » Closely monitor weather forecasts, promptly evacuate laborers in areas at risk of flash floods/landslides; stop tapping, operate drainage systems proactively. » Rapidly evaluate damage, mobilize resources to restore gardens and infrastructure; prevent diseases after floods and support livelihoods for affected laborers.
 Climate risk		

06

SUSTAINABLE DEVELOPMENT REPORT

Sustainable Development Message

Sustainable Development Goals

Sustainable Development Criteria

Sustainable Development Strategy

Engaging stakeholders





SUSTAINABLE DEVELOPMENT MESSAGE

“With the goal of pursuing sustainable development—achieving economic growth, ensuring environmental sustainability, and promoting social equity—while contributing to the development of a low-carbon economy, reducing emissions, and enhancing greenhouse gas absorption”

As an enterprise operating in the agricultural sector with a focus on planting and developing natural rubber trees, while also investing in the development of industrial parks according to green and sustainable orientations, the Group clearly recognizes that all production-business activities have certain impacts on the natural environment, social life, and local communities. Responsibility to society and the environment is therefore considered by the Group as a consistent factor in the process of planning and implementing its development strategy.

Stemming from this awareness, the Group defines sustainable development as a long-term goal, aiming for effective economic growth associated with environmental protection and ensuring social equity. Through responsible production-business activities, the Group aims to contribute to building a low-carbon economy, reducing emissions, and increasing the capacity to absorb greenhouse gases, in line with global green and sustainable development trends.

With the mission of creating sustainable value from nature, the Group constantly strives to contribute positively to society, accompanying the community in improving the quality of life, towards a harmonious and long-term development model in the areas where the Group is present. On that foundation, the Group is committed to implementing its sustainable development strategy consistently, through the following key activity groups:

First, improve the efficiency of resource exploitation and utilization: The Group promotes the application of modern technology in rubber tree cultivation, while prioritizing the use of renewable energy sources such as solar energy and biomass energy. The optimization of land, water, and natural resource utilization is implemented synchronously to minimize impacts on the ecosystem and improve resource utilization efficiency in the long term.

Second, develop Industrial Parks based on green and smart models: As an Industrial Park developer, the Group aims to build Industrial Parks that meet international standards, focusing on environmental protection and integrating smart management solutions for energy use, waste treatment, and technical infrastructure, thereby ensuring a balance of interests between investors, local communities, and the surrounding environment.

Third, strengthen environmental protection throughout the entire value chain: The Group continuously improves its wastewater and solid waste treatment systems, gradually reduces greenhouse gas emissions, and expands the application of clean energy from cultivation and processing to industrial production and Industrial Park operations, aiming for the goal of developing a low-carbon economy.

Fourth, engage and accompany the local community: The Group actively implements community support programs, from forest protection and ecosystem preservation to education, healthcare, and improving the quality of life for people in production and investment areas, thereby spreading the value of sustainable development in a practical and long-term manner.

Fifth, maintain open dialogue with stakeholders: The Group focuses on building and maintaining regular dialogue channels with authorities, residents, customers, and partners to timely receive feedback and adjust development strategies to align with community expectations and sustainable development requirements in each period.



SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS

To meet the national sustainable development goals as committed to the United Nations 2030 Agenda, while complying with the National Strategy on Green Growth for the 2021–2030 period with a vision to 2050, the Vietnam Rubber Group implements its production and business activities based on the Group's Green Growth and Sustainable Development Strategy for the 2023–2030 period, with a vision to 2050. Through this, the Group aims for efficient economic growth associated with environmental protection and social equity, contributing to building a low-carbon economy, reducing greenhouse gas emissions, and increasing carbon sequestration capacity.

Based on the aforementioned strategic orientation, the Group focuses on implementing the following key objectives:

- Continue to synchronously implement solutions to reduce greenhouse gas emission intensity, improving energy and resource efficiency throughout the entire value chain;
- Promote the development and use of clean energy and renewable energy, gradually shifting to low-carbon production and operational models;
- Maintain and implement sustainable forest management certificates according to the VFCS/PEFC-FM system, while implementing the PEFC-CoC Chain of Custody certification to ensure transparency and traceability;
- Implement the Sustainable Enterprise certification in Vietnam, while continuing to build and implement the Roadmap for reconnection with the Forest Stewardship Council (FSC);
- Monitor, guide, and support member units in implementing solutions to adapt to the EUDR Regulation, meeting the requirements of international market integration;
- Continue to research, advise, and implement contents related to carbon credits, moving towards the commercialization of carbon credits from rubber tree forests;
- Strengthen cooperation with non-governmental organizations (NGOs) to promote community connection, gender equality, and social development in the workplace;
- Promote communication work, raise awareness about the Group's Green Growth and Sustainable Development Strategy, and implement specific solutions to improve economic efficiency associated with sustainable development goals.

SUSTAINABLE DEVELOPMENT CRITERIA



No.	UN and Vietnam's Sustainable Development Goals (SDGs) to 2030	VRG's commitment to implementing SDGs
	End poverty in all its forms everywhere	Ensure employees' wages and income are higher than the regional minimum wage as stipulated by national regulations
	End hunger, ensure food security, improve nutrition, and promote sustainable agriculture	Ensure no employees suffer from hunger. Implement sustainable production processes and responsible investment to increase productivity and improve income. Create conditions for crop diversification and develop agroforestry to contribute to food security for employees and local communities. Strengthen research, application, and dissemination of scientific and technological advances; use appropriate varieties and techniques capable of climate change resilience without losing biodiversity or genetic diversity to continuously create advanced rubber tree varieties; improve soil with eco-friendly solutions; and avoid the use of banned chemicals. Support smallholder rubber farmers through training, purchasing latex at competitive prices, and applying contracts in production and consumption in accordance with laws and sustainable development policies. Mitigate risks from price and market fluctuations. Achieve certifications for sustainable development and responsible investment, ensuring quality and reputation in trade.

	Ensure healthy lives and promote well-being for all at all ages	All employees receive periodic health check-ups, timely medical treatment, and guidance on disease prevention. Ensure employees receive full benefits as per the law. Support employees' family members in disease prevention and treatment. Contribute to building health stations and hospitals in project areas for employees and local communities. Properly manage all types of waste; avoid environmental pollution. Provide training and full equipment to ensure occupational safety. Products are safe for users.
	Ensure inclusive and equitable quality education and promote lifelong learning opportunities for all	Provide training for employees to perform work well and increase productivity. Create conditions for lifelong learning to improve work skills and integrate with social changes and sustainable development trends. Create conditions for, contribute to, and encourage learning for employees' children.
	Achieve gender equality; empower all women and girls	No gender discrimination in recruitment, salary, rewards, discipline, or training policies; ensure female employees' rights as per the law. Ensure full and effective participation of women and equal opportunities for leadership at all levels. Enhance technology and equipment to facilitate work assigned to women. Do not use Minor labor.
	Ensure availability and sustainable management of water and sanitation for all	Create safe and affordable clean water sources for employees, paying attention to the needs of women and vulnerable groups. Do not harm water quality (no dumping of waste, chemicals, or toxic materials into water sources). Conserve water, treat wastewater according to national standards, and significantly reuse water. Protect water sources through ecosystem restoration (forests, rivers, streams, groundwater, reservoirs, etc.). Connect with local communities to maintain, improve, and manage clean water sources.
	Ensure access to affordable, reliable, sustainable, and modern energy for all	Strengthen the application of clean, renewable, efficient, and sustainable energy (prioritizing the use of biomass energy to replace fossil fuels, etc., and promoting the installation of rooftop solar power) at affordable prices in the supply chain and for the daily lives of employees' families.
	Promote sustained, inclusive, and sustainable economic growth; provide full and productive employment and decent work for all	Continuously improve management and techniques to create high productivity, added value, and sustainability for rubber forests, factories, and employees with income levels higher than the industry average in the region. Eliminate all forms of forced labor and Minor labor. Ensure employees' rights in accordance with the law and International Labour Organization (ILO) Conventions.



Build resilient infrastructure, promote inclusive and sustainable industrialization, and foster innovation

Ensure infrastructure projects are of high quality, sustainable, environmentally friendly, highly resilient, timely repaired, and used fairly and reasonably. Support economic development and collective welfare. Promote industrialization through the development of rubber products and rubber wood products with high added value.



Reduce inequality within society

Ensure equal opportunities, non-discrimination, and apply special treatment principles as prescribed by law. Strengthen community connection and respect the rights of women and vulnerable groups.



Make cities and human settlements inclusive, safe, resilient, and sustainable; ensure a safe living and working environment; and reasonably allocate population and labor by region.

Build and create green spaces for employee housing and workplaces with safe, reasonably priced, appropriately planned, and accessible utility systems that do not cause emissions affecting the environment and surrounding residents.



Ensure sustainable consumption and production patterns

Apply sustainable production processes and best practices as prescribed; limit or avoid burning in rubber forests; monitor and report fires. Research and train for continuous technical improvement. Manage and use natural resources efficiently, be responsible to society and the community, protect the environment, control and limit the use of chemicals, recycle, reuse, promote circular economy, reduce emissions, and treat waste according to regulations. Strive to achieve sustainable certifications from ISO, CSI 100, PEFC FM, PEFC-CoC, FSC, EcoVadis, etc., for natural rubber, rubber wood, and rubber products. Plan and manage rubber area and output via digital maps (GIS). Have sustainable procurement policies consistent with national policies and selective certification systems.



Take urgent action to combat climate change and its impacts

Research continuous improvements in technical processes and rubber varieties that are highly resilient to climate change. Assess risks and develop climate change adaptation plans to mitigate and remedy damage caused by natural disasters.



Conserve and sustainably use the oceans, seas, and marine resources for sustainable development

Participate in supporting activities and communications regarding the conservation and sustainable use of marine resources. Propagate and guide employees to prevent and minimize marine pollution; do not use or consume marine products related to activities harmful to the sea that are prohibited by law.



Protect, restore, and promote sustainable use of terrestrial ecosystems, sustainably manage forests, combat desertification, and halt and reverse land degradation and halt biodiversity loss

Develop and implement sustainable rubber forest management plans, monitor (via GIS), and report on forest management; prevent deforestation, forest loss, and conversion of natural ecosystems since 2015; restore and conserve forests, natural ecosystems, and biodiversity; assess carbon stocks and high conservation values; prohibit hunting, trading, and consumption of illegal forest products. Do not plant rubber or harvest on peatlands at any depth. Protect river and stream corridors. Apply integrated pest management methods. Minimize chemicals and do not use banned chemicals. Suppliers must implement this code. Implement a roadmap to 2030 to have national and international sustainable forest management certificates (VFCS, PEFC, FSC) for all of the Group's rubber areas in Vietnam, Laos, and Cambodia. Assess and report social and environmental impacts as required.



Promote peaceful and inclusive societies for sustainable development, provide access to justice for all, and build effective, accountable, and inclusive institutions at all levels

Participate in supporting the policies and activities of the Government and organizations related to this goal. Prevent corruption and bribery. Build transparent and effective institutions at all levels. Respect the legal and legitimate rights of the community and stakeholders as committed by Vietnam to the United Nations and international conventions (ILO).



Strengthen the means of implementation and revitalize the global partnership for sustainable development

Improve the internal governance system, have a complaint handling process. Develop reports according to national regulations, aiming for reporting according to international standards. Strengthen relationships and cooperation with many domestic and international organizations and experts to mobilize and share knowledge, technology, resources, and enhance capacity to achieve sustainable development goals.

01

Continue to implement solutions to reduce greenhouse gas emission intensity; Promote the development and use of clean energy and renewable energy.

02

Maintain and implement sustainable forest management certificates according to the VFCS/PEFC-FM system and PEFC-CoC Chain of Custody certification; Implement the Sustainable Enterprise certification in Vietnam; Continue to build and implement the Roadmap for reconnection with the Forest Stewardship Council (FSC); Monitor and support member units in implementing activities to adapt to EUDR; Continue to research and advise on the implementation of carbon credits, moving towards the commercialization of carbon credits from rubber tree forests.

03

Continue to cooperate with non-governmental organizations (NGOs) to strengthen community connection and gender equality in the workplace; Continue to raise awareness and communicate about the Group's Green Growth and Sustainable Development Strategy while promoting the implementation of solutions for green growth and sustainable development to improve economic efficiency.



2026 Action Plan

Reduce greenhouse gas emission intensity



The Vietnam Rubber Group (VRG) identifies reducing greenhouse gas emission intensity as a key content in its green growth strategy to realize the Net Zero goal by 2050. To achieve this, the Group focuses on developing renewable energy such as solar power and wind power according to Power Development Plan VIII and researches the application of the Direct Power Purchase Agreement (DPPA) mechanism to provide clean electricity for eco-industrial parks. In parallel, VRG is aggressively implementing the roadmap to achieve sustainable forest management certification (FSC/PEFC) for 100% of rubber areas in key regions, while applying Geographic Information System (GIS) to trace product origin to meet strict regulations such as EUDR. The launch of the "VRG Green" certification mark, along with the promotion of ESG standards, has affirmed the Group's commitment to developing green, low-emission rubber products, thereby enhancing competitiveness and deep integration into the global value chain.

Greening the supply chain



Looking towards the 1st Government Party Congress for the 2025-2030 term, the Vietnam Rubber Group (VRG) is implementing a comprehensive and aggressive plan to green the supply chain to realize the net-zero emissions goal by 2050.

The focus of this strategy is the roadmap to achieve sustainable forest management certification according to national and international forest certification systems for 100% of rubber areas in key regions, combined with the application of Geographic Information System (GIS) and digital technology to monitor production in real-time, ensuring product traceability to strictly meet international regulations such as EUDR.

In addition to launching the "VRG Green" mark to affirm its commitment to developing green and low-emission rubber product lines, the Group is also promoting clean energy transition through solar and wind power projects and researching the application of the Direct Power Purchase Agreement (DPPA) mechanism to build a circular, eco-industrial park model.

In parallel, VRG focuses on investing in science, technology, and comprehensive digital transformation, from researching climate-resilient plant varieties to digitizing smart management and operational processes, to form a sustainable closed-loop value chain and enhance competitiveness in the global market.

2026 Action Plan

Greening the transition process based on the principles of equality, inclusivity, and enhancing resilience



The green transition process at the Vietnam Rubber Group (VRG) is carried out based on the harmony between economic, social, and environmental goals, taking people as the center of development.

The principles of equality and inclusivity are clearly demonstrated through ensuring stable jobs and income for more than 79,000 employees, including a large proportion of women, ethnic minorities, and local workers in Laos and Cambodia, accompanied by social welfare programs worth hundreds of billions of VND to ensure no one is left behind.

At the same time, the Group continuously enhances its resilience to climate change and market fluctuations by promoting research on well-adapted plant varieties, applying IoT, AI technology, and GIS systems to monitor production in real-time and meet international traceability standards such as EUDR.

With a comprehensive digitalization strategy and the construction of a closed-loop value chain, VRG is gradually affirming its key position in realizing the Net Zero commitment by 2050 and contributing sustainably to the community.



Greening the production process



The Vietnam Rubber Group (VRG) is promoting the greening of the production process through the formation of a closed-loop value chain from cultivation and exploitation to deep processing and consumption to optimize resources and reduce carbon emissions.

Processing plants are oriented to gradually shift to using clean energy and automating production lines, while raw material areas are developed according to high-tech agricultural models, applying mechanization and comprehensive digitalization of processes.

In parallel, VRG focuses on managing plantations using Geographic Information System (GIS) to ensure product traceability to meet EUDR standards, while striving to achieve sustainable forest management certification according to national and international forest certification systems for 100% of rubber areas in key regions.

The launch of the “VRG Green” mark along with research activities on climate-resilient plant varieties has affirmed the Group’s commitment to providing sustainable products, increasing added value, and competitive position in the international market.

Table: Savings/reduction target plan for 2026 throughout the Group

No.	Category	Unit	Executed Volume
I SAVINGS/REDUCTION			
1	Electricity consumption savings	kWh	Achieve at least 3,000,000 kWh
2	Fuel consumption savings (DO oil, LPG gas, wood, firewood, etc.)	kg	Achieve at least 600,000 kg
II EMISSION REDUCTION			
4	Savings and reduction of chemicals used	Kg	Achieve at least 200,000 kg
5	Wastewater recycling	%	At least 20% of total consumption
6	Minimize discharge of ordinary solid waste into the environment.	%	At least 20% of total ordinary solid waste discharged into the environment
7	Minimize discharge of hazardous waste (HW) into the environment	%	At least 20% of total hazardous waste discharged into the environment

Building and developing relationships with stakeholders is critically important to the Group's success. For each stakeholder group, the Group adopts different communication approaches, carefully studies their needs, and makes appropriate adjustments to its policies and operations.

The Group's engagement activities with stakeholders

Stakeholder	Interaction method	Topics of interest
SHAREHOLDERS – INVESTORS	» Direct meetings; » GMS; » Website; Mass media; » Other communication channels (Email, Telephone, etc.)	» Sustainable and effective business growth; » Equal treatment and protection of shareholder rights; » Transparent information.
EMPLOYEES	» Employee conference; Sports and skills training programs; » Performance evaluation meetings; » Internal communication channels; » Training;	» Dynamic and professional working environment; » Increased benefits and welfare for employees; » Remuneration policy and promotion opportunities.
INVESTOR	» Direct meetings; » Project bidding process; » Project general contractor contract.	» Corporate reputation; » Product and service quality; » Implementation progress; » Occupational safety; » Construction costs.
CUSTOMERS (END USERS)	Satisfaction surveys;	» Quality delivered to users; » Safety and effectiveness in practical use.
PARTNERS, SUPPLIERS	» Direct meetings; » Procurement regulations; » Cooperation contracts with suppliers.	» Service quality, clear origin of goods; » Equal treatment of partners and suppliers; » Ensure transparency in bidding » Cooperation for mutual development, enhancing competitive advantage.

Stakeholder	Interaction method	Topics of interest
COMMUNITY	Coordinate with local authorities to meet and understand the thoughts and aspirations of local people.	» Create job opportunities, improve income for local people; » Support local economic and infrastructure development.
GOVERNMENT	» Participate in conferences and seminars organized by state agencies; » Participate in industry organizations and associations.	» Implement the Government's development orientations and strategies, actively contribute to the development of the economy, market, and residential community.
BANKS AND CREDIT INSTITUTIONS	» Direct meetings; » Credit contracts.	» Business efficiency; » Repayment capacity to capital providers.
MEDIA	Exchange programs, press cooperation, press releases on Group activities.	» Provide and share information openly, proactively, and regularly so that the press can reflect the Group's activities to the public truthfully and objectively.

Optimize operational efficiency, meeting stakeholder expectations

Regarding Corporate Governance

The Group's Efforts

- » Comply with information disclosure, ensure information is honest, transparent, and accurately reflects the Group's operations and development strategies;
- » Diversify information exchange channels, proactively handle information crises, correct misleading information about the Group in the market, and focus on building a strong and exemplary Group image;
- » Review and improve corporate governance activities according to good market practices;
- » Strengthen the role of internal control, compliance risk management, promote synergy, and improve the efficiency of governance and management.

Results achieved

- » Strictly comply with laws, regulations, and guidelines set forth by functional agencies in all of the Company's activities;
- » No shareholder complaints related to corporate governance;
- » Minimize risks affecting business performance.
- » Optimize operational efficiency, meet the expectations of stakeholders.

Optimize operational efficiency, meeting stakeholder expectations

Regarding Production and Business Activities and product quality

The Group's efforts

- » Implement the Sustainable Forest Management Plan;
- » Promote activities related to social responsibility and environmental protection, strengthen cleaner production solutions, minimize greenhouse gas emissions, use renewable energy, and practice thrift;
- » Diversify products and services to serve customer needs.

Results achieved

- » 20 members were granted Sustainable Forest Management (VFCS/PEFC-FM) certificates for 148,000 ha of rubber forest and were granted PEFC-CoC Chain of Custody certificates for 56 factories (natural rubber processing, wood processing, and rubber industrial products);
- » 44 units applied the ISO 14001 environmental quality management system;
- » 62 wastewater treatment systems reached column A of the National Technical Regulation (QCVN) (of which, 07 systems reached the equivalent of column A of the QCVN according to Cambodian standards)
- » 37 continuous automatic monitoring systems for wastewater treatment systems;
- » 42 companies achieved ISO 9001:2015; 37 companies have laboratories achieving ISO/IEC 17025:2015







AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2025

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

Unit: VND

Code	ASSETS	Note	31/12/2024	31/12/2025
100	A. CURRENT ASSETS		27,670,285,917,606	32,904,606,406,685
110	I. Cash and cash equivalents	03	5,778,855,663,194	8,237,433,366,831
111	1. Cash		3,017,617,559,937	3,524,824,180,222
112	2. Cash equivalents		2,761,238,103,257	4,712,609,186,609
120	II. Short-term financial investments	04	13,952,353,795,617	14,208,075,274,017
121	1. Trading securities		1,163,634,161	1,163,634,161
122	2. Provision for diminution in value of trading securities		(68,237,000)	(68,237,000)
123	3. Held-to-maturity investments		13,951,258,398,456	14,206,979,876,856
130	III. Short-term receivables		2,539,074,723,889	2,448,687,340,505
131	1. Short-term trade receivables	05	1,548,547,265,059	1,545,717,198,992
132	2. Short-term prepayments to suppliers	06	354,480,392,462	277,167,608,712
135	3. Short-term lending receivables	07	8,048,249,000	7,748,249,000
136	4. Other short-term receivables	08	916,345,560,357	936,343,131,566
137	5. Provision for short-term doubtful debts		(355,597,946,855)	(393,693,384,568)
139	6. Shortage of assets awaiting resolution	09	67,251,203,866	75,404,536,803
140	IV. Inventories	11	4,351,510,470,326	6,667,948,094,131
141	1. Inventories		4,373,924,132,656	6,696,643,361,768
149	2. Provision for devaluation of inventories		(22,413,662,330)	(28,695,267,637)
150	V. Other short-term assets		1,048,491,264,580	1,342,462,331,201
151	1. Short-term prepaid expenses	17	77,300,511,797	58,658,743,138
152	2. VAT deductible		566,535,714,641	583,881,360,428
153	3. Taxes and other receivables from the State budget	22	404,655,038,142	699,922,227,635

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

Unit: VND

Code	ASSETS	Note	31/12/2024	31/12/2025
200	B. NON - CURRENT ASSETS		55,713,396,594,398	53,377,855,084,175
210	I. Long-term receivables		607,786,542,911	500,346,800,124
212	1. Long-term prepayments to suppliers	06	3,049,584,972	2,857,884,972
215	2. Long-term lending receivables	07	787,511,137,957	764,008,700,083
216	3. Other long-term receivables	08	214,871,963,977	134,647,684,494
219	4. Provision for long-term doubtful debts (*)		(397,646,143,995)	(401,167,469,425)
220	II. Fixed assets		35,337,155,884,690	35,218,015,322,637
221	1. Tangible fixed assets	13	35,216,722,037,923	35,103,249,769,220
222	- Historical cost		58,319,330,687,217	60,750,581,425,614
223	- Accumulated depreciation		(23,102,608,649,294)	(25,647,331,656,394)
224	2. Finance lease fixed assets	14	975,132,667	826,328,791
225	- Historical cost		3,101,449,158	3,101,449,158
226	- Accumulated depreciation		(2,126,316,491)	(2,275,120,367)
227	3. Intangible fixed assets	15	119,458,714,100	113,939,224,626
228	- Historical cost		217,248,371,299	213,028,281,634
229	- Accumulated amortization		(97,789,657,199)	(99,089,057,008)
230	III. Investment properties	16	1,286,697,181,872	1,264,547,270,595
231	- Historical cost		2,340,289,970,664	2,482,753,187,421
232	- Accumulated depreciation		(1,053,592,788,792)	(1,218,205,916,826)



AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2025

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

Unit: VND

240	IV. Long-term assets in progress	12	9,067,120,273,522	7,483,248,569,570
241	1. Long-term work in progress		195,804,240,940	214,362,850,276
242	2. Construction in progress		8,871,316,032,582	7,268,885,719,294
250	V. Long-term financial investments	04	2,687,592,909,120	2,642,917,975,272
252	1. Investments in joint ventures and associates		2,258,208,135,808	1,958,492,542,280
253	2. Equity investments in other entities		358,702,878,861	329,068,105,622
254	3. Provision for devaluation of long-term investments		(48,815,534,590)	(37,517,822,411)
255	4. Held-to-maturity investments		119,497,429,041	392,875,149,781
260	VI. Other long-term assets		6,727,043,802,283	6,268,779,145,977
261	1. Long-term prepaid expenses	17	6,204,462,521,120	5,871,412,008,061
262	2. Deferred income tax assets	43a	245,690,231,161	300,331,804,167
263	3. Long-term equipment, supplies and spare parts		108,625,965,905	97,035,333,749
269	4. Goodwill	18	168,265,084,097	-
270	TOTAL ASSETS		83,383,682,512,004	86,282,461,490,860

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

Unit: VND

Code	ASSETS	Note	31/12/2024	31/12/2025
300	C. LIABILITIES		24,986,520,299,896	24,080,878,789,838
310	I. Current liabilities		11,594,062,718,132	10,940,794,561,573
311	1. Short-term trade payables	20	990,003,522,683	977,560,282,259
312	2. Short-term prepayments from customers	21	618,985,484,125	1,210,965,510,966
313	3. Taxes and other payables to State budget	22	743,202,155,064	704,131,986,762
314	4. Payables to employees		1,952,983,457,523	2,536,461,010,706
315	5. Short-term accrued expenses	23	443,960,994,408	399,203,909,115
318	6. Short-term unearned revenue	25	382,656,247,271	607,468,819,494
319	7. Other short-term payables	24	1,108,432,716,478	1,727,143,380,611
320	8. Short-term borrowings and finance lease liabilities	19	4,074,933,861,713	1,446,793,217,535
321	9. Provisions for short-term payables	26	23,055,160	39,643,876,712
322	10. Bonus and welfare funds		1,278,881,223,707	1,291,422,567,413
330	II. Non-current liabilities		13,392,457,581,764	13,140,084,228,265
332	1. Long-term prepayments from customers	21	78,723,068,619	78,781,761,067
333	2. Long-term accrued expenses	23	438,988,933,162	253,654,412,736
336	3. Long-term unearned revenue	25	9,095,394,159,991	9,775,066,346,651
337	4. Other long-term payables	24	173,372,363,096	172,420,876,535
338	5. Long-term borrowings and finance lease liabilities	19	2,963,853,299,554	1,526,123,400,920
341	6. Deferred income tax liabilities	43b	4,291,419,969	4,291,419,969
343	7. Science and technology development fund		637,834,337,373	1,329,746,010,387



AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2025

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

Unit: VND

Code	ASSETS	Note	31/12/2024	31/12/2025
400	D. OWNER'S EQUITY	27	58,397,162,212,108	62,201,582,701,022
410	I. Owner's equity		58,343,704,981,056	62,153,706,512,296
411	1. Contributed capital		40,000,000,000,000	40,000,000,000,000
411a	Ordinary shares with voting rights		40,000,000,000,000	40,000,000,000,000
412	2. Share premium		325,832,755,422	13,706,420,744
414	3. Other capital		10,591,031,002	401,346,224,796
415	4. Treasury shares		(959,534,010)	-
416	5. Differences upon asset revaluation		(1,574,186,166,105)	(1,576,214,727,358)
417	6. Exchange rate differences	28	1,348,954,014,686	1,734,063,547,194
418	7. Development and investment fund	27e	6,577,606,883,132	8,581,921,234,139
420	8. Other reserves		252,909,421	-
421	9. Retained earnings		6,240,538,555,066	7,154,047,020,674
421a	RE accumulated to the previous year		2,251,821,936,584	3,389,655,975,696
421b	RE of the current period		3,988,716,618,482	3,764,391,044,978
429	10. Non - Controlling interests		5,415,074,532,442	5,844,836,792,107
430	II. Non-business funds and other funds	29	53,457,231,052	47,876,188,726
431	1. Non-business funds		(33,823,318,791)	(30,220,972,859)
432	2. Funds that form fixed assets		87,280,549,843	78,097,161,585
440	TOTAL CAPITAL		83,383,682,512,004	86,282,461,490,860

CONSOLIDATED STATEMENT OF INCOME

As at 31 December 2025

Unit: VND

Code	ASSETS	Note	31/12/2024	31/12/2025
1	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	31	26,267,016,732,896	29,099,643,438,453
2	2. Revenue deductions	32	25,072,618,051	21,587,754,133
10	3. Net revenue from sales of goods and rendering of services (01 - 02)	33	26,241,944,114,845	29,078,055,684,320
11	4. Cost of goods sold	34	19,276,896,067,715	20,425,399,038,398
20	5. Gross profit from sales of goods and rendering of services (10 - 11)		6,965,048,047,130	8,652,656,645,922
21	6. Financial income	35	957,207,763,983	1,091,453,680,369
22	7. Financial expenses	36	464,998,442,921	310,672,333,715
23	In which: Interest expense		352,905,202,449	240,727,726,843
24	8. Share of joint ventures and associates' profit or loss	37	161,885,146,836	303,625,809,919
25	9. Selling expenses	38	554,280,177,352	477,291,621,028
26	10. General administrative expenses	39	2,325,102,410,148	3,209,454,785,461
30	11. Net profit from operating activities (20+21-22+24-25-26)		4,739,759,927,528	6,050,317,396,006
31	12. Other income	40	1,378,217,343,266	1,958,882,211,302
32	13. Other expenses	41	511,585,831,630	901,544,957,868
40	14. Other profit (31 - 32)		866,631,511,636	1,057,337,253,434
50	15. Total net profit before tax (30+40)		5,606,391,439,164	7,107,654,649,440
51	16. Current corporate income tax expense	42	943,200,647,191	1,052,109,584,509
52	17. Deferred corporate income tax expense	43c	(163,475,234,978)	56,984,169,367
60	18. Profit after corporate income tax (50-51-52)		4,826,666,026,951	5,998,560,895,564
61	19. Profit after tax attributable to owners of the Parent Company		3,988,716,618,482	5,318,551,565,051
62	20. Profit after tax attributable to non-controlling interest		837,949,408,469	680,009,330,513
70	21. Basic earnings per share	44	895	1,250



AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2025

CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS

As at 31 December 2025

Unit: VND

Code	ASSETS	Note	31/12/2024	31/12/2025
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
01	1. Profit before tax		5,606,391,439,164	7,107,654,649,440
	2. Adjustments for			
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties		2,703,728,428,563	3,102,362,980,207
03	- Provisions		69,045,896,917	152,235,586,544
04	- Exchange gains / losses from retranslation of monetary items denominated in foreign currency		(27,096,219,994)	(18,837,987,855)
05	- Gains / losses from investment activities		(1,558,921,278,362)	(2,321,500,878,918)
06	- Interest expense		352,905,202,449	240,727,726,843
07	- Other adjustments		-	496,142,398,953
08	3. Operating profit before changes in working capital		7,146,053,468,737	8,758,784,475,214
09	- Increase, decrease in receivables		(16,162,233,548)	(734,716,793,018)
10	- Increase, decrease in inventories		(985,786,557,745)	(2,331,054,020,202)
11	- Increase, decrease in payables (excluding interest payable, corporate income tax payable)		1,214,983,143,497	3,276,785,589,290
12	- Increase, decrease in prepaid expenses		(2,574,992,566,751)	(36,021,173,202)
14	- Interest paid		(343,068,707,207)	(274,673,812,663)
15	- Corporate income tax paid		(795,928,493,459)	(1,231,204,982,393)
16	- Other receipts from operating activities		1,340,912,360,433	416,189,088,587
17	- Other payments on operating activities		(4,552,018,855,492)	(889,739,096,261)
20	Net cash flow from operating activities		433,991,558,465	6,954,349,275,352

CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS

As at 31 December 2025

Unit: VND

Code	ASSETS	Note	31/12/2024	31/12/2025
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets		(596,299,774,505)	(1,157,963,965,157)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		352,338,150,870	1,489,046,460,351
23	3. Lendings and purchase of debt instruments from other entities		(2,160,763,241,581)	(16,070,192,982,628)
24	4. Collection of lendings and resale of debt instrument of other entities		1,439,382,494,042	15,564,896,221,362
25	5. Equity investments in other entities		(10,885,806,298)	-
26	6. Proceeds from equity investment in other entities		-	3,136,092,729
27	7. Interest and dividend received		358,920,028,113	1,579,888,107,269
30	Net cash flow from investing activities		(617,308,149,359)	1,408,809,933,926
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
31	1. Proceeds from issuance of shares and receipt of contributed capital		-	62,343,873,206
32	2. Repayment of capital contributions and repurchase of stock issued		-	-
33	3. Proceeds from borrowings		6,577,822,955,117	3,945,720,539,873
34	4. Repayment of principal		(6,118,940,467,694)	(8,024,442,882,044)
35	5. Repayment of financial principal		-	(407,633,808)
36	6. Dividends or profits paid to owners		(87,895,463,843)	(2,067,404,555,639)
40	Net cash flow from financing activities		370,987,023,580	(6,084,190,658,412)
50	Net cash flows in the year (50 = 20+30+40)		187,670,432,686	2,278,968,550,866
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		5,564,089,010,514	5,778,855,663,194
61	Effect of exchange rate fluctuations		27,096,219,994	179,609,152,771
70	Cash and cash equivalents at the end of the year		5,778,855,663,194	8,237,433,366,831

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS FOR THE YEAR 2025

The detailed contents of the audited financial statements for the year
2025 have been disclosed at: <https://vrg.vn/>

ANNUAL REPORT 2025

VIET NAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY

Ho Chi Minh City, April 19, 2026

LEGAL REPRESENTATIVE

CHIEF EXECUTIVE OFFICER



LE THANH HUNG



VIET NAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY

236 Nam Ky Khoi Nghia Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

028 39 325 234

vrg.vn